



Do Chính phủ Hoa Kỳ tài trợ



BÁO CÁO

Tình hình tội phạm và thực thi pháp luật
về bảo vệ động vật hoang dã tại Việt Nam,
giai đoạn 2020-2021

BÁO CÁO

Tình hình tội phạm và thực thi pháp luật
về bảo vệ động vật hoang dã tại Việt Nam,
giai đoạn 2020-2021

BÁO CÁO

Tình hình tội phạm và thực thi pháp luật về bảo vệ động vật hoang dã tại Việt Nam, giai đoạn 2020-2021

Báo cáo là kết quả của dự án “Phòng, chống buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã tại Việt Nam” do Cục Phòng chống Ma túy và Thực thi Pháp luật Quốc tế (INL), Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ tài trợ. Nội dung tài liệu do Cục Thống kê tội phạm và Công nghệ thông tin (Cục 2), Viện kiểm sát nhân dân tối cao phối hợp với tổ chức Wildlife Conservation Society (WCS) – Chương trình Việt Nam xây dựng và không nhất thiết phản ánh quan điểm của Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ.

WCS hoạt động tại Việt Nam từ năm 2006, tập trung vào các hoạt động hỗ trợ hoàn thiện khung pháp lý về bảo vệ động vật hoang dã và tăng cường năng lực thực thi pháp luật cho các cơ quan chức năng liên quan tại Việt Nam để đấu tranh với tội phạm về động vật hoang dã. WCS ưu tiên một số lĩnh vực hoạt động chủ chốt nhằm tác động đến các mạng lưới buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã, với mục tiêu cuối cùng là hỗ trợ các cơ quan thực thi pháp luật Việt Nam phòng, chống và đấu tranh hiệu quả đối với loại tội phạm này.

Website: <https://vietnam.wcs.org/>

Trích dẫn:

WCS Việt Nam (2022). Báo cáo Tình hình tội phạm và thực thi pháp luật về bảo vệ động vật hoang dã tại Việt Nam, giai đoạn 2020-2021. WCS Việt Nam. Hà Nội, Việt Nam.

MỤC LỤC

MỤC LỤC.....4

LỜI CẢM ƠN5

GIẢI THÍCH TỪ NGỮ VÀ CÁC TỪ VIẾT TẮT6

TÓM TẮT7

TỔNG QUAN10

1. Bối cảnh của hoạt động đánh giá.....10

2. Mục tiêu hoạt động đánh giá11

3. Phạm vi hoạt động đánh giá11

4. Phương pháp tiến hành hoạt động đánh giá11

5. Hạn chế của hoạt động đánh giá.....12

I. TÌNH HÌNH TỘI PHẠM VỀ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ TẠI VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2020-202114

1.1. Quy mô tội phạm về ĐVHD.....14

1.2. Chuỗi cung ứng của ĐVHD33

II. KẾT QUẢ CÔNG TÁC THỰC THI PHÁP LUẬT ĐỐI VỚI TỘI PHẠM VỀ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ TẠI VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2020-202142

2.1. Công tác tiếp nhận, giải quyết/xử lý tố giác, tin báo về tội phạm ĐVHD42

2.2. Công tác bắt giữ tội phạm liên quan đến ĐVHD43

2.3. Công tác khởi tố tội phạm về ĐVHD theo địa phương.....49

2.4. Công tác điều tra, truy tố, xét xử tội phạm liên quan đến ĐVHD51

III. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC VÀ KHUYẾN NGHỊ63

3.1. Khó khăn, vướng mắc63

3.2. Khuyến nghị66

PHỤ LỤC.....69

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO75

LỜI CẢM ƠN

Tiếp nối các kết quả đã đạt được trong công tác thống kê, đánh giá tình hình tội phạm và thực thi pháp luật về bảo vệ động vật hoang dã giai đoạn 2013-2017, giai đoạn 2018-2019, tổ chức WCS – Chương trình Việt Nam tiếp tục phối hợp với Cục Thống kê tội phạm và Công nghệ thông tin (Cục 2), Viện kiểm sát nhân dân tối cao thực hiện thống kê, phân tích số liệu các vụ án hình sự liên quan đến động vật hoang dã trong hai (02) năm tiếp theo (2020-2021) nhằm đưa ra đánh giá sơ bộ về hiệu quả thực thi pháp luật về bảo vệ động vật hoang dã trong giai đoạn này. Kết quả đã được tổng hợp thành ***Báo cáo Tình hình tội phạm và thực thi pháp luật về bảo vệ động vật hoang dã tại Việt Nam, giai đoạn 2020-2021***.

Chúng tôi đánh giá cao sự hợp tác chặt chẽ của Cục 2, Viện kiểm sát nhân dân tối cao trong việc xây dựng báo cáo này. Chúng tôi cũng xin chân thành cảm ơn Viện kiểm sát nhân dân các cấp và các cơ quan thực thi pháp luật (Công an, Kiểm lâm, Hải quan, Bộ đội biên phòng...) của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trên cả nước đã phối hợp và hỗ trợ chúng tôi trong quá trình tổng hợp thông tin, số liệu và hoàn thiện báo cáo.

GIẢI THÍCH TỪ NGỮ VÀ CÁC TỪ VIẾT TẮT

BLHS:	Bộ luật Hình sự
BLTTHS:	Bộ luật Tố tụng Hình sự
CITES:	Công ước về buôn bán quốc tế các loài động, thực vật hoang dã nguy cấp
ĐVHD:	Động vật hoang dã
ICCWC:	Liên minh phòng chống tội phạm về các loài động, thực vật hoang dã toàn cầu
TAND:	Tòa án nhân dân
UNCAC:	Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng
UNODC:	Cơ quan Phòng chống Ma túy và Tội phạm của Liên Hợp Quốc
UNTOC:	Công ước của Liên hợp quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia
VKSND:	Viện kiểm sát nhân dân
Vụ án:	Vụ vi phạm liên quan đến động vật hoang dã và đã bị cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định khởi tố vụ án hình sự

TÓM TẮT

Báo cáo này cung cấp thông tin khái quát về tình hình tội phạm và thực thi pháp luật về bảo vệ ĐVHD tại Việt Nam trong giai đoạn 2020-2021. Nội dung báo cáo được xây dựng dựa trên dữ liệu thu thập, tổng hợp và phân tích từ phiếu thống kê do VKSND các cấp phối hợp với các cơ quan chức năng liên quan cung cấp. Dữ liệu phù hợp với các tiêu chí thống kê thu thập tại 47 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (16 địa phương còn lại không ghi nhận dữ liệu phù hợp) và được phân tích theo các bộ chỉ số đề xuất bởi Liên minh phòng chống tội phạm về các loài động, thực vật hoang dã toàn cầu (ICCWC), Cơ quan Phòng chống Ma túy và Tội phạm của Liên Hợp Quốc (UNODC), các tổ chức và chuyên gia trong lĩnh vực phòng, chống tội phạm liên quan đến các loài động, thực vật hoang dã. Báo cáo cũng so sánh và đánh giá tính hiệu quả của công tác xử lý tội phạm về ĐVHD giai đoạn trước và sau khi đại dịch Covid-19 xuất hiện (2018-2019 và 2020-2021).

Dưới đây là tóm tắt một số kết quả chính được trình bày trong báo cáo:

- ***Tổng số vụ án và đối tượng bị bắt giữ, xử lý hình sự***

Trong hai năm (2020-2021), các cơ quan chức năng đã khởi tố hình sự 298 vụ án với 389 bị can do có các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ ĐVHD nói chung và động vật nguy cấp, quý, hiếm nói riêng. Cụ thể:

Năm 2020: khởi tố hình sự 130 vụ án với 158 bị can.

Năm 2021: khởi tố hình sự 168 vụ án với 231 bị can.

Trong 298 vụ án nêu trên, có 16 vụ án chưa xác định được đối tượng phạm tội.

- ***Hành vi vi phạm bị bắt giữ, khởi tố***

Trong tổng số 389 bị can bị bắt giữ, khởi tố hình sự thì hành vi buôn bán trái phép ĐVHD là hành vi bị khởi tố hình sự nhiều nhất với 43,7% (170/389 bị can), tiếp theo là hành vi vận chuyển trái phép với 21,08% (82/389 bị can), hành vi tàng trữ trái phép chiếm 8,74% (34/389 bị can), hành vi săn bắt trái phép chiếm 4,63% (18/389 bị can), hành vi nuôi, nhốt trái phép chiếm 3,86% (15/389 bị can), còn lại là các hành vi kết hợp chiếm 17,48% (68/389 bị can).

- ***Tang vật là ĐVHD bị bắt giữ***

Trong hai năm (2020-2021), các cơ quan thực thi pháp luật đã bắt giữ 2.046 cá thể và hơn 12.744 kg ĐVHD, liên quan đến 84 loài bị săn bắt, giết, nuôi, nhốt, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép. Trong đó, các loài bị bắt giữ phổ biến là các loài nguy cấp, quý, hiếm như: tê tê java, voi, rắn hổ mang chúa, hổ, rùa đầu to, các loài rùa hộp trán vàng, đồi mồi, tê giác... Các loại tang vật là ĐVHD bị bắt giữ phổ biến nhất là cá thể ĐVHD (sống, chết, đông lạnh, sấy khô - tiêu bản), hoặc xương, ngà voi, sừng tê giác...

- ***Điểm xuất phát, điểm đến và nguồn gốc ĐVHD***

Dữ liệu thu thập được cho thấy tỷ lệ vụ án liên quan đến ĐVHD có nguồn gốc, điểm xuất phát và điểm đến trong nội địa Việt Nam chiếm đa số với 92,28% (275/298 vụ án), còn lại 7,72% (23/298 vụ án) có yếu tố nước ngoài (điểm xuất phát/điểm đến/nguồn gốc). Lưu ý, số liệu này chỉ phản ánh một phần thực tế về địa điểm xuất phát, điểm đến và nguồn gốc của ĐVHD do trong nhiều vụ án đối tượng phạm tội không khai báo, khai báo không đầy đủ hoặc không chính xác về các thông tin này.

- ***Phân bố giới tính, quốc tịch, độ tuổi của đối tượng phạm tội***

Trong giai đoạn 2020-2021, tỷ lệ Nam giới phạm tội liên quan đến ĐVHD chiếm đa số so với Nữ giới, tỷ lệ lần lượt là 83,8% (326/389 bị can) và 16,2% (63/389 bị can).

Xét về quốc tịch, trong số bị can bị bắt giữ vì các tội liên quan đến ĐVHD, người có quốc tịch Việt Nam chiếm đa số với 99,74% (388/389 bị can), chỉ 1 bị can là người nước ngoài (quốc tịch Campuchia), chiếm 0,26%.

Đáng chú ý, đối tượng phạm tội liên quan đến ĐVHD chủ yếu là người trẻ tuổi, ở độ tuổi lao động trung bình. Trong đó, các đối tượng phạm tội trong độ tuổi từ 30 - 35 tuổi chiếm tỷ lệ cao, với 22,37% (87/389 bị can), tiếp đến là độ tuổi từ 24 - 29 tuổi chiếm tỷ lệ là 19,79% (77/389 bị can), độ tuổi từ 36 - 41 tuổi chiếm tỷ lệ là 18,51% (72/389 bị can), độ tuổi từ 42 - 47 tuổi chiếm 11,31% (44/389), độ tuổi từ 48 - 53 tuổi chiếm 10,03% (39/389), độ tuổi từ 18 - 23 tuổi và từ 54 - 59 tuổi đều chiếm 7,2% (28/389), độ tuổi từ 60 - 65 chiếm 2,57% (10/389) và thấp nhất là độ tuổi từ 66 tuổi trở lên chỉ chiếm 1,03% (4/389). Đặc biệt, không có trường hợp nào người dưới 18 tuổi phạm tội liên quan đến ĐVHD trong giai đoạn này.

- ***Hiệu quả thực thi pháp luật tại các địa phương***

Một số địa phương có số lượng bắt giữ, khởi tố hình sự các tội liên quan đến ĐVHD chiếm tỷ lệ cao, phân bố đều trong 24 tháng (2020-2021). Đây đều là các thành phố lớn hoặc các tỉnh có khu vực biên giới và được coi là “điểm nóng” về tội phạm ĐVHD, bao gồm: Hà Nội (84 vụ án/113 bị can), Nghệ An (24 vụ án/30 bị can), Thanh Hóa (16 vụ án/14 bị can), Quảng Ninh (14 vụ án/26 bị can), TP. Hồ Chí Minh (12 vụ án/10 bị can), Hà Tĩnh (8 vụ án/11 bị can), Sơn La (8 vụ án/14 bị can), Tuyên Quang (10 vụ án/9 bị can), Lai Châu (8 vụ án/14 bị can), Đắk Nông (8 vụ án/9 bị can), Lâm Đồng (8 vụ án/8 bị can), Quảng Bình (7 vụ án/9 bị can), Đắk Lắk (6 vụ án/10 bị can), Kiên Giang (6 vụ án/10 bị can), Ninh Bình (6 vụ án/9 bị can). Trong khi đó, một số địa phương ghi nhận số vụ án/bị can bị khởi tố thấp (1 vụ/1 bị can) như: Phú Thọ, Hà Nam, Hưng Yên, Bình Thuận, Cần Thơ.

Có 16 địa phương báo cáo không ghi nhận vụ án khởi tố hình sự liên quan đến ĐVHD trong giai đoạn này, gồm: Bình Định, Cà Mau, Cao Bằng, Hải Phòng, Lào Cai, Thái Bình, Khánh Hòa, Long An, Bạc Liêu, Bến Tre, Đồng Tháp, Hậu Giang, Tiền Giang, Trà Vinh, Vĩnh Long và Sóc Trăng. Trong đó: Long An, Bạc Liêu, Bến Tre, Đồng Tháp, Hậu Giang và Sóc Trăng là 6 địa phương liên tục trong 4 năm (từ năm 2018 đến năm 2021) không ghi nhận vụ phạm về ĐVHD bị xử lý hình sự.

- ***Tội danh được áp dụng***

Trong tổng số 367 bị cáo bị TAND các cấp xét xử sơ thẩm thì các bị cáo bị xét xử về Tội vi phạm quy định về quản lý, bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm (Điều 244 BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung 2017) chiếm phần lớn với 98,09% (360/367 bị cáo), bị cáo bị xét xử về Tội vi phạm quy định về quản lý, bảo vệ động vật hoang dã (Điều 234 BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung 2017) chiếm 1,63% (6/367 bị cáo), bị cáo bị xét xử về Tội tàng trữ, vận chuyển hàng cấm (Điều 191 BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung 2017) chỉ chiếm 0,27% (1/367 bị cáo).

- ***Loại hình phạt và mức hình phạt***

Trong tổng số 367 bị cáo do TAND các cấp xét xử theo thủ tục sơ thẩm, hình phạt tù có thời hạn chiếm tỷ lệ cao nhất với 49,32% (181/367 bị cáo), hình phạt án treo chiếm tỷ lệ cao thứ hai với 47,96% (176/367 bị cáo); phạt tiền và cải tạo không giam giữ là các hình phạt

chiếm tỷ lệ thấp, lần lượt là 1,91% (7/367 bị cáo) và 0,54% (2/367 bị cáo). Ngoài ra có 0,27% (1/367 bị cáo) được miễn trách nhiệm hình sự.

Trong tổng số 181 bị cáo bị tuyên phạt tù có thời hạn về các tội liên quan đến ĐVHD, số bị cáo bị tuyên hình phạt tù có thời hạn từ 1 - 3 năm chiếm tỷ lệ cao nhất là 59,67% (108/181 bị cáo); số bị cáo bị tuyên hình phạt tù từ trên 3 - 7 năm chiếm tỷ lệ cao thứ hai là 24,31% (44/181 bị cáo); số bị cáo bị tuyên hình phạt tù có thời hạn từ trên 7 - 10 năm chiếm tỷ lệ cao thứ ba là 6,63% (12/181 bị cáo); số bị cáo bị tuyên hình phạt tù trên 10 năm tù chiếm 5,52% (10/181 bị cáo); thấp nhất là mức phạt dưới 1 năm tù chỉ chiếm 3,87 % (7/381 bị cáo).

Trong tổng số 10 bị cáo bị phạt tiền (hình phạt chính) với tổng số tiền là 3,850 tỷ đồng, bị cáo bị tuyên hình phạt tiền cao nhất là 700 triệu đồng và thấp nhất là 50 triệu đồng.

Ngoài hình phạt chính, có 22/367 bị cáo bị xét xử sơ thẩm chiếm 6% còn phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền với tổng số tiền là 1,165 tỷ đồng, trong đó mức phạt tiền bổ sung cao nhất là 100 triệu đồng và thấp nhất là 50 triệu đồng. Chỉ có 1/367 bị cáo bị xét xử sơ thẩm chiếm 0,27% bị áp dụng hình phạt bổ sung là trục xuất là người nước ngoài phạm tội liên quan đến ĐVHD ở Việt Nam.

TỔNG QUAN

1. Bối cảnh của hoạt động đánh giá

Giai đoạn 2020-2021 là khoảng thời gian đại dịch Covid-19 bùng phát nghiêm trọng nhất trên toàn thế giới và đã lấy đi sinh mạng của hàng triệu người. Tại Việt Nam, đại dịch Covid-19 không chỉ gây ra những thiệt hại đến đời sống, sức khỏe của toàn xã hội, mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến các hoạt động phát triển kinh tế, an ninh trật tự; trong đó có hoạt động thực thi pháp luật của các cơ quan chức năng. Việc phải kéo dài thời gian xác minh, điều tra do những hạn chế về đi lại, hạn chế tiếp xúc đông người trong thời gian giãn cách xã hội ảnh hưởng không nhỏ đến công tác thụ lý, giải quyết các vụ việc vi phạm pháp luật nói chung, vi phạm liên quan đến bảo vệ ĐVHD nói riêng tại nhiều cơ quan và địa phương. Bên cạnh đó, Covid-19 được cho là tác nhân khiến tình trạng vi phạm liên quan đến ĐVHD ngày càng gia tăng trên không gian mạng như tình trạng quảng cáo bán trên các nền tảng mạng xã hội (như Facebook, YouTube, Zalo, TikTok...) hay các trang thương mại điện tử khác. Ngoài ra, Covid-19 còn được cho là khởi phát từ ĐVHD tại một chợ bán ĐVHD sống ở Trung Quốc (Cyranoski, 2020; Lu và nhóm tác giả., 2020; Zhang và nhóm tác giả., 2020; Zhou và nhóm tác giả., 2020). Do vậy, trong khoảng thời gian này, vấn đề rủi ro dịch bệnh lây truyền từ ĐVHD sang người được đặc biệt quan tâm hơn tại Việt Nam.

Để giảm thiểu nguy cơ đe dọa đến sức khỏe cộng đồng, Chính phủ đã có những hành động nhanh chóng, quyết liệt để hạn chế những nguy cơ xuất hiện các mầm bệnh, cụ thể là khả năng phát sinh dịch bệnh do vi rút lây từ ĐVHD sang người, bất kể đó là hoạt động buôn bán hợp pháp hay bất hợp pháp. Đồng thời, Chính phủ đã có những chỉ đạo cụ thể đối với các cơ quan thực thi pháp luật liên quan nhằm tăng cường công tác điều tra, bắt giữ, xử lý với các hình phạt thích đáng đối với các cá nhân và pháp nhân liên quan đến các mạng lưới buôn bán trái phép ĐVHD, đặc biệt là các nhóm tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia. Trong Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 28/01/2020 về việc phòng, chống dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của vi rút Corona gây ra, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ thị “cấm nhập khẩu động vật hoang dã vào Việt Nam”. Tiếp đó, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 29/CT-TTg ngày 23/7/2020 về một số giải pháp cấp bách quản lý ĐVHD, trong đó chỉ đạo đặc biệt lưu ý đó là “Dừng nhập khẩu động vật hoang dã còn sống hay đã chết, trứng, ấu trùng, bộ phận, dẫn xuất của các loài động vật hoang dã [...] đến khi có chỉ đạo mới của Thủ tướng Chính phủ hoặc trường hợp đặc biệt được Thủ tướng Chính phủ cho phép. Mọi trường hợp nhập khẩu động vật hoang dã trái với Chỉ thị này phải xử lý nghiêm minh theo quy định của pháp luật đối với động vật hoang dã bất hợp pháp”. Với Chỉ thị số 29, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo đồng loạt các cơ quan, ban ngành ở cả cấp trung ương và địa phương cùng chung tay bảo vệ các loài ĐVHD thông qua việc tăng cường công tác quản lý, thực thi pháp luật và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ ĐVHD. Đồng thời, Thủ tướng Chính phủ đề nghị VKSND tối cao và TAND tối cao áp dụng hình phạt nghiêm khắc đối với những kẻ chủ mưu, cầm đầu lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội liên quan đến ĐVHD, động vật nguy cấp, quý, hiếm.

Năm 2020-2021 cũng là giai đoạn có một số điểm mới trong quy định pháp luật về quản lý, bảo vệ ĐVHD kể từ sau khi có sự thay đổi lớn của BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) về các tội danh liên quan đến ĐVHD. Cụ thể, Quốc hội đã ban hành Luật Đầu tư năm 2020 trong đó có Phụ lục liệt kê Danh mục loài thực vật rừng, động vật rừng, thủy sản nguy cấp, quý, hiếm làm căn cứ cho quy định về ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh (có hiệu lực từ ngày 01/01/2021). Ngoài ra, Chính phủ cũng đã ban hành, sửa đổi, bổ sung một số văn bản

nghư: Nghị định 98/2020/NĐ-CP ngày 26/8/2020 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (có hiệu lực từ ngày 15/10/2020); Nghị định 38/2021/NĐ-CP ngày 29/03/2021 về việc quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa và quảng cáo (có hiệu lực từ ngày 01/6/2021); Nghị định 84/2021/NĐ-CP ngày 22/9/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 06/2019/NĐ-CP về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp (có hiệu lực từ ngày 30/11/2021)...

Trong bối cảnh này, việc phân tích, đánh giá thường xuyên trên phạm vi toàn quốc nhằm xác định tình hình, xu hướng phạm tội liên quan đến ĐVHD giúp ích cho các cơ quan chức năng liên quan đưa ra các giải pháp phòng, chống buôn bán trái phép ĐVHD và phòng, ngừa dịch bệnh kịp thời và hiệu quả. Hoạt động thống kê, phân tích số liệu về tình hình tội phạm và đánh giá hiệu quả công tác xử lý tội phạm liên quan đến ĐVHD cung cấp dữ liệu cơ sở cho việc đưa ra các giải pháp đó.

2. Mục tiêu hoạt động đánh giá

- a. Phân tích, đánh giá được tình hình, xu hướng tội phạm về ĐVHD giai đoạn 2020-2021 (thông qua số vụ án, các loài ĐVHD bị xâm hại hay các sản phẩm từ ĐVHD bị tịch thu, đối tượng phạm tội, hành vi vi phạm, phương tiện phạm tội...);
- b. Phân tích, đánh giá hiệu quả thực thi pháp luật của các cơ quan chức năng đối với loại hình tội phạm này (các cơ quan thực hiện hoạt động bắt giữ/truy tố/xét xử, cơ chế phối hợp...);
- c. Xác định được những thuận lợi và khó khăn trong thực tế xử lý các vụ án. Từ đó đưa ra các khuyến nghị nhằm hoàn thiện khung pháp luật và tăng cường hiệu quả thực thi của các cơ quan chức năng liên quan.

3. Phạm vi hoạt động đánh giá

Hoạt động đánh giá trong báo cáo này có phạm vi như sau:

- Về loại hình vi phạm: Chỉ bao gồm các hành vi vi phạm liên quan đến ĐVHD và bị xử lý về hình sự (không bao gồm các hành vi vi phạm bị xử lý về hành chính).
- Về đối tượng bị xâm hại: Bao gồm các loài ĐVHD là động vật rừng và động vật trên cạn khác, không bao gồm các loài thủy sản (trừ loài rùa biển).
- Về tội danh khởi tố, truy tố, xét xử: Chỉ bao gồm các vụ án/bị can, bị cáo bị các cơ quan chức năng của Việt Nam ra quyết định khởi tố, truy tố, xét xử theo 03 điều luật của BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), bao gồm Tội tàng trữ, vận chuyển hàng cấm (Điều 191); Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã (Điều 234) và Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm (Điều 244).
- Về thời điểm thống kê: Chỉ bao gồm các vụ án/bị can, bị cáo bị khởi tố, truy tố, xét xử từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2021.
- Về cơ quan thực thi pháp luật về bảo vệ ĐVHD: Ngoài các lực lượng thực thi pháp luật chính (Công an, Kiểm lâm, Bộ đội biên phòng, Hải quan), còn có các lực lượng khác phối hợp trong phát hiện, bắt giữ, xử lý tội phạm liên quan đến ĐVHD như: Quản lý thị trường, An ninh hàng không...

4. Phương pháp tiến hành hoạt động đánh giá

a. Thu thập số liệu:

Cục 2, VKSND tối cao là đầu mối trong việc thu thập, tổng hợp, phân tích số liệu do VKSND các cấp phối hợp với các cơ quan chức năng liên quan của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trên toàn quốc thu thập và cung cấp.

Số liệu được thu thập từ nguồn dữ liệu tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và hồ sơ các vụ án hình sự liên quan đến ĐVHD trên toàn quốc. Các vụ án hình sự được thu thập bao gồm các trường hợp bị khởi tố, truy tố, xét xử trong khoảng thời gian từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2021, những trường hợp bị phát hiện, bắt giữ trong khoảng thời gian này nhưng khởi tố sau ngày 31/12/2021 thì không được thống kê. Đối với những trường hợp đã bị khởi tố hoặc truy tố trước ngày 01/01/2020 nhưng đến sau ngày 01/01/2020 mới truy tố, xét xử thì vẫn được thu thập để phân tích và đưa vào báo cáo.

Thông tin chi tiết được mô tả trong Mẫu phiếu Thống kê xử lý vi phạm các quy định pháp luật về bảo vệ ĐVHD, động vật nguy cấp, quý, hiếm (Phụ lục).

b. Xác minh số liệu:

Nhằm làm rõ các nhận định, đánh giá đưa ra trong báo cáo, Cục 2, VKSND tối cao cùng với WCS Việt Nam đã lựa chọn và thực hiện khảo sát thực tế tại một số địa phương, bao gồm: Lai Châu, Điện Biên, Kon Tum, Đắk Lắk, Tây Ninh và Cà Mau. Thông qua làm việc với đại diện VKSND, các cơ quan thực thi pháp luật và cơ quan tư pháp tại địa phương, hoạt động khảo sát nhằm xác minh dữ liệu đã thu thập được, đồng thời thu thập các thông tin có liên quan bổ sung cho báo cáo.

c. Tổng hợp, phân tích số liệu:

Số liệu thu thập được tổng hợp và phân tích theo các chỉ số dựa trên phương pháp được đề xuất bởi ICCWC, UNODC, các tổ chức và chuyên gia trong lĩnh vực phòng, chống tội phạm liên quan đến các loài động, thực vật hoang dã.

Bên cạnh đó, số liệu về kết quả xử lý tội phạm liên quan đến ĐVHD giai đoạn 2020-2021 cũng được so sánh với giai đoạn 2018-2019 để thấy được tính hiệu quả trong công tác đấu tranh, xử lý và ngăn chặn tội phạm liên quan đến ĐVHD trong giai đoạn trước và trong khi đại dịch Covid-19 xuất hiện và bùng phát tại Việt Nam.

5. Hạn chế của hoạt động đánh giá

a. Tính toàn diện

- Dữ liệu đánh giá không bao gồm các vụ vi phạm xử lý bằng biện pháp hành chính, do đó chưa phản ánh đầy đủ bức tranh tổng thể về tình hình vi phạm và tội phạm liên quan đến ĐVHD tại Việt Nam trong giai đoạn 2020-2021.
- Dữ liệu đánh giá phù hợp với các tiêu chí đưa ra chỉ thu thập được tại 47 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, còn lại 16 địa phương báo cáo không có vụ vi phạm liên quan đến ĐVHD bị bắt giữ, khởi tố hình sự trong giai đoạn 2020-2021, gồm: Bình Định, Cà Mau, Cao Bằng, Hải Phòng, Lào Cai, Thái Bình, Khánh Hòa, Long An, Bạc Liêu, Bến Tre, Đồng Tháp, Hậu Giang, Tiền Giang, Trà Vinh, Vĩnh Long và Sóc Trăng.
- Một số dữ liệu chưa được ghi nhận đầy đủ, cụ thể như các vụ bắt giữ có khai báo, ghi nhận nguồn gốc, điểm xuất phát và điểm đến rất hạn chế nên rất khó để đưa ra kết luận chính xác, toàn diện về tuyến đường, địa bàn trọng điểm. Một số vụ vi phạm bị đình chỉ, tạm

đình chỉ điều tra được ghi nhận với lý do “thay đổi về chính sách, pháp luật”, tuy nhiên không thể hiện rõ là chính sách, pháp luật cụ thể nào.

- Đây là một báo cáo mang tính định lượng và phân tích vấn đề dựa trên các con số cụ thể liên quan đến xử lý hình sự các vụ vi phạm liên quan đến ĐVHD. Do không có thông tin thống kê định tính nên báo cáo không phân tích sâu về các nguyên nhân chính của các hành vi săn bắt, giết, nuôi, nhốt, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép ĐVHD; các khó khăn, vướng mắc trong áp dụng pháp luật và trong công tác phát hiện, xử lý của các cơ quan chức năng để có thể đề xuất cụ thể các biện pháp nâng cao hiệu quả công tác này.

b. Tính nhất quán

- Về đơn vị: Để có thể phân tích chi tiết mức độ và tình hình các loài ĐVHD bị săn bắt, giết, nuôi, nhốt, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép, yêu cầu đặt ra là cần thu thập thông tin chi tiết về các loài ĐVHD, các loại hình của ĐVHD và sản phẩm ĐVHD (con sống, đông lạnh, da, thịt, xương, sừng, ngà, vẩy, sản phẩm chế tác...), số lượng của từng loài (cá thể, khúc, sừng, mảnh, lông, đuôi...), khối lượng của từng loài theo loại hình (số kg) bị bắt giữ. Mặc dù đơn vị đầu mối đã xây dựng Mẫu Phiếu thống kê và bản hướng dẫn chi tiết cho các đơn vị địa phương nhằm thực hiện thống nhất về phương pháp tính phục vụ công tác thống kê, phân tích số liệu, tuy nhiên trên thực tế có nhiều dạng của ĐVHD và sản phẩm ĐVHD vẫn khó có thể thống nhất đơn vị, ví dụ: mật gấu tính theo chai/lọ hoặc ml, sừng tê giác tính theo chiếc/mẫu hoặc kg, v.v.
- Về cách thức kiểm kê: Các cơ quan chức năng có cách thức kiểm kê tang vật là ĐVHD trong các vụ vi phạm không thống nhất, có thể kiểm kê theo số lượng (cá thể, bộ phận, sản phẩm...) hoặc theo khối lượng ĐVHD, sản phẩm ĐVHD, thậm chí có nhiều đơn vị không ghi chép và/hoặc nhập đầy đủ số lượng (cá thể), khối lượng (kg) các loại hình khác của ĐVHD (đầu, móng/vuốt, răng/nanh, mật...) vào Phiếu Thống kê nên không thể tổng hợp đầy đủ cả số lượng, khối lượng và loại hình khác của ĐVHD đã bắt giữ, xử lý hình sự trong giai đoạn 2020-2021.

Sự không nhất quán này đã hạn chế việc phân tích sâu hơn về xu hướng, số lượng và khối lượng ĐVHD và các loại hình ĐVHD khác (đầu, móng/vuốt, răng/nanh, mật...) bị săn bắt, giết, nuôi, nhốt, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép, từ đó làm giảm độ tin cậy và tính đầy đủ của báo cáo.

c. Tính khách quan

Những thông tin, số liệu thô sử dụng trong Báo cáo này được thu thập bởi các cán bộ kiểm sát địa phương, sau đó được chuyển tiếp qua nhiều cấp trước khi tổng hợp, do đó có thể không tránh khỏi sai sót.

I. TÌNH HÌNH TỘI PHẠM VỀ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ TẠI VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2020-2021

1.1. Quy mô tội phạm về ĐVHD

1.1.1. Số vụ án và số loài ĐVHD bị bắt giữ

Trong giai đoạn 2020-2021, các cơ quan thực thi pháp luật của Việt Nam đã ra quyết định khởi tố hình sự đối với 298 vụ án và 389 bị can do vi phạm các quy định pháp luật về bảo vệ ĐVHD và các loài động vật nguy cấp, quý, hiếm (trong đó có 16 vụ án chưa xác định được người thực hiện hành vi phạm tội).

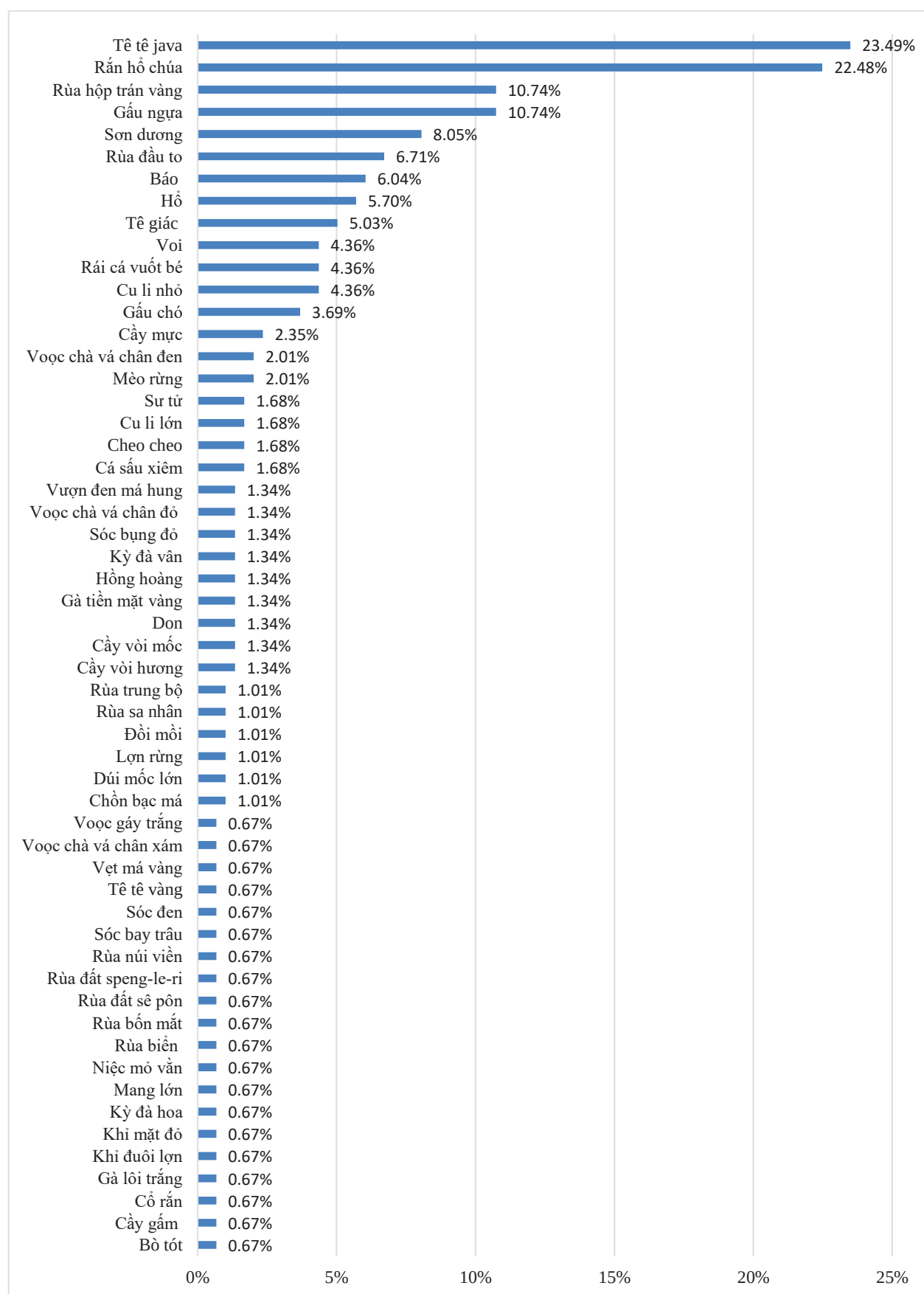
Trong tổng số 298 vụ án nêu trên, đã xác định có **84 loài** ĐVHD bị xâm hại. Cụ thể: **40/84** loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ kèm theo Nghị định số 64/2019/NĐ-CP ngày 16/7/2019 của Chính phủ; **42/84** loài thuộc nhóm IB và **23/84** loài thuộc nhóm IIB của Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý hiếm kèm theo Nghị định số 84/2021/NĐ-CP ngày 22/9/2021 của Chính phủ; **01/84** loài thuộc Danh mục loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ và **14/84** loài là loài động vật rừng thông thường.

Số vụ liên quan đến tê tê java (*Manis javanica*) chiếm tỷ lệ lớn nhất với 23,49% (70/298 vụ án), tiếp đến là rắn hổ mang chúa (*Ophiophagus hannah*) có tỷ lệ các vụ án đứng thứ hai, với 22,48% (67/298 vụ án), các loài rùa hộp trán vàng (*chưa rõ loài cụ thể*) và gấu ngựa (*Ursus thibetanus*) mỗi loài cùng chiếm tỷ lệ trong số các vụ án là 10,74% (32/298 vụ án), sơn dương (*Capricornis milneedwardsii*) là 8,05% (24/298 vụ án), rùa đầu to (*Platysternum megacephalum*) là 6,71% (19/298 vụ án), các loài báo là 6,04% (18/298 vụ án), các loài hổ 5,7% (17/298 vụ án), các loài tê giác 5,37% (16/298 vụ án) ... - (**Biểu đồ 1**).

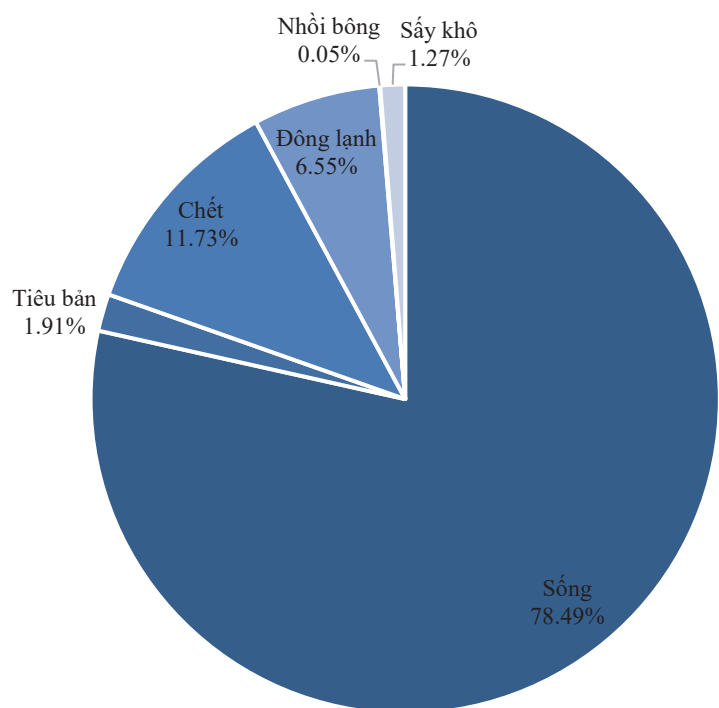
1.1.2. Loại hình của ĐVHD bị bắt giữ

Các loài ĐVHD bị bắt giữ trong các vụ vi phạm tồn tại ở rất nhiều dạng khác nhau với các đơn vị tính khác nhau: dạng cá thể (sống, chết, đông lạnh, tiêu bản) với đơn vị tính là cá thể và kilogram (kg); bộ phận cơ thể (thịt, xương, da, chi, vảy, sừng...) với đơn vị tính là kilogram (kg) và các loại khác như: móng, vuốt, răng, sản phẩm chế tác, mật,... thì đơn vị tính là cái/chiếc/lo... Cụ thể như sau:

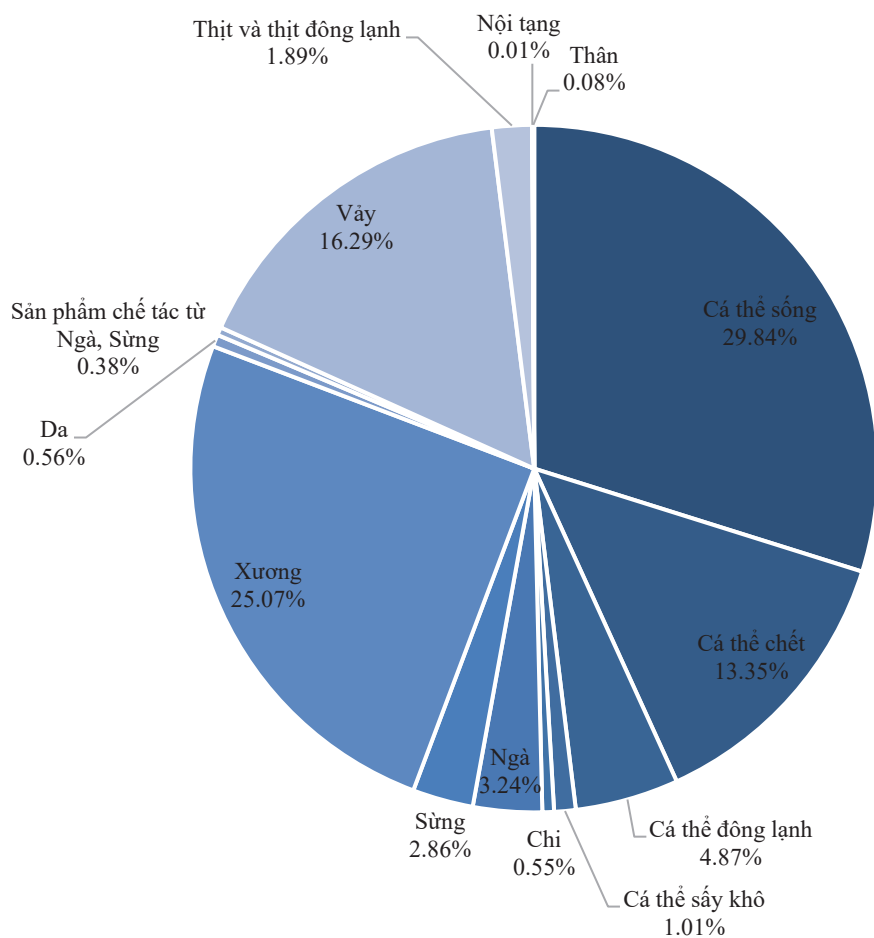
- Về số lượng cá thể, trong tổng số 2.046 cá thể ĐVHD bị các cơ quan thực thi pháp luật bắt giữ, có 78,49% còn sống (1.606/2.046 cá thể); 11,73% đã chết (240/2.046 cá thể); 6,55% đông lạnh (134/2.046 cá thể); 1,91% tiêu bản (39/2.046 cá thể); 1,27% sấy khô (26/2.046 cá thể) và 0,05% nhồi bông (01/2.046 cá thể) (**Biểu đồ 2**).
- Về khối lượng, trong tổng số hơn 12.744,13 kg ĐVHD bị các cơ quan thực thi pháp luật bắt giữ, ĐVHD còn sống chiếm tỷ lệ cao nhất là 29,84% (3.803,2/12.744,13 kg), tiếp đến là xương ĐVHD chiếm 25,07% (3198,2/12.744,13 kg), ĐVHD đã chết 13,35% (1.701,4/12.744,13 kg), ĐVHD đông lạnh chiếm tỷ lệ cao thứ ba là 4,87% (621/12.744,13 kg), ngà voi chiếm tỷ lệ cao thứ tư là 3,24% (413,32/12.744,13 kg), sừng tê giác chiếm tỷ lệ cao thứ năm là 2,86% (363,86/12.744,13 kg), ngoài ra còn có khối lượng thịt ĐVHD, ĐVHD sấy khô, chi, tiêu bản, sản phẩm chế tác và các loại hình khác của ĐVHD chiếm tỷ lệ nhỏ (**Biểu đồ 3**).



Biểu đồ 1. Tỷ lệ số vụ án bị khởi tố hình sự theo các loài ĐVHD



Biểu đồ 2. Tỷ lệ loại hình ĐVHD bị bắt giữ trong các vụ án theo số lượng cá thể



Biểu đồ 3. Tỷ lệ các loại hình ĐVHD bị bắt giữ trong các vụ án theo khối lượng

- Về các loại hình ĐVHD khác bị bắt giữ (đầu, móng/vuốt, răng/nanh, mật...): Ngoài số lượng cá thể và khối lượng ĐVHD bắt giữ nêu trên, các cơ quan thực thi pháp luật còn bắt giữ các loại hình khác của ĐVHD, gồm: 20 cái đầu, 118 chiếc răng/nanh, 256 cái móng/vuốt và 146 lọ mật của các loài ĐVHD.

1.1.3. Số lượng cá thể và khối lượng của các loài ĐVHD bị bắt giữ

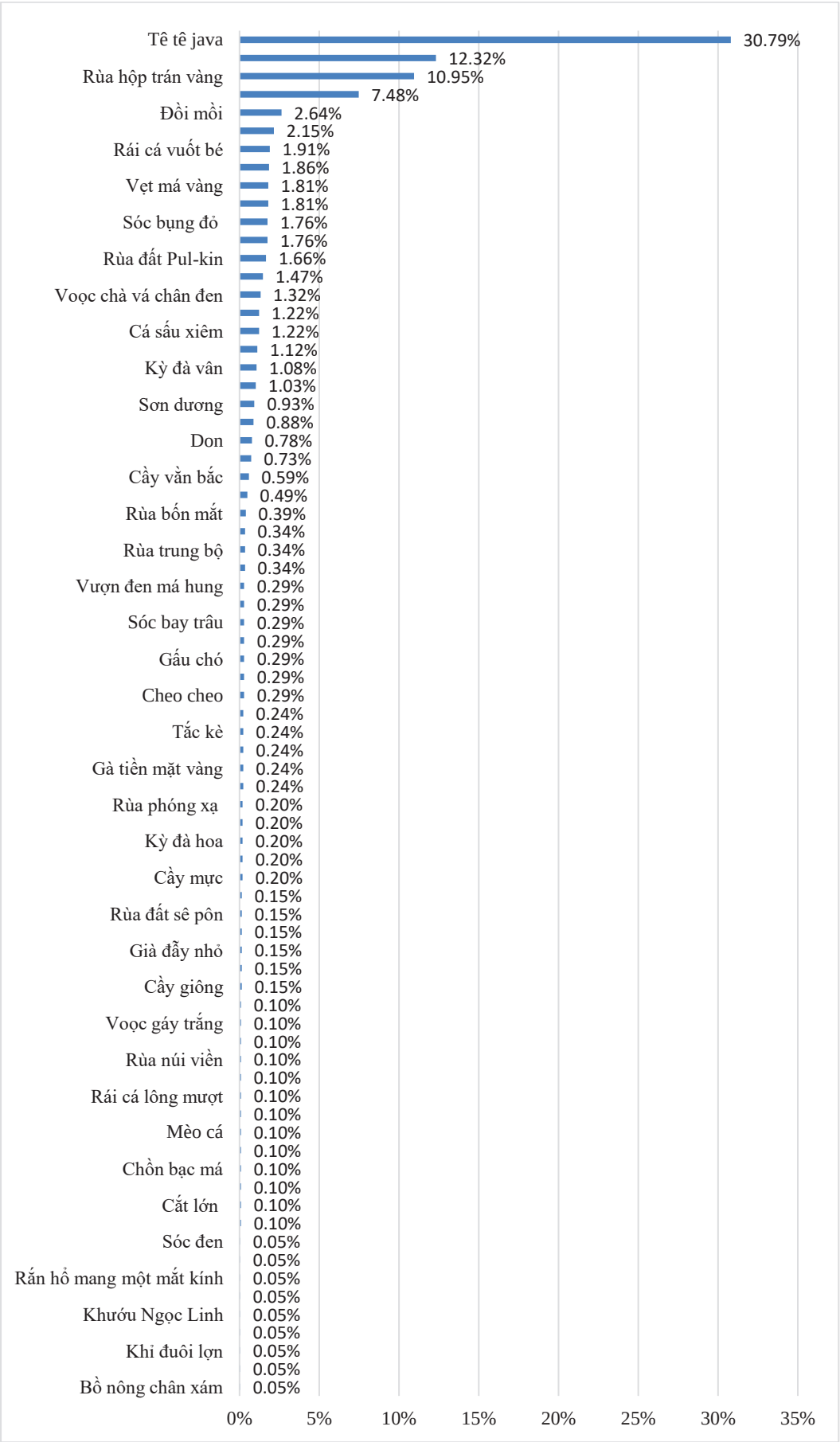
1.1.2.1 Số lượng cá thể ĐVHD bị bắt giữ

Trong số các vụ án đã khởi tố hình sự, có 2.046 cá thể ĐVHD gồm các loại hình như: sống, chết, đông lạnh và tiêu bản. Nếu xét riêng về số lượng cá thể theo loài ĐVHD cho thấy, tê tê java (*Manis javanica*) chiếm hơn 1/3 tổng số cá thể ĐVHD bị bắt giữ với 30,79% (630/2.046 cá thể), tiếp đến lần lượt là loài rùa đầu to (*Platysternum megacephalum*) chiếm tỷ lệ là 12,32% (252/2.046 cá thể), các loài rùa hộp trán vàng (*chưa rõ loài cụ thể*) là 10,95% (224/2.046 cá thể), rắn hổ mang chúa (*Ophiophagus hannah*) là 7,48% (153/2.046 cá thể), đồi mồi (*Eretmochelys imbricata*) là 2,64% (54/2.046 cá thể), cây vòi hương (*Paradoxurus hermaphroditus*) là 2,15% (44/2.046 cá thể), rái cá vuốt bé (*Aonyx cinerea*) là 1,91% (39/2.046 cá thể)..., thấp nhất là bò nông chân xám (*Pelecanus philippensis*), hươu xạ (*Moschus berezovskii*), khỉ mặt đỏ (*Macaca arctoides*), khướu ngọc linh (*Garrulax ngoclinhensis*), mang lớn (*Muntiacus vuquangensis*), rắn hổ mang một mắt kính (*Naja kaouthia*), sóc bay lông tai (*Belomys pearsonii*)... mỗi loài chỉ chiếm 0,05% (1/2.046 cá thể) trên tổng số lượng cá thể bị bắt giữ, xử lý về hình sự - (Biểu đồ 4).

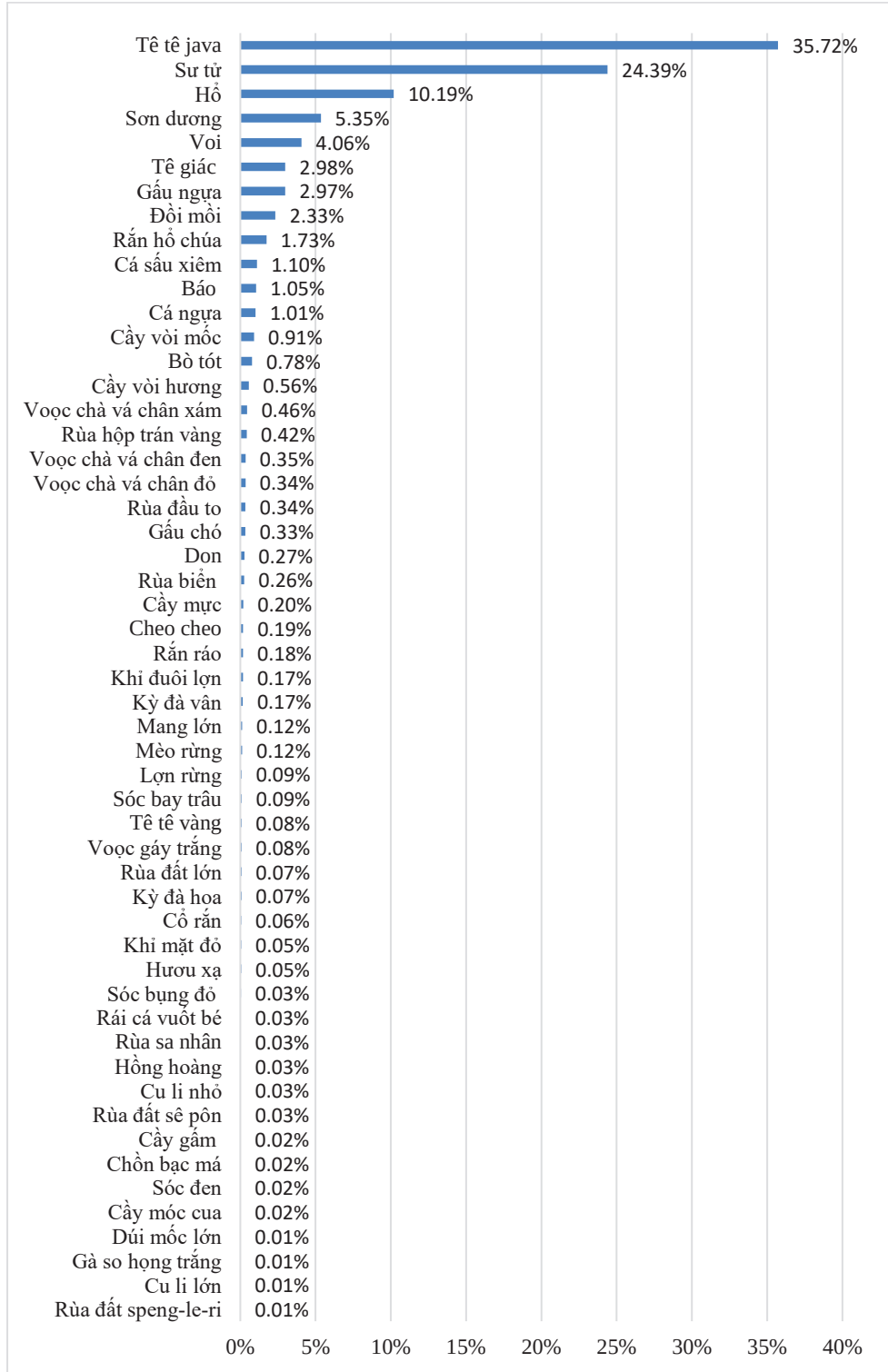
1.1.2.2 Khối lượng ĐVHD bị bắt giữ

Tổng khối lượng ĐVHD trong các vụ án là gần 12,75 tấn (12.744,13 kg). Trong số này, tê tê java (*Manis javanica*) là loài có khối lượng bị bắt giữ lớn nhất, chiếm 35,72% (4.552,55/12.744,13 kg), tiếp đến lần lượt là các loài sư tử 24,39% (3.108/12.744,13 kg), các loài hổ 10,19% (198,39/12.744,13 kg), sơn dương (*Capricornis milneedwardsii*) 5,35% (682,1/12.744,13 kg), các loài voi 4,06% (517,888/12.744,13 kg), các loài tê giác 2,98% (379,261/12.744,13 kg), gấu ngựa (*Ursus thibetanus*) 2,97% (378,7/12.744,13 kg)... (Biểu đồ 5).

Lưu ý rằng, các con số nêu trên chỉ phản ánh phần nào thực tế về tổng số lượng cá thể, khối lượng và các loại hình khác theo từng loài ĐVHD bị bắt giữ do một số vụ án hình sự không kiểm đếm, ghi nhận đồng thời theo số lượng cá thể hoặc số lượng các bộ phận cơ thể, sản phẩm ĐVHD (thịt, xương, da, chi...) và theo khối lượng (kg) tang vật bắt giữ; đặc biệt, đối với các loại hình khác (đầu, móng/ vuốt, răng/ nanh, mật...).



Biểu đồ 4. Tỷ lệ các loài ĐVHD bị bắt giữ trong các vụ án theo số lượng cá thể

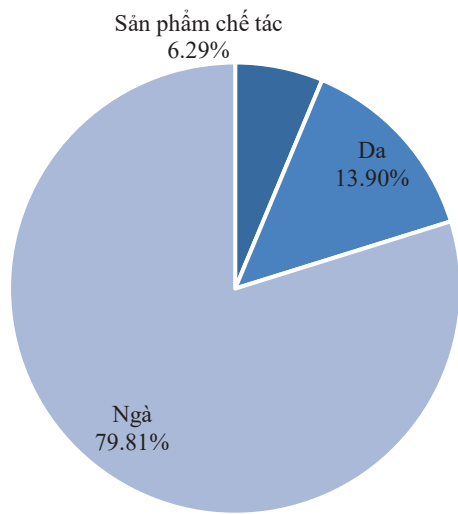


Biểu đồ 5. Tỷ lệ các loài ĐVHD bị bắt giữ trong các vụ án theo khối lượng

1.1.4. Tội phạm liên quan đến loài voi

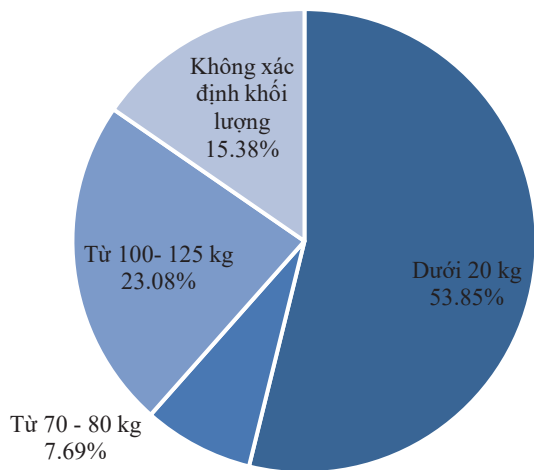
Về tang vật bắt giữ: Trong giai đoạn 2020-2021, các cơ quan thực thi pháp luật đã xử lý 13 vụ án liên quan đến loài voi với tang vật bắt giữ ở dạng ngà voi thô, da và sản phẩm chế tác từ ngà voi. Tổng khối lượng sản phẩm từ voi bị bắt giữ trong các vụ án này là 517,89 kg (xếp ở vị trí thứ năm với 4,06% so với tổng số khối lượng ĐVHD bị bắt giữ trong giai đoạn đánh giá). Trong đó, ngà voi thô chiếm 79,81% (413,32/517,89 kg), tiếp theo là da chiếm 13,9%

(72/517,89 kg) và sản phẩm chế tác từ ngà voi (nhẫn, vòng tay...) chỉ chiếm tỷ lệ nhỏ là 6,29% (32,57/517,89 kg) - (Biểu đồ 6).



Biểu đồ 6. Tỷ lệ các loại hình sản phẩm của voi là tang vật trong các vụ án theo khối lượng

Về quy mô tội phạm: Trong tổng số 13 vụ án liên quan đến loài voi, có 2 vụ án (chiếm 15,38%) số vụ không xác định khối lượng, còn lại số vụ vi phạm liên quan đến ngà voi hoặc sản phẩm từ ngà voi có khối lượng dưới 20 kg chiếm tỷ lệ cao nhất, với 53,85% (7/13 vụ án), tiếp đến là mức 100 kg - 125kg chiếm tỷ lệ là 23,08% (3/13 vụ án) và thấp nhất là mức 70 – 80 kg chiếm tỷ lệ là 7,69% (1/13 vụ án) – (Biểu đồ 7).



Biểu đồ 7. Quy mô các vụ án liên quan đến ngà voi xét theo khối lượng

Về địa phương bắt giữ, xử lý: 13 vụ án liên quan đến loài voi xảy ra tại 6 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương như sau:

- Xét theo số lượng vụ án khởi tố: Hà Nội (8 vụ án); TP. Hồ Chí Minh, Lạng Sơn, Bình Dương, và Quảng Ninh mỗi địa phương khởi tố 1 vụ án - (Biểu đồ 8).

- Xét theo khối lượng ngà voi hoặc sản phẩm liên quan đến loài voi bị bắt giữ: Hà Nội (433,96 kg), Quảng Ninh (72 kg), TP. Hồ Chí Minh (9,52 kg), Lạng Sơn (2,3 kg) và thấp nhất là Bình Dương (0,108 kg) - **(Biểu đồ 8)**.



Biểu đồ 8. Các vụ án liên quan đến loài voi xét theo địa phương

1.1.5. Tội phạm liên quan đến loài tê tê

Về tang vật bắt giữ:

Trong giai đoạn 2020-2021, các cơ quan chức năng đã xử lý 72 vụ án liên quan đến tê tê, ở dạng cá thể (sống, chết, đông lạnh và sấy khô), trong đó số vụ án có tang vật là tê tê java chiếm phần lớn với 97,22% (70/72 vụ án), tê tê vàng chỉ chiếm tỷ lệ nhỏ 2,78% (2/72 vụ án). Tổng số lượng tê tê bị bắt giữ là 633 cá thể, tổng khối lượng ghi nhận được là 4.563,2 kg.

- Xét theo khối lượng tang vật: Trong tổng số 72 vụ án liên quan đến tê tê có 13 vụ án không ghi nhận khối lượng và 59 vụ án có ghi nhận khối lượng. Tê tê là loài có khối lượng chiếm tỷ lệ cao nhất so với tổng khối lượng tang vật các loài ĐVHD trong các vụ án hình sự trong giai đoạn này, với 35,81% (4.563,2/12.744,13 kg) - **(Biểu đồ 5)**. Trong đó, khối lượng tê tê sống chiếm tỷ lệ cao nhất là 50,12% (2.287,15/4.563,2 kg), tiếp đến là vảy tê tê chiếm 45,49% (2076/4.563,2 kg), còn lại là tê tê chết chiếm 4,19% (191,3/4.563,2 kg) và đông lạnh (9/4.563,2 kg) chỉ chiếm 0,2%. - **(Biểu đồ 9)**.
- Xét theo số lượng cá thể tang vật: Trong tổng số 633 cá thể tê tê bị bắt giữ thì các cá thể tê tê sống chiếm phần lớn với 84,04% (532/633 cá thể), tiếp đến lần lượt là tê tê chết chiếm 14,85% (94/633 cá thể), tê tê đông lạnh chiếm 0,95% (6/633 cá thể) và tê tê sấy khô chỉ chiếm 0,16% (1/633 cá thể).

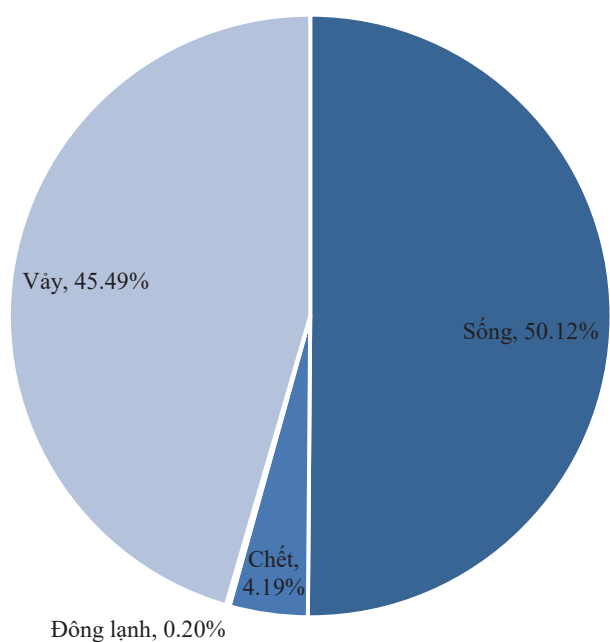
Về quy mô tội phạm:

Trong tổng số 72 vụ án liên quan đến tê tê, có 10 vụ án không ghi nhận số lượng cá thể và 62 vụ án có ghi nhận số lượng cá thể. Trong đó, số vụ vi phạm dưới 3 cá thể chiếm tỷ lệ cao nhất là 55,56% (40/72 vụ án), tiếp đến lần lượt là từ 3 - 7 cá thể chiếm tỷ lệ là 19,44% (14/72 vụ án), từ 8 - 13 cá thể và trên 100 cá thể đều chiếm 4,17% (3/72 vụ án); thấp nhất là số vụ án từ 15 - 20 cá thể và từ 40 - 50 cá thể đều chiếm tỷ lệ là 1,39% (1/72 vụ án) - **(Biểu đồ 10)**.

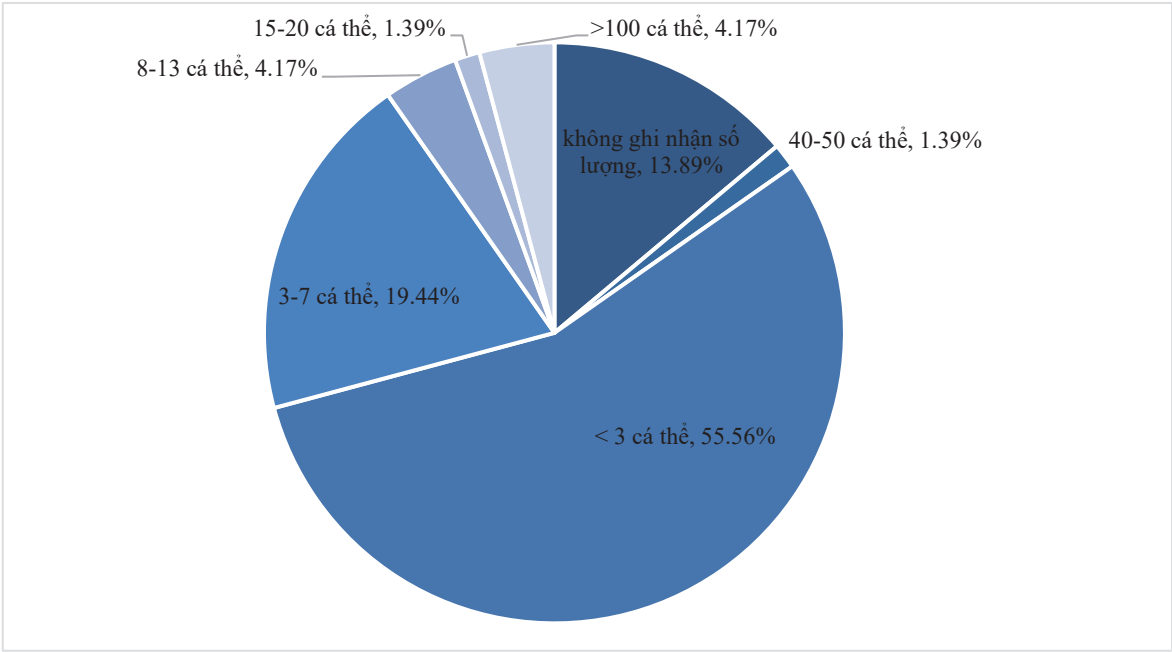
Về địa phương bắt giữ, xử lý:

72 vụ án liên quan đến tê tê xảy ra tại 25 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, bao gồm:

- Xét theo số lượng vụ án khởi tố: Nghệ An (9 vụ án); Hà Nội, Thanh Hóa (mỗi địa phương 6 vụ án), Quảng Ninh, Quảng Nam (mỗi địa phương 5 vụ án); Hà Tĩnh, Lâm Đồng và TP. Hồ Chí Minh (mỗi địa phương 4 vụ án); Bình Phước, Kon Tum và Kiên Giang (mỗi địa phương 3 vụ án); Quảng Bình, Quảng Trị, Bình Dương, Đắk Lắk và Đắk Nông (mỗi địa phương 2 vụ án); Điện Biên, Đồng Nai, Gia Lai, Hà Giang, Hưng Yên, Lai Châu, Lạng Sơn, Ninh Bình, Phú Yên (mỗi địa phương 1 vụ án) **(Biểu đồ 11)**.
- Xét theo khối lượng tang vật tê tê và sản phẩm từ tê tê: Quảng Ninh (1.584,78 kg), Hưng Yên (780 kg), Hà Tĩnh (683,4 kg), Nghệ An (145,8 kg)... và thấp nhất là Phú Yên (0,4 kg) - **(Biểu đồ 11)**.



Biểu đồ 9. Tỷ lệ các loại hình của tê tê là tang vật trong các vụ án theo khối lượng



Biểu đồ 10. Quy mô các vụ án liên quan đến tê tê tính theo số lượng cá thể

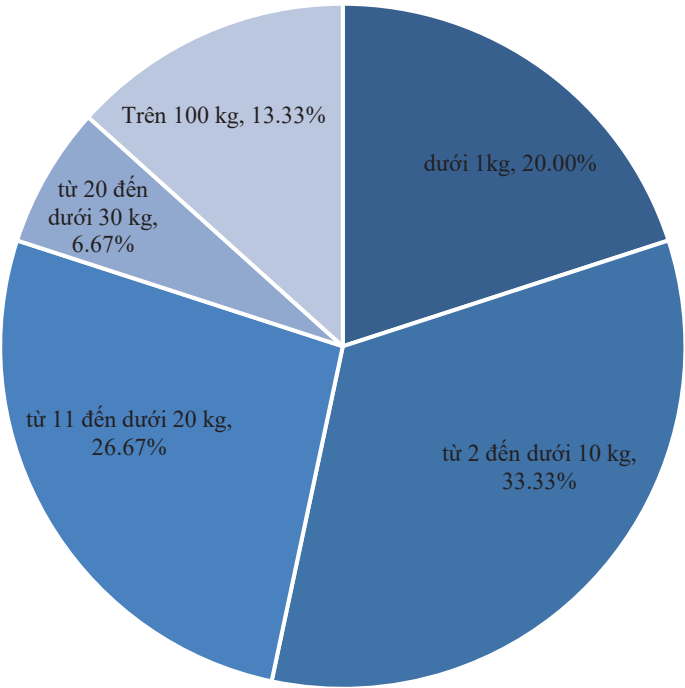


Biểu đồ 11. Các vụ án liên quan đến loài tê tê xét theo địa phương

1.1.6. Tội phạm liên quan đến loài tê giác

Về tang vật bắt giữ: Trong giai đoạn 2020-2021, các cơ quan chức năng đã xử lý 15 vụ án liên quan đến loài tê giác, tang vật bắt giữ ở dạng sừng và sản phẩm chế tác với tổng khối lượng 379,26 kg, chiếm 2,98% trong tổng khối lượng tang vật ĐVHD bị bắt giữ, xử lý hình sự trong giai đoạn này.

Về quy mô tội phạm: Trong tổng số 15 vụ án liên quan đến tê giác, số vụ có khối lượng sừng tê giác bị bắt giữ từ 2 - 10 kg chiếm tỷ lệ cao nhất với 33,33% (5/15 vụ án), tiếp đến là từ 11 - 20 kg chiếm tỷ lệ là 26,67% (4/15 vụ án), dưới 1 kg chiếm tỷ lệ là 20% (3/15 vụ án), trên 100 kg chiếm tỷ lệ là 13,33% (2/15) và thấp nhất là từ 20 kg - 30 kg chiếm 6,67% (1/15 vụ án) - (Biểu đồ 12).



Biểu đồ 12. Quy mô các vụ án liên quan đến tê giác xét theo khối lượng

Về địa phương bắt giữ, xử lý: 15 vụ án liên quan đến tê giác xảy ra tại 08 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, bao gồm:

- Xét theo số lượng vụ án: Quảng Ninh (6 vụ án), Hà Nội (3 vụ án), còn lại là Cần Thơ, Đà Nẵng, Gia Lai, TP. Hồ Chí Minh, Ninh Bình và Nghệ An có số vụ án xảy ra bằng nhau (mỗi địa phương 1 vụ án) - (Biểu đồ 13).
- Xét theo khối lượng tang vật sừng tê giác: Đà Nẵng (138,78 kg), Hà Nội (136,07 kg), Quảng Ninh (53,74 kg), Cần Thơ (28,25 kg), Nghệ An (15,4 kg), TP. Hồ Chí Minh (6,1 kg), Ninh Bình (0,83 kg) và thấp nhất là Gia Lai (0,1 kg) - (Biểu đồ 13).



Biểu đồ 13. Các vụ án liên quan đến loài tê giác xét theo địa phương

1.1.7. Tội phạm liên quan đến loài hổ và các loài họ Mèo lớn khác

Đối với loài hổ:

Về tang vật bắt giữ: Trong giai đoạn 2020-2021, các cơ quan thực thi pháp luật đã xử lý 17 vụ án liên quan đến loài hổ, ở dạng cá thể (30 cá thể sống, chết, đông lạnh) với khối lượng là 1.298,385 kg chiếm tỷ lệ là 10,19% (1.298,385/12.744,13 kg) trong tổng khối lượng ĐVHD bị bắt giữ và 46 móng - vuốt.

Về quy mô tội phạm: Trong tổng số 17 vụ án liên quan đến hổ, các cơ quan chức năng đã bắt giữ tổng số 30 cá thể hổ, trong đó số cá thể hổ sống chiếm tỷ lệ cao nhất là 60% (18/30 cá thể), tiếp theo là cá thể hổ đã chết chiếm 33,33% (10/30 cá thể) và hổ đông lạnh chiếm 6,67% (2/30 cá thể) - **(Biểu đồ 14)**.

Về địa phương bắt giữ, xử lý: 17 vụ án liên quan đến hổ xảy ra tại 10 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, bao gồm:

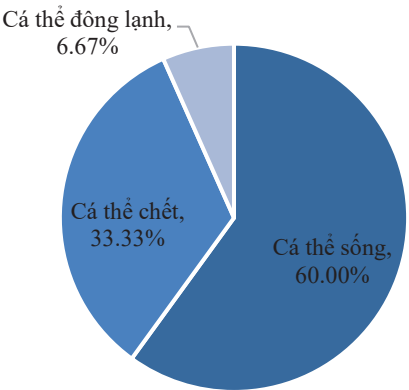
- Xét theo số lượng vụ án: Nghệ An (4 vụ án), Hà Nội (3 vụ án); Sơn La và Bình Dương (mỗi địa phương 2 vụ án); còn lại Bắc Ninh, Ninh Bình, Hà Tĩnh, Quảng Bình và TP. Hồ Chí Minh có số vụ vi phạm bằng nhau (mỗi địa phương 1 vụ án) - **(Biểu đồ 15)**.
- Xét theo khối lượng tang vật hổ và sản phẩm từ hổ bị bắt giữ: Nghệ An (1.005,2 kg), Hà Tĩnh (250 kg), Sơn La (29 kg), TP. Hồ Chí Minh (7 kg), Hà Nội (6 kg) và thấp nhất là Bắc Ninh (1,185 kg) - **(Biểu đồ 15)**.

Đối với các loài họ Mèo lớn khác:

Các cơ quan thực thi pháp luật của Việt Nam đã xử lý 20 vụ án liên quan đến các loài báo và sư tử, với khối lượng 3.241,4 kg, bao gồm: 19 vụ án liên quan đến báo lửa (*Catopuma temminckii*), báo hoa mai (*Panthera pardus*) và 1 vụ án liên quan đến sư tử, cụ thể:

- Trong số 19 vụ án liên quan đến báo lửa (*Catopuma temminckii*), báo hoa mai (*Panthera pardus*): Tang vật gồm 21 cá thể báo lửa, báo hoa mai, trong đó 14 cá thể chết tương đương 66,67%, 06 cá thể sống – 28,57%, 1 cá thể đông lạnh với khối lượng ghi nhận 133,4kg – 4,76% và 98 cái răng - nanh; 68 cái móng - vuốt, 1 xương sọ - **(Biểu đồ 16)**.
- Ngoài ra, có 1 vụ án liên quan đến sư tử có tang vật là 3.108 kg xương sư tử.

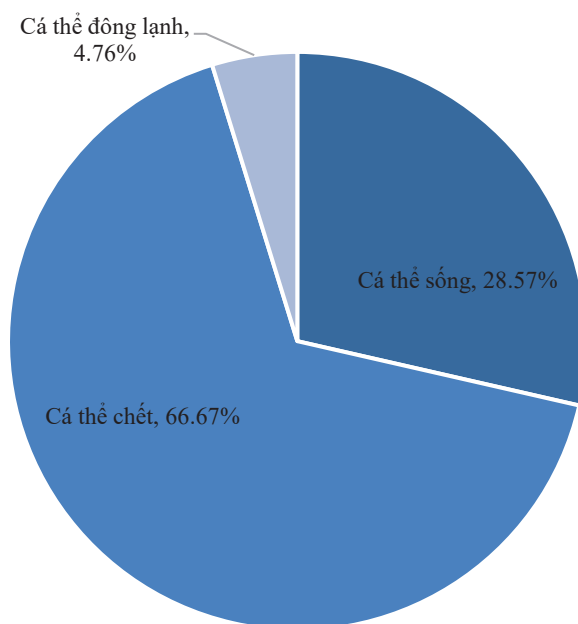
Về địa phương bắt giữ, xử lý 20 vụ án liên quan đến các loài mèo lớn khác: Sơn La, Hà Nội, Quảng Ninh, Nghệ An, Thanh Hóa, Điện Biên, TP. Hồ Chí Minh, Nam Định, Bình Dương, Bà Rịa - Vũng Tàu, Kon Tum và Đà Nẵng là các địa phương được ghi nhận. Trong đó, Sơn La là địa phương bắt giữ nhiều nhất (5 cá thể với 38,9 kg ghi nhận), tiếp đến là Nghệ An (4 cá thể với 50 kg ghi nhận), Thanh Hóa (2 cá thể với 34,5 kg ghi nhận), TP. Hồ Chí Minh (4 cá thể nhưng không ghi nhận khối lượng), Hà Nội (2 cá thể nhưng không ghi nhận khối lượng), Điện Biên (1 cá thể với 10 kg ghi nhận) và Kon Tum (1 cá thể nhưng không ghi nhận khối lượng). Đối với sư tử, có 01 địa phương ghi nhận vi phạm liên quan đến loài này là Đà Nẵng (3.108 kg xương sư tử).



Biểu đồ 14. Tỷ lệ các loại hình của hổ là tang vật trong các vụ án xét theo khối lượng



Biểu đồ 15. Các vụ án liên quan đến loài hổ xét theo địa phương

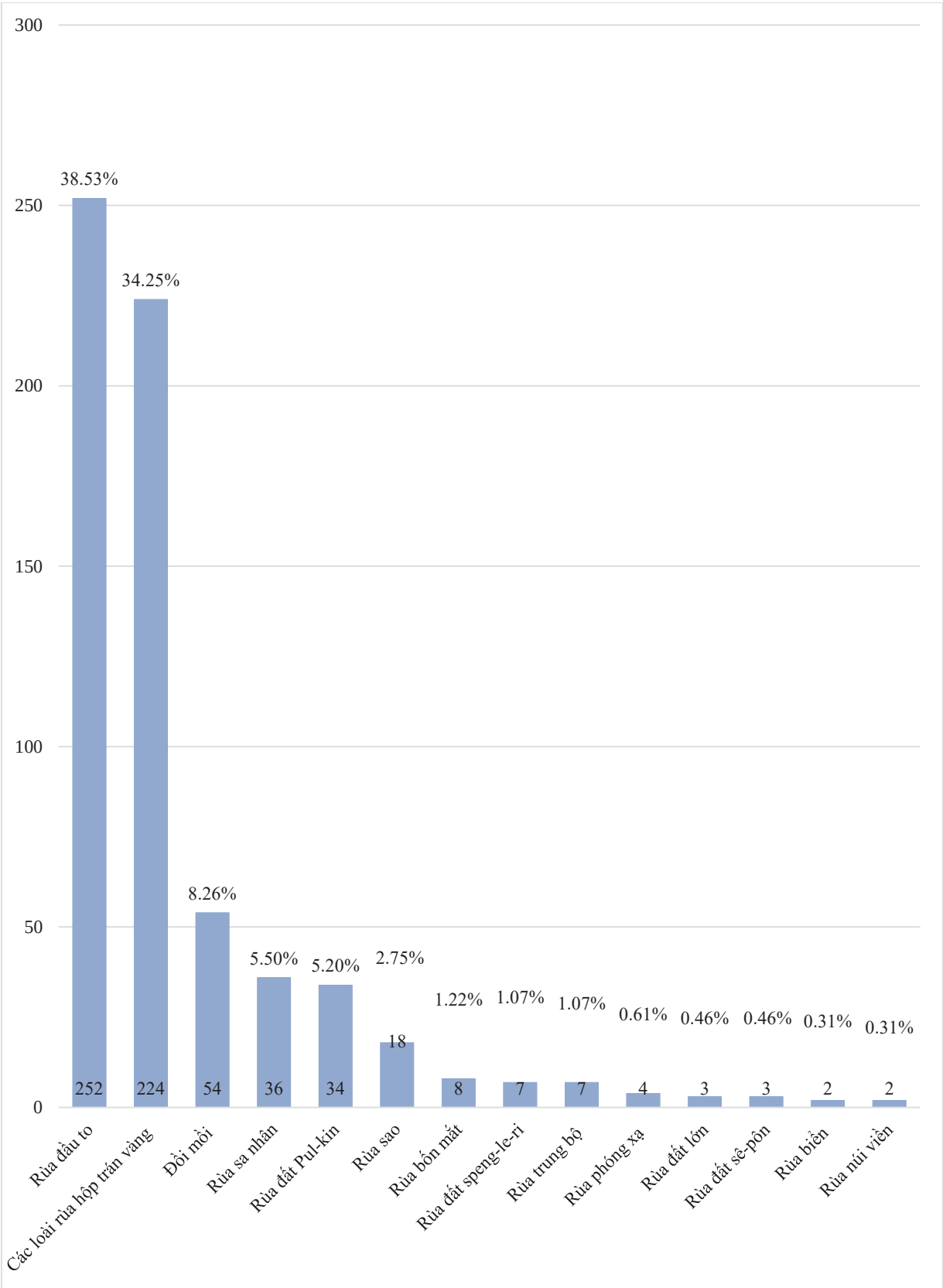


Biểu đồ 16. Tỷ lệ các loại hình của cá thể mèo lớn là tang vật trong các vụ án xét theo khối lượng

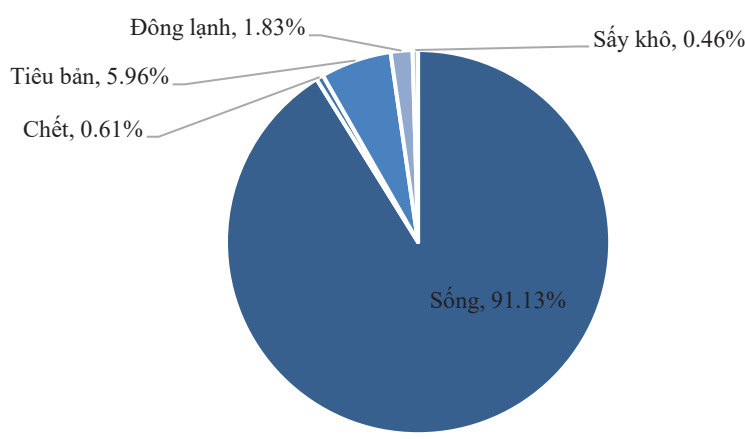
1.1.8. Tội phạm liên quan đến loài rùa

Về tang vật bắt giữ: Trong giai đoạn 2020-2021, các cơ quan chức năng đã xử lý 54 vụ án liên quan đến ít nhất 14 loài rùa với 654 cá thể các loại, trong đó số lượng cá thể rùa đầu to (*Platysternon megacephalum*) chiếm tỷ lệ cao nhất là 38,53% (252/654 cá thể), các loài rùa hộp trán vàng (*chưa rõ loài cụ thể*) chiếm tỷ lệ cao thứ hai là 34,25% (224/654 cá thể), tiếp đến lần lượt là đồi mồi (*Eretmochelys imbricata*) chiếm 8,26% (54/654 cá thể), rùa sa nhân (*Cuora mouhotii*) chiếm 5,5% (36/654 cá thể), rùa đất pul-kin (*Cyclemys pulchristriata*) chiếm 5,2% (34/654 cá thể), rùa sao (*Geochelone spp.*) chiếm 2,75% (18/654 cá thể),... và thấp nhất là rùa núi viên (*Manouria impressa*), rùa biển (*chưa rõ tên khoa học*) mỗi loại chỉ chiếm 0,31% (2/654 cá thể) - (**Biểu đồ 17a**).

Trong 54 vụ án liên quan đến các loài rùa nói chung thì 100% vụ án có ghi nhận số lượng cá thể (56/56 vụ án). Trong tổng số 654 cá thể rùa các loại thì cá thể rùa sống chiếm phần lớn với 97,09% (635/654 cá thể), còn lại lần lượt là cá thể rùa đông lạnh chiếm 1,83% (12/654 cá thể), rùa chết chiếm 0,61% (4/654 cá thể) và cá thể sấy khô chiếm 0,46% (3/654 cá thể) - (**Biểu đồ 17b**).

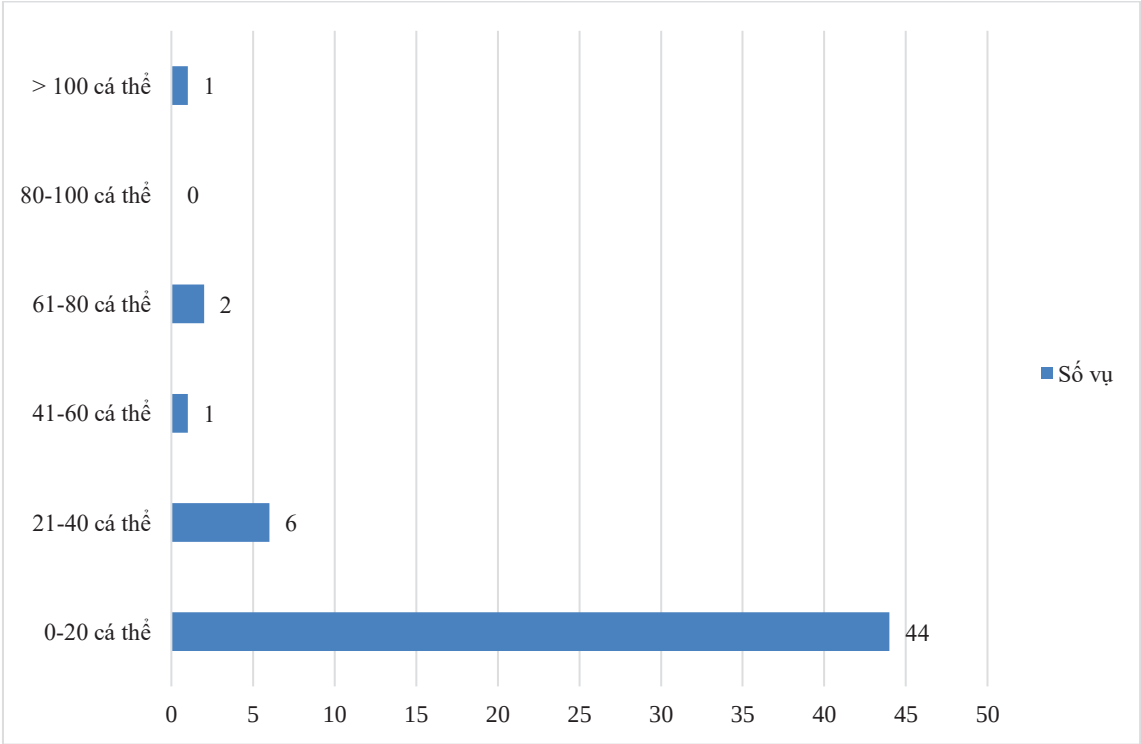


Biểu đồ 17a. Tỷ lệ các loài rùa là tang vật trong các vụ án xét theo số lượng cá thể



Biểu đồ 17b. Tỷ lệ các dạng cá thể rùa là tang vật trong các vụ án

Về quy mô tội phạm: Trong tổng số 54 vụ án liên quan đến các loài rùa, số vụ án ghi nhận có dưới 20 cá thể bị vi phạm chiếm tỷ lệ cao nhất (44/54 vụ án, chiếm 81.4%), tiếp theo là số vụ ghi nhận có từ 21-40 cá thể (6/54 vụ án, chiếm 11.1%), các vụ ghi nhận có số lượng lớn cá thể bị vi phạm (từ 41 cá thể trở lên) chiếm tỷ lệ thấp nhất, chỉ từ 1-2 vụ án (**Biểu đồ 18**).



Biểu đồ 18. Quy mô các vụ án liên quan đến các loài rùa xét theo số lượng cá thể

Về địa phương bắt giữ, xử lý: 54 vụ án liên quan đến các loài rùa xảy ra tại 20 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, bao gồm:

- Xét theo số lượng vụ án: Hà Nội (18 vụ án); Quảng Nam (5 vụ án); Quảng Ninh, Hà Tĩnh (mỗi địa phương 4 vụ án); Tuyên Quang, Sơn La (mỗi địa phương 3 vụ án); Lai Châu, Kiên Giang, Kon Tum, TP. Hồ Chí Minh (mỗi địa phương 2 vụ án liên quan);

còn lại Bình Dương, Đắk Lắk, Điện Biên, Gia Lai, Hòa Bình, Nghệ An, Quảng Bình, Tây Ninh, Thanh Hóa, Yên Bái (mỗi địa phương 1 vụ án) - **(Biểu đồ 19)**

- Xét theo khối lượng rùa các loại bị bắt giữ theo địa phương: Kon Tum (19,6 kg), Quảng Ninh (17,243 kg), Kiên Giang (12,2 kg), Gia Lai (11,7 kg), Hà Tĩnh (11 kg) ...- **(Biểu đồ 19)**.



Biểu đồ 19. Các vụ án liên quan đến các loài rùa theo địa phương

1.2. Chuỗi cung ứng của ĐVHD

Việt Nam được xác định có 3 vai trò trong chuỗi cung ứng trái phép ĐVHD, bao gồm vai trò là nguồn cung cấp, điểm trung chuyển và thị trường tiêu thụ ĐVHD. Do đó, việc thống kê, phân tích thông tin về điểm xuất phát, điểm đến và nguồn gốc của ĐVHD trong các vụ án sẽ giúp làm rõ các vai trò nêu trên, đồng thời có ý nghĩa trong việc xác định địa bàn trọng điểm, tuyến đường của tội phạm về ĐVHD. Dữ liệu dùng để phân tích dựa vào lời khai của đối tượng vi phạm được ghi nhận trong hồ sơ các vụ án. Tuy nhiên, dữ liệu này không được ghi nhận một cách đầy đủ, rõ ràng và đồng nhất, có thể do các đối tượng vi phạm không khai báo, hoặc khai báo không cụ thể hoặc không chính xác nên phần phân tích dưới đây chỉ phản ánh phần nào thực tế về điểm xuất phát, điểm đến và nguồn gốc ĐVHD.

1.2.1 Điểm xuất phát, điểm đến và nguồn gốc ĐVHD

Tỷ lệ vụ án liên quan đến ĐVHD có nguồn gốc, điểm xuất phát và điểm đến trong nội địa Việt Nam chiếm đa số với 92,28% (275/298 vụ án), còn lại 7,72% (23/298 vụ án) có yếu tố nước ngoài (điểm xuất phát/điểm đến/nguồn gốc), cụ thể:

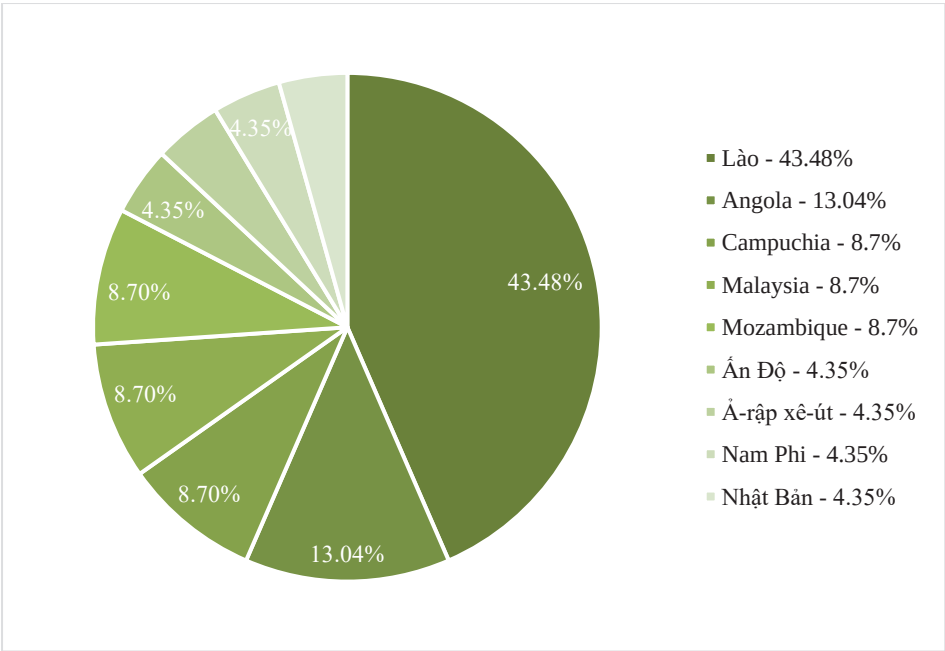
** Điểm xuất phát của ĐVHD trong nội địa Việt Nam:*

Xét theo số lượng vụ án, trong tổng số 275 vụ án có điểm xuất phát trong nội địa Việt Nam thì các địa điểm có liên quan được ghi nhận gồm: Hà Nội (98 vụ án), Quảng Ninh (14 vụ án), Sơn La (10 vụ án), Tuyên Quang (10 vụ án), Lai Châu (9 vụ án), Nghệ An (23 vụ án), Thanh Hóa (17 vụ án), Hà Tĩnh (9 vụ án), Quảng Nam (8 vụ án), TP. Hồ Chí Minh (12 vụ án), Lâm Đồng (9 vụ án), Đắk Nông (8 vụ án), Đắk Lắk (7 vụ án), Kiên Giang (7 vụ án).

** Điểm xuất phát, nguồn gốc của ĐVHD ngoài Việt Nam, nhưng điểm đến là Việt Nam:*

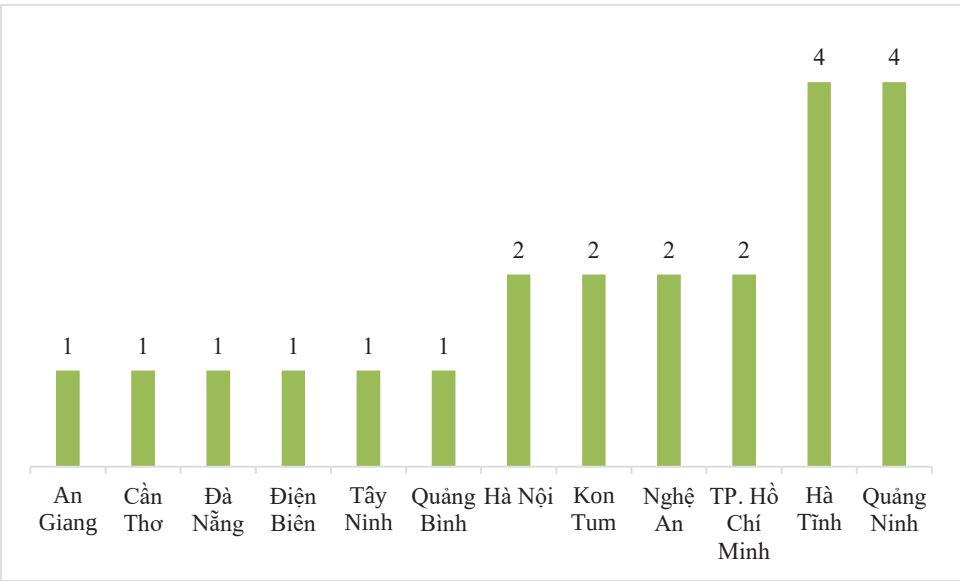
23 vụ án về ĐVHD có yếu tố nước ngoài liên quan đến 11 loài ĐVHD, bao gồm: báo (chưa rõ loài cụ thể), cu li lớn (*Nycticebus bengalensis*), đồi mồi (*Eretmochelys imbricata*), gấu ngựa (*Ursus thibetanus*), hổ (chưa rõ loài cụ thể), rùa đầu to (*Platysternon megacephalum*), các loài rùa hộp trán vàng (chưa rõ loài cụ thể), tê giác (chưa rõ loài cụ thể), tê tê java (*Manis javanica*), voi (chưa rõ loài cụ thể) và sư tử (chưa rõ loài cụ thể); trong đó:

- Về các quốc gia là điểm xuất phát, nguồn gốc, hơn 69,57% (16/23 vụ án) có ĐVHD có nguồn gốc từ châu Á, còn lại 30,43% (7/23 vụ án) có ĐVHD có nguồn gốc từ các nước châu Phi. Tại châu Á, ĐVHD có nguồn gốc chủ yếu từ các nước Đông Nam Á với 14 vụ án trong 16 vụ án, bao gồm: Lào với tỷ lệ lớn nhất là 62,5% (10/16 vụ án); Campuchia và Malaysia chiếm tỷ lệ nhỏ hơn, mỗi quốc gia là 12,5% (2/16 vụ án). Còn lại ĐVHD có nguồn gốc từ các nước Đông Á (Nhật Bản) và Nam Á (Ấn Độ) chỉ chiếm tỷ lệ nhỏ 8,7% (2/23 vụ án). Nếu xét cụ thể từng quốc gia thì các vụ án mà ĐVHD có nguồn gốc, điểm xuất phát từ Lào chiếm tỷ lệ cao nhất với 43,48% (10/23 vụ án), tiếp đến lần lượt là Angola 13,04% (3/23 vụ án); Campuchia, Malaysia và Mozambique mỗi quốc gia là 8,7% (2/23 vụ án); còn lại là Ấn Độ, Ả-rập xê-út, Nam Phi và Nhật Bản mỗi quốc gia là 4,35% (1/23 vụ án) - (Biểu đồ 20).



Biểu đồ 20. Số vụ án có nguồn gốc tang vật ĐVHD xuất phát từ nước ngoài tính theo quốc gia xuất phát, nguồn gốc

- Về tổng khối lượng ĐVHD vận chuyển từ nước ngoài vào Việt Nam được xác định trong 23 vụ án liên quan đến ĐVHD có nguồn gốc nước ngoài là 5.489,4 kg, trong đó có 512 cá thể sống, chết và tiêu bản (1.745,2 kg), 2 khúc ngà voi (9,52 kg) và sản phẩm chế tác từ ngà voi (14,7kg), 130 khúc sừng (333 kg), 3.108 kg xương sư tử, 279 kg vảy tê tê java; ngoài ra còn có 60 răng nanh và 66 móng ĐVHD (chưa xác định khối lượng).
- Về các địa phương bắt giữ, xử lý các vụ án liên quan đến ĐVHD có nguồn gốc nước ngoài, Hà Tĩnh và Quảng Ninh là hai địa phương bắt giữ, xử lý nhiều nhất với mỗi địa phương 04/23 vụ án; tiếp đến là Hà Nội, Kon Tum, Nghệ An và TP. Hồ Chí Minh – mỗi địa phương 02/23 vụ án; thấp nhất là An Giang, Cần Thơ, Đà Nẵng, Điện Biên, Tây Ninh và Quảng Bình – mỗi địa phương 01/23 vụ án. - (Biểu đồ 21).



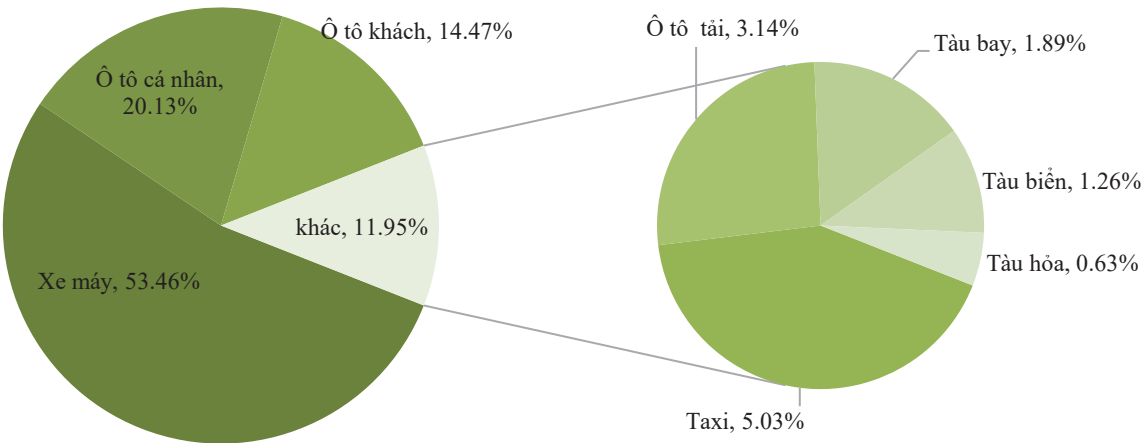
Biểu đồ 21. Số vụ án có nguồn gốc tang vật ĐVHD xuất phát từ nước ngoài tính theo địa phương bắt giữ, khởi tố hình sự

** Điểm đến của ĐVHD nằm ngoài Việt Nam*

Có 03/298 vụ án ghi nhận có điểm đến ngoài Việt Nam là Trung Quốc và đều do các cơ quan thực thi pháp luật của tỉnh Quảng Ninh bắt giữ, xử lý, cụ thể gồm: 1 vụ liên quan đến các loài rùa (74 cá thể rùa đầu to (*Platysternon megacephalum*), 28 cá thể các loài rùa hộp trán vàng (*chưa rõ loài cụ thể*) và 2 vụ liên quan đến sừng tê giác (*chưa rõ loài cụ thể*) (5,32 kg).

1.2.2. Phương tiện vận chuyển trái pháp luật ĐVHD

Trong số 298 vụ án liên quan đến ĐVHD bị các cơ quan thực thi pháp luật của Việt Nam ra quyết định khởi tố giai đoạn 2020-2021, số vụ án bị phát hiện, bắt giữ trong cùng thời gian này là 285. Trong tổng số 285 vụ án này, có 55,79% (159/285 vụ án) ghi nhận có sử dụng các phương tiện để vận chuyển trái pháp luật ĐVHD, còn lại 126/285 vụ án không ghi nhận phương tiện vận chuyển - chiếm 44,21%. Nếu xét trong tổng số 159 vụ án về ĐVHD có ghi nhận thông tin về phương tiện vận chuyển trái pháp luật ĐVHD thì vận chuyển bằng xe máy (mô tô) chiếm phần lớn là 53,46% (85/159 vụ bắt giữ), tiếp đến là vận chuyển bằng ô tô cá nhân chiếm 20,13% (32/159), vận chuyển bằng ô tô khách chiếm 14,47% (23/159) còn lại vận chuyển bằng taxi, ô tô tải, máy bay, tàu hỏa, tàu biển... chỉ chiếm 11,95% (19/285) - (**Biểu đồ 22**).



Biểu đồ 22. Tỷ lệ các phương tiện được sử dụng để vận chuyển trái phép ĐVHD trong các vụ án

1.2.3. Đặc điểm của bị can, bị cáo phạm tội liên quan đến ĐVHD

1.2.3.1. Đối tượng phạm tội

Trong số 298 vụ án với 389 bị can bị các cơ quan thực thi pháp luật bắt giữ, khởi tố hình sự liên quan đến các tội phạm về ĐVHD giai đoạn 2020-2021 (16 vụ án chưa xác định được người phạm tội) thì:

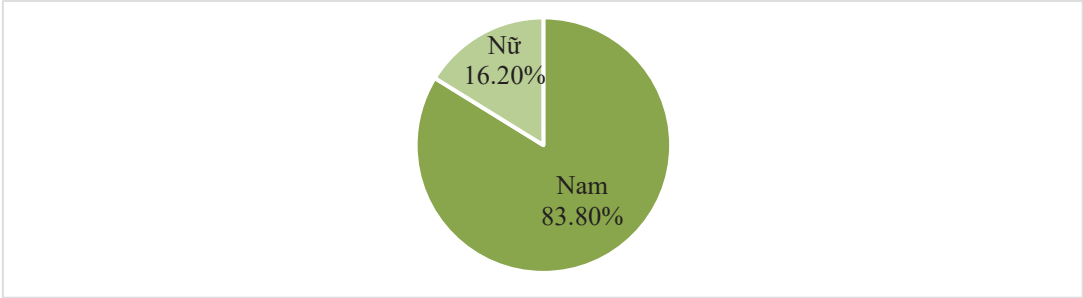
- Tỷ lệ số vụ án và tỷ lệ số bị can thực hiện hành vi phạm tội là cá nhân chiếm tỷ lệ 100% (298/298 vụ án và 389/389 bị can). Không khởi tố vụ án/bị can nào là pháp nhân thương mại phạm tội.
- Tỷ lệ số vụ án và số bị can (cá nhân) thực hiện hành vi phạm tội là người Việt Nam chiếm tỷ lệ phần lớn là 99,66% (297/298 vụ án) và 99,74% (388/389 bị can); còn lại tỷ lệ nhỏ 0,34% vụ án (1/298 vụ án) - 0,26% bị can (1/389 bị can) là người nước ngoài (Campuchia).

1.2.3.2. Nơi cư trú của bị can

Nơi cư trú của bị can khi thực hiện hành vi phạm tội liên quan đến ĐVHD trong giai đoạn 2020-2021 phân bố tại nhiều địa phương trên cả nước, nhưng tập trung nhiều ở các thành phố lớn, các địa bàn biên giới, trong đó phân bố ở các tỉnh miền Bắc chiếm tỷ lệ lớn. Trong tổng số 389 bị can bị khởi tố hình sự, các địa phương được ghi nhận là nơi cư trú của các đối tượng phạm tội với số lượng lớn gồm: Hà Nội (48 bị can), Nghệ An (37 bị can), Hà Tĩnh (18 bị can), Quảng Ninh (16 bị can), Sơn La (15 bị can); Ninh Bình, Thanh Hóa, Tuyên Quang (mỗi địa phương 13 bị can); Nam Định, Quảng Bình (mỗi địa phương 12 bị can), Lai Châu, TP. Hồ Chí Minh (mỗi địa phương 10 bị can), Kiên Giang (9 bị can); Điện Biên, Lạng Sơn, Phú Thọ, Đắk Nông, Thừa Thiên Huế (mỗi địa phương 8 bị can)... - (Biểu đồ 23).

1.2.3.3. Giới tính của bị can

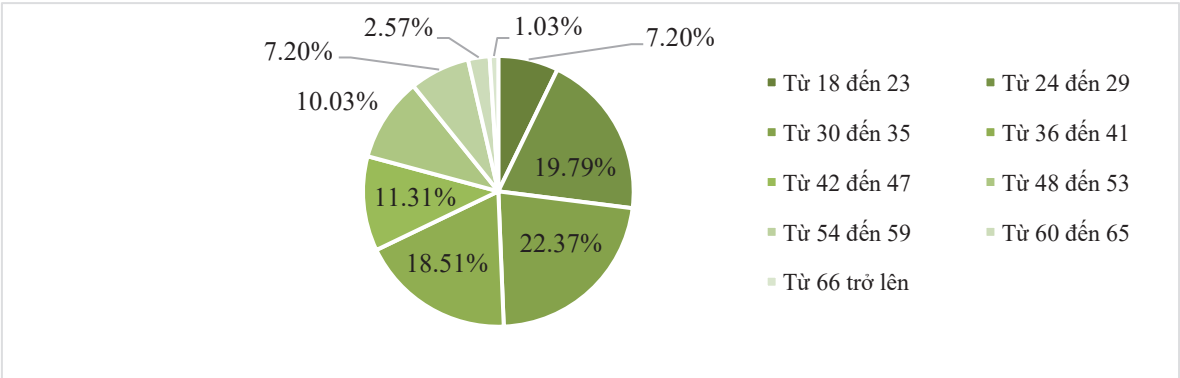
Trong tổng số 389 bị can bị các cơ quan thực thi pháp luật của Việt Nam bắt giữ, khởi tố hình sự do vi phạm các quy định pháp luật về bảo vệ ĐVHD trong giai đoạn 2020-2021, Nam giới chiếm đa số so với Nữ giới, tỷ lệ lần lượt là 83,8% (326/389 bị can) và 16,2% (63/389 bị can) - (Biểu đồ 24).



Biểu đồ 24. Giới tính của bị can phạm tội liên quan đến ĐVHD

1.2.3.4. Độ tuổi của bị can

Trong tổng số 389 bị can phạm tội bị khởi tố hình sự các tội liên quan đến ĐVHD thì tỷ lệ lớn nhất là độ tuổi từ 30 đến 35 tuổi, chiếm 22,37% (87/389), tiếp đến là độ tuổi từ 24 đến 29 tuổi, chiếm 19,79% (77/389), độ tuổi từ 36 đến 41 tuổi chiếm 18,51% (72/389), độ tuổi từ 42 đến 47 tuổi chiếm 11,31% (44/389), độ tuổi từ 48 đến 53 tuổi chiếm 10,03% (39/389), độ tuổi từ 18 đến 23 tuổi và từ 54 tuổi đến 59 tuổi đều chiếm 7,2% (28/389), độ tuổi từ 60 đến 65 tuổi chiếm 2,57% (10/389) và thấp nhất là độ tuổi 66 tuổi trở lên chỉ chiếm 1,03% (4/389). Trong giai đoạn này, không có trường hợp nào người dưới 18 tuổi phạm tội liên quan đến bảo vệ ĐVHD - (Biểu đồ 25).



Biểu đồ 25. Phân bố độ tuổi của các bị can phạm tội liên quan đến ĐVHD

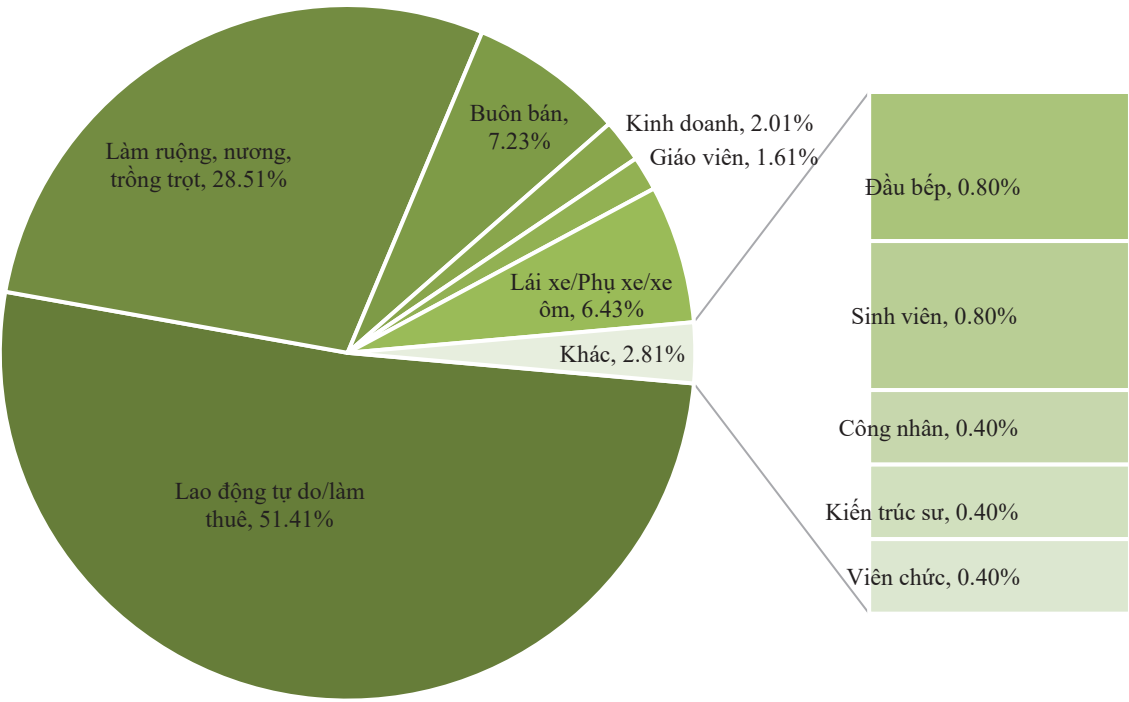


Biểu đồ 23. Nơi cư trú của các bị can theo địa phương

1.2.3.5. Nghề nghiệp của bị can

Xét theo nghề nghiệp của bị can cho thấy, trong tổng số 389 bị can bị khởi tố hình sự về các tội phạm liên quan đến ĐVHD trong giai đoạn 2020-2021 có 249 bị can có ghi nhận thông tin nghề nghiệp, còn lại 140 bị can không khai báo hoặc không ghi nhận thông tin này. Theo dữ liệu thu thập được, có 11 loại nghề nghiệp của bị can khi thực hiện tội phạm đó là *buôn bán, kinh doanh, công nhân, đầu bếp, giám đốc công ty TNHH, viên chức, kiến trúc sư, lái xe/phụ xe/xe ô m, làm ruộng/nương rẫy/trồng trọt, lao động tự do/làm thuê và thuyền trưởng*.

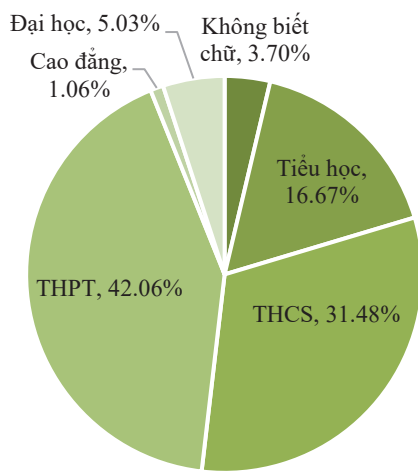
Trong tổng số 249 bị can có ghi nhận thông tin nghề nghiệp thì nghề nghiệp là lao động tự do/làm thuê chiếm tỷ lệ cao nhất với 51,41% (128/249), tiếp theo lần lượt là làm ruộng/nương rẫy/trồng trọt chiếm tỷ lệ 28,51% (71/249); buôn bán chiếm tỷ lệ 7,23% (18/249), lái xe/phụ xe/xe ô m chiếm tỷ lệ 6,43% (16/249)... và thấp nhất là nghề nghiệp công nhân, kiến trúc sư, viên chức đều chỉ chiếm tỷ lệ 0,4% (1/249) - (Biểu đồ 26).



Biểu đồ 26. Nghề nghiệp của bị can phạm tội liên quan đến ĐVHD

1.2.3.6. Trình độ học vấn của bị can

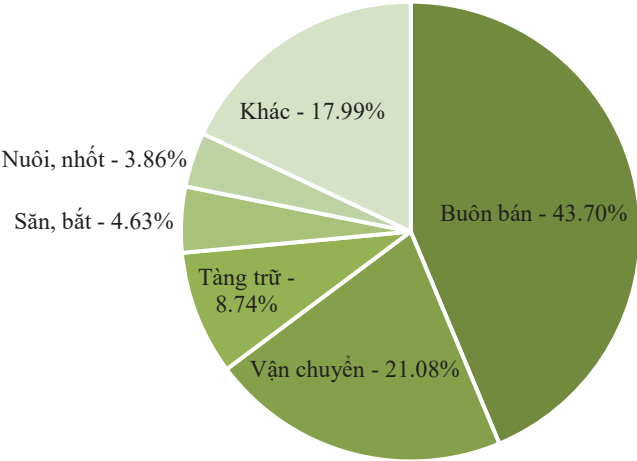
Xét theo trình độ học vấn của bị can, trong tổng số 389 bị can bị khởi tố điều tra về các tội liên quan đến ĐVHD trong giai đoạn 2020-2021 thì có 378 bị can có ghi nhận thông tin về trình độ học vấn (*không biết chữ, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, trung cấp, cao đẳng và đại học*), còn lại 11 bị can không ghi nhận thông tin này. Trong đó, bị can có trình độ trung học phổ thông chiếm tỷ lệ cao nhất 42,06% (159/378), tiếp theo là trung học cơ sở chiếm tỷ lệ 31,48% (119/378), tiểu học chiếm tỷ lệ 16,67% (63/378)... và thấp nhất là trình độ học vấn cao đẳng chỉ chiếm tỷ lệ 1,06% (4/378) - (Biểu đồ 27).



Biểu đồ 27. Trình độ học vấn của bị can phạm tội liên quan đến ĐVHD

1.2.3.7. Hành vi phạm tội bị khởi tố

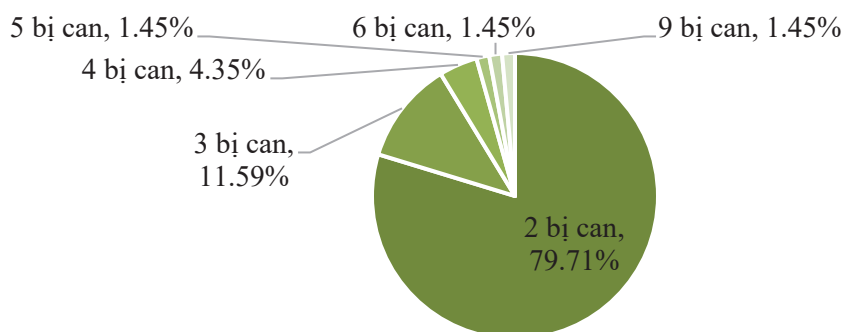
Qua tổng hợp, phân tích từ các phiếu thống kê cho thấy, trong tổng số 389 bị can bị bắt giữ, khởi tố hình sự thì: Hành vi buôn bán trái phép ĐVHD là hành vi bị khởi tố hình sự nhiều nhất với 43,7% (170/389 bị can), tiếp theo là hành vi vận chuyển với 21,08% (82/389 bị can), hành vi tàng trữ chiếm 8,74% (34/389 bị can), hành vi săn bắt chiếm 4,63% (18/389 bị can), hành vi nuôi, nhốt chiếm 3,86% (15/389 bị can), còn lại là các hành vi kết hợp chiếm tổng số 17,48% (68/389 bị can).- **(Biểu đồ 28).**



Biểu đồ 28. Tỷ lệ các hành vi phạm tội liên quan đến ĐVHD

1.2.3.8. Đồng phạm

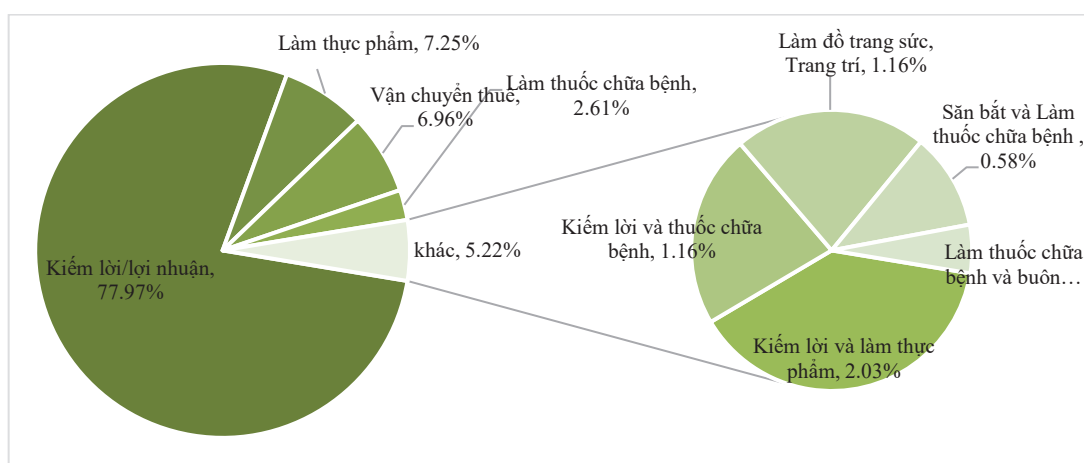
Trong tổng số 298 vụ án phạm tội liên quan đến ĐVHD bị xử lý trong giai đoạn 2020-2021 có 69 vụ án mà các bị can có đồng phạm (có từ 2 người trở lên thực hiện hành vi phạm tội), chiếm 23,15%. Trong các vụ án có đồng phạm thì số vụ án có đồng phạm là 2 bị can cùng phạm tội chiếm phần lớn với 79,71% (55/69 vụ án), tiếp theo lần lượt là số vụ án có đồng phạm là 3 bị can cùng phạm tội chiếm 11,59% (8/69 vụ án), số vụ án có đồng phạm là 4 bị can cùng phạm tội chiếm 4,35% (3/69 vụ án), vụ án đồng phạm có 5 bị can, 6 bị can và 9 bị can cùng phạm tội đều chiếm 1,45% (1/69 vụ án) - **(Biểu đồ 29).**



Biểu đồ 29. Tỷ lệ số lượng đồng phạm của các bị can phạm tội liên quan đến ĐVHD

1.2.3.9. Động cơ, mục đích của đối tượng phạm tội

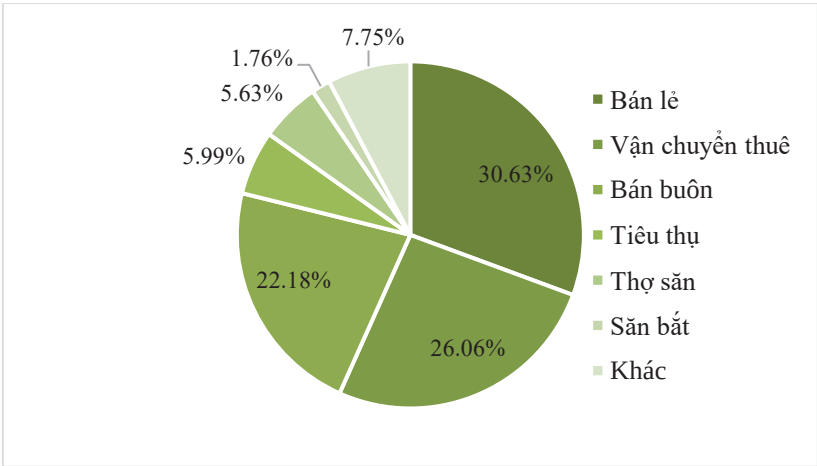
Phân tích trong tổng số 389 bị can phạm tội liên quan đến ĐVHD bị khởi tố hình sự cho thấy, có 345 bị can có ghi nhận động cơ, mục đích khi thực hiện hành vi phạm tội, còn lại 44 bị can không ghi nhận thông tin này. Trong đó, động cơ, mục đích kiếm lời/lợi nhuận chiếm phần lớn là 77,97% (269/345 bị can); động cơ, mục đích làm thực phẩm chiếm tỷ lệ cao thứ hai là 7,25% (25/345 bị can); động cơ, mục đích là vận chuyển thuê chiếm tỷ lệ cao thứ ba là 6,96% (24/345 bị can); còn lại là làm thuốc chữa bệnh/đồ trang trí/săn bắt... chỉ chiếm 4,64% (16/345 bị can) - (Biểu đồ 30).



Biểu đồ 30. Tỷ lệ về động cơ, mục đích của các bị can phạm tội liên quan đến ĐVHD

1.2.3.10. Vai trò của bị can

Phân tích vai trò cụ thể của các bị can cho thấy: Trong tổng số 389 bị can bị khởi tố hình sự về tội liên quan đến ĐVHD có 284 bị can có ghi nhận vai trò của đối tượng khi thực hiện hành vi phạm tội. Trong đó, vai trò là bán lẻ ĐVHD chiếm tỷ lệ cao nhất là 30,63% (87/284 bị can), vai trò là vận chuyển thuê chiếm tỷ lệ cao thứ hai là 26,06% (74/284 bị can), bán buôn chiếm tỷ lệ cao thứ ba là 22,18% (63/284 bị can), tiêu thụ chiếm tỷ lệ cao thứ tư là 5,99% (17/284 bị can), vai trò là thợ săn ĐVHD chiếm tỷ lệ cao thứ năm là 5,63% (16/284 bị can), săn bắt chiếm 1,76% (5/284 bị can), còn lại các vai trò như: tàng trữ, nuôi nhốt, môi giới... chỉ chiếm 7,75% (22/284 bị can) - (Biểu đồ 31).

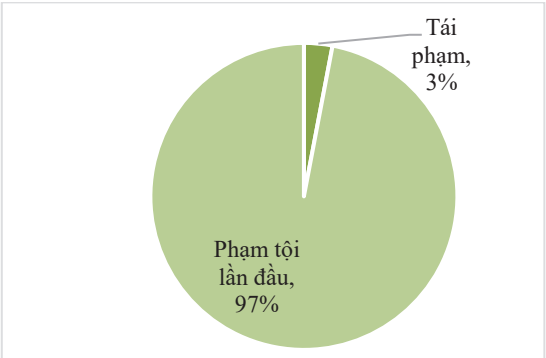


Biểu đồ 31. Vai trò của bị can phạm tội phạm tội liên quan đến ĐVHD

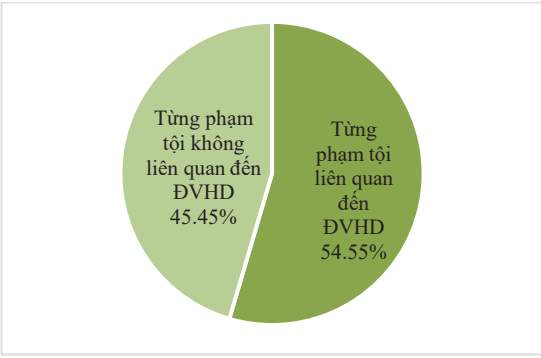
1.2.3.11. Đặc điểm pháp lý của bị cáo

Qua tổng hợp dữ liệu từ Phiếu Thống kê tội phạm liên quan đến ĐVHD cho thấy, trong tổng số 367 bị cáo bị TAND các cấp xét xử theo thủ tục sơ thẩm ở giai đoạn 2020-2021 thì có 18/367 bị cáo chiếm 4,9% là có các tiền án, tiền sự trước khi phạm tội liên quan đến ĐVHD, cụ thể:

- Về tiền sự, có 7 bị cáo chiếm 1,91% (7/367 bị cáo) có các tiền sự (bị xử lý hành chính về các hành vi vi phạm liên quan đến ĐVHD), trong đó có 6 bị cáo chiếm 85,71% (6/7 bị cáo) bị xử lý hành chính 1 lần, 1 bị cáo chiếm 14,29% (1/7 bị cáo) bị xử lý hành chính 2 lần.
- Về tiền án, có 11 bị cáo chiếm 3% (11/367 bị cáo) là có tiền án (bị Tòa án xét xử và tuyên án do phạm tội hình sự), trong đó có 6 bị cáo chiếm 54,54% (6/11 bị cáo) tái phạm do từng phạm tội liên quan đến ĐVHD (xảy ra tại các địa phương gồm: Đắk Lắk – 2 bị cáo; Vĩnh Phúc, Hà Nội, Hà Tĩnh, Kon Tum - mỗi địa phương 1 bị cáo); còn 5 bị cáo chiếm 45,45% (5/11 bị cáo) tái phạm do từng phạm tội nhưng không liên quan đến ĐVHD trong giai đoạn này (xảy ra tại các địa phương gồm: Thanh Hóa – 2 bị cáo, Bắc Ninh, Hà Nội, Nghệ An - mỗi địa phương 1 bị cáo), trong đó có 4 bị cáo chiếm 80% (4/5 bị cáo) đã bị xử lý hình sự 1 lần, 1 bị cáo chiếm 20% (1/5 bị cáo) đã bị xử lý hình sự 4 lần - (**Biểu đồ 32, 33**).



Biểu đồ 32. Tỷ lệ tái phạm của bị cáo



Biểu đồ 33. Tỷ lệ tiền án liên quan đến ĐVHD của bị cáo

II. KẾT QUẢ CÔNG TÁC THỰC THI PHÁP LUẬT ĐỐI VỚI TỘI PHẠM VỀ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ TẠI VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2020-2021

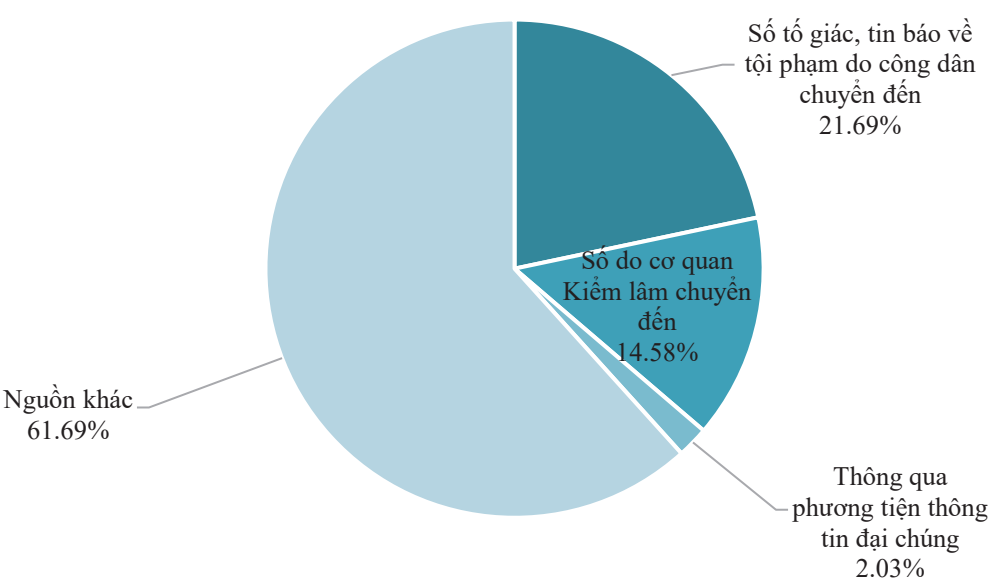
Trong báo cáo này, số liệu về các vụ án bị các cơ quan thực thi pháp luật của Việt Nam khởi tố hình sự trong giai đoạn 2020-2021 được tổng hợp từ 47 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trên cả nước; còn lại 16 địa phương không ghi nhận các vụ vi phạm trong giai đoạn này hoặc có ghi nhận nhưng không đáp ứng các tiêu chí thống kê, bao gồm: Bình Định, Cà Mau, Cao Bằng, Hải Phòng, Lào Cai, Thái Bình, Khánh Hòa, Long An, Bạc Liêu, Bến Tre, Đồng Tháp, Hậu Giang, Tiền Giang, Trà Vinh, Vĩnh Long và Sóc Trăng. Trong đó: Long An, Bạc Liêu, Bến Tre, Đồng Tháp, Hậu Giang và Sóc Trăng là 6 địa phương liên tục trong 4 năm (từ năm 2018 đến năm 2021) không ghi nhận vụ vi phạm về ĐVHD bị xử lý hình sự.

Phần này của báo cáo, sẽ phân tích hiệu quả của công tác xử lý tội phạm về ĐVHD theo địa phương, theo thời gian và theo cơ quan chức năng thông qua chỉ số là số lượng vụ án/số lượng bị can/bị cáo bị bắt giữ, khởi tố, truy tố và xét xử.

2.1. Công tác tiếp nhận, giải quyết/xử lý tố giác, tin báo về tội phạm ĐVHD

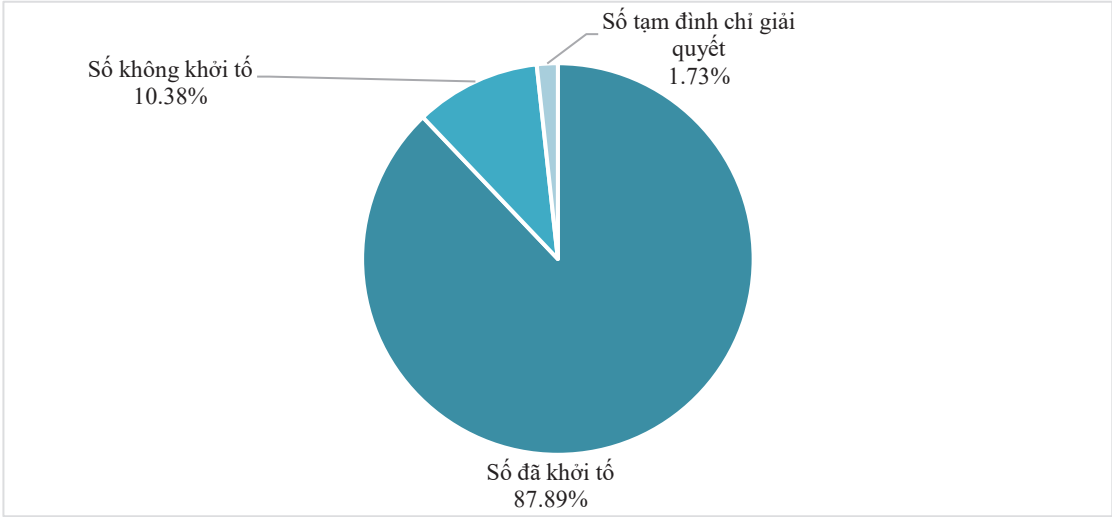
Trong giai đoạn 2020-2021, các cơ quan thực thi pháp luật của Việt Nam đã tiếp nhận 295 tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố liên quan đến ĐVHD, cụ thể:

- Số tố giác, tin báo về tội phạm do công dân chuyển đến: 64/295 chiếm 21,69%;
- Số do cơ quan Kiểm lâm chuyển đến: 43/295 chiếm 14,58%;
- Số do cơ quan Hải quan chuyển đến: 0;
- Số thụ lý thông qua phương tiện thông tin đại chúng: 6/295 chiếm 2,03%;
- Nguồn khác: 182/295 chiếm 61,69%. - (Biểu đồ 34).



Biểu đồ 34. Số tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố liên quan đến ĐVHD được tiếp nhận, giải quyết/xử lý

Trong tổng số 295 tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố liên quan đến ĐVHD đã được tiếp nhận và giải quyết/xử lý, các cơ quan thực thi pháp luật của Việt Nam đã ban hành quyết định giải quyết/xử lý 289 tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố (chiếm 97,97%), gồm: Quyết định khởi tố vụ án hình sự 254 chiếm 87,89% (254/289), Quyết định không khởi tố vụ án hình sự chiếm 10,38% (30/289), Quyết định tạm đình chỉ việc giải quyết chiếm 1,73% (5/289). Còn lại đang giải quyết chiếm 2,03% (6/295) - **(Biểu đồ 35).**



Biểu đồ 35. Số tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố liên quan đến ĐVHD đã giải quyết/xử lý

2.2. Công tác bắt giữ tội phạm liên quan đến ĐVHD

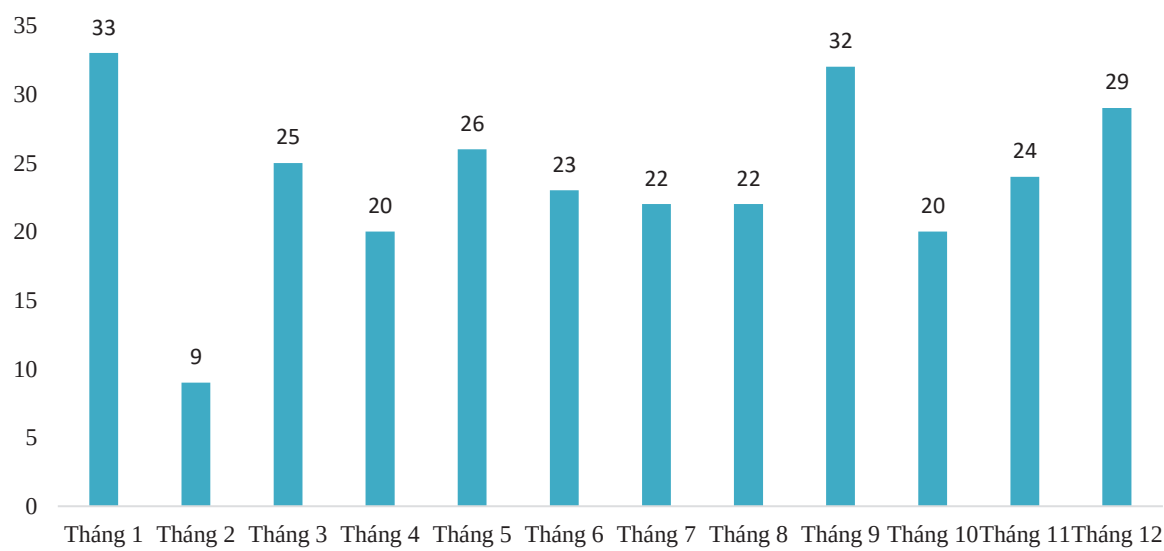
2.2.1. Công tác bắt giữ tội phạm về ĐVHD theo thời gian

- Theo năm: Phân tích số vụ vi phạm do các cơ quan thực thi pháp luật của Việt Nam bắt giữ và số vụ án/bị can bị khởi tố hình sự liên quan đến ĐVHD trong 2 năm (2020 và 2021) cho thấy, có sự chênh lệch tương đối lớn giữa 2 năm và tỷ lệ số vụ vi phạm và số vụ án/bị can bị khởi tố của năm sau cao hơn năm trước, cụ thể:
 - Năm 2020 các cơ quan chức năng đã bắt giữ 134 vụ vi phạm, trong đó khởi tố hình sự 114 vụ án với 133 bị can.¹
 - Năm 2021 các cơ quan chức năng đã bắt giữ 151 vụ vi phạm (tăng 12,69%), trong đó khởi tố hình sự 146 vụ án (tăng 28,07%) với 195 bị can (tăng 46,62%).²
- Theo tháng: Xét về hiệu quả, mặc dù các chuyên án lớn có thể dẫn đến một vụ bắt giữ quy mô lớn, giúp triệt phá một đường dây tội phạm, tuy nhiên các hoạt động thực thi pháp luật có tần suất thường xuyên lại hiệu quả hơn trong việc ngăn chặn tội phạm. Do đó, để đánh giá hiệu quả thực thi pháp luật, ngoài các chỉ số về tổng số vụ vi phạm bị các cơ quan thực thi pháp luật bắt giữ và xử lý; số vụ vi phạm bắt giữ với số lượng lớn thì báo cáo còn xem xét đến tính nhất quán và liên tục của số vụ vi phạm bị bắt giữ theo các tháng trong năm.

Phân tích cụ thể theo các tháng, số lượng vụ vi phạm bị bắt giữ giảm rõ rệt trong tháng Hai của cả 2 năm, chỉ chiếm 3,16% (9/285 vụ vi phạm) so với tổng số vụ vi phạm bắt giữ trong giai đoạn năm 2020-2021. Lý do có thể là do Tết Nguyên đán trùng vào tháng này nên hoạt

¹ Số liệu này có thể chưa bao gồm các vụ bắt giữ trong năm 2020 mà chưa được khởi tố hình sự trong năm 2020.
² Số liệu này có thể chưa bao gồm các vụ bắt giữ trong năm 2021 mà chưa được khởi tố hình sự trong năm 2021.

động vi phạm pháp luật của các đối tượng giảm và/hoặc hoạt động thực thi pháp luật của các cơ quan chức năng giảm. Trong khi đó, các tháng Một, tháng Chín, tháng mười Hai, tháng Năm, tháng Ba... ghi nhận số vụ vi phạm bắt giữ cao hơn các tháng khác trong năm. Điều này phần nào thể hiện kết quả của các đợt cao điểm trấn áp tội phạm dịp Tết Nguyên đán của các cơ quan thực thi pháp luật (**Biểu đồ 36**).



Biểu đồ 36. Số vụ án về ĐVHD bị phát hiện, bắt giữ theo tháng

Phân tích tính nhất quán và liên tục của hoạt động thực thi pháp luật của các địa phương thông qua số vụ án bắt giữ, khởi tố theo tháng cho thấy: Các cơ quan thực thi pháp luật của Hà Nội, Nghệ An, Thanh Hóa, Quảng Ninh, TP. Hồ Chí Minh, Tuyên Quang, Hà Tĩnh, Lai Châu, Sơn La là các địa phương có hoạt động thực thi pháp luật liên quan đến ĐVHD với tần suất cao. Trong đó, Hà Nội là địa phương có ghi nhận các hoạt động thực thi pháp luật trong 21/24 tháng của 2 năm (2020-2021), Nghệ An và Thanh Hóa là 14/24 tháng, Quảng Ninh là 9/24 tháng, Tuyên Quang là 8/24 tháng, Lâm Đồng, Lai Châu, Đắk Nông và Hà Tĩnh là 7/24 tháng...

Ngược lại, một số địa phương chỉ ghi nhận các hoạt động thực thi pháp luật trong 1 - 3 tháng trên tổng số 24 tháng, cụ thể như: Hà Giang, Phú Thọ, Bắc Giang, Hải Dương, Hà Nam, Bình Thuận, Quảng Trị, Cần Thơ, Đà Nẵng, Quảng Nam, Gia Lai, Vĩnh Phúc đều ghi nhận các hoạt động thực thi pháp luật trong 1/24 tháng. Bà Rịa – Vũng Tàu, Bắc Kạn, Bắc Ninh, Bình Dương, Đồng Nai, Thừa Thiên – Huế, Ninh Thuận, Quảng Ngãi, Tây Ninh đều ghi nhận các hoạt động thực thi pháp luật trong 2/24 tháng. Hòa Bình, Lạng Sơn, Phú Yên, Quảng Bình, Thái Nguyên, Yên Bái đều ghi nhận các hoạt động thực thi pháp luật trong 3/24 tháng (**Bảng 1**).

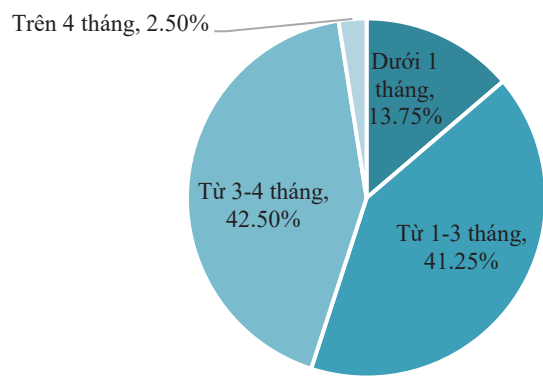
Ở những địa phương có hoạt động thực thi pháp luật liên quan đến ĐVHD với tần suất cao như Hà Nội, Nghệ An, Thanh Hóa, Quảng Ninh, TP. Hồ Chí Minh, Tuyên Quang, Hà Tĩnh, Lai Châu, Sơn La, điều này có thể là nhờ sự tích cực của các cơ quan chức năng và/hoặc cũng có thể xuất phát từ tình hình tội phạm ĐVHD phức tạp ở những địa phương này.

STT	Địa phương	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12	Tổng	Số vụ án	
1	Bà Rịa - Vũng Tàu					1					1			2	1	
2	Bắc Giang												1	1	2	
3	Bắc Kạn			1		2								3	3	
4	Bắc Ninh	1		2										3	4	
5	Bình Dương					1						1		2	5	
6	Bình Phước			2			2					1		5	6	
7	Bình Thuận	1												1	7	
8	Cần Thơ			1										1	8	
9	TP. Đà Nẵng							1						1	9	
10	Đắk Lắk					2		2		1		1		6	10	
11	Đắk Nông	1			1	1	1			2	1			7	11	
12	Điện Biên			1	1					2		1	1	6	12	
13	Đồng Nai							1					2	3	13	
14	Gia Lai											2		2	14	
15	Hà Giang										1			1	15	
16	Hà Nam	1												1		
17	TP. Hà Nội	13	5	6	3	6	7	6	7	6	2	3	15	79		
18	Hà Tĩnh	1			1	1		2		2		1		8		
19	Hải Dương										1			1		
20	Hòa Bình	1				1			1					3		
21	Thừa Thiên Huế								1			1		2		
22	Kiên Giang		3	1		1				1				6		
23	Kon Tum			1			1			1		1		4		
24	Lai Châu			2	1	1	1	2			1			8		
25	Lâm Đồng					1	1		1	2	1	1		7		
26	Lạng Sơn	1			2					1				4		
27	Nam Định				1	1					1		1	4		
28	Nghệ An	2		1		2	1	2	6	3	2	4	1	24		
29	Ninh Bình					1			1		1	2	1	6		
30	Ninh Thuận	1									1			2		
31	Phú Thọ							1						1		
32	Phú Yên	1						1		1				3		
33	Quảng Bình	1		1		1								3		
34	Quảng Nam										1			1		
35	Quảng Ngãi								1		1			2		
36	Quảng Ninh	1		2	1		3		1	4	1		1	14		
37	Quảng Trị												1	1		
38	Sơn La	1			3		2	1	1					8		
39	Tây Ninh				3								1	4		
40	Thái Nguyên		1					1				1		3		
41	Thanh Hóa	2		2	1	1	1	1	1	2	2	1	2	16		
42	TP. Hồ Chí Minh	2		1					1	4		1	2	11		
43	Tuyên Quang	2		1	2	1	2	1			1			10		
44	Vĩnh Phúc											2		2		
45	Yên Bái					1	1				1			3		
	Tổng	33	9	25	20	26	23	22	22	32	20	24	29	285		

Bảng 1. Số vụ án về ĐVHD xét theo tháng bắt giữ và theo địa phương

2.2.2. Phân tích việc áp dụng biện pháp ngăn chặn là tạm giam đối với bị can phạm tội liên quan đến ĐVHD

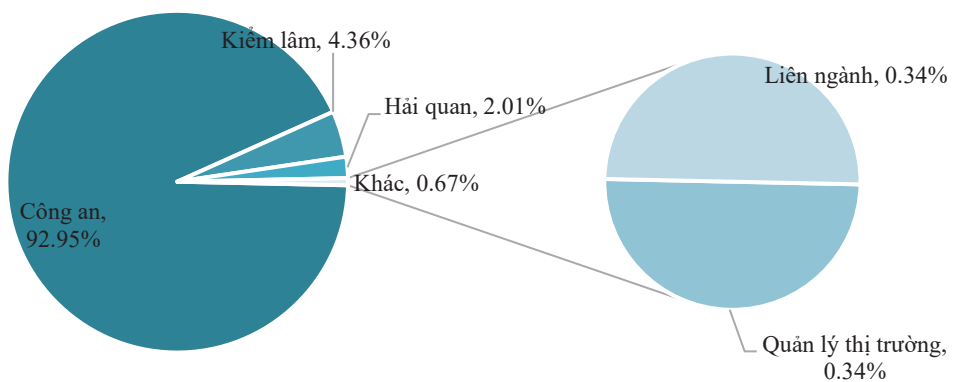
Trong tổng số 389 bị can phạm tội liên quan đến ĐVHD bị các cơ quan thực thi pháp luật bắt giữ, khởi tố hình sự có 20,57% bị can bị áp dụng biện pháp ngăn chặn nghiêm khắc là tạm giam (80/389 bị can), còn lại là áp dụng biện pháp ngăn chặn khác (cầm đi khỏi nơi cư trú, bảo lãnh...) chiếm 79,43% (309/389 bị can). Xét trong 80 bị can bị áp dụng biện pháp ngăn chặn là tạm giam thì số bị can bị áp dụng thời hạn tạm giam từ 3 - 4 tháng chiếm tỷ lệ cao nhất là 42,5% (34/80 bị can), thời hạn tạm giam từ 1 - 3 tháng chiếm tỷ lệ cao thứ hai là 41,25% (33/80 bị can), tiếp theo là thời hạn tạm giam dưới 1 tháng chiếm 13,75% (11/80 bị can) và thấp nhất là thời hạn trên 4 tháng chỉ chiếm 2,5% (2/80 bị can) - (Biểu đồ 37).



Biểu đồ 37. Tỷ lệ thời gian áp dụng biện pháp ngăn chặn là tạm giam đối với bị can phạm tội liên quan đến ĐVHD

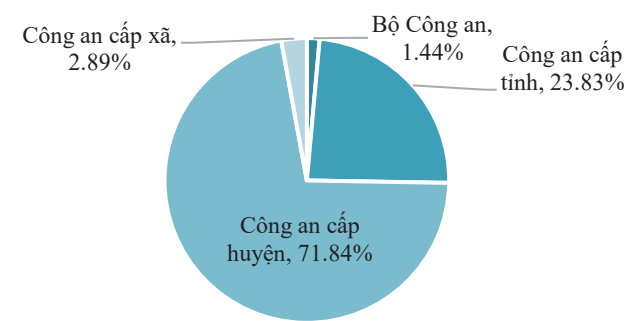
2.2.3. Sự tham gia của các cơ quan thực thi pháp luật trong các vụ bắt giữ tội phạm liên quan đến ĐVHD

Trong tổng số 298 vụ án liên quan đến ĐVHD bị các cơ quan thực thi pháp luật Việt Nam xử lý hình sự trong giai đoạn 2020-2021 thì lực lượng chính trong bắt giữ có tỷ lệ cao nhất là lực lượng Công an với 92,95% (277/298 vụ án), tiếp đến là lực lượng Kiểm lâm chiếm 4,36% (13/298 vụ án), Hải quan chiếm 2,01% (6/298 vụ án), Quản lý thị trường chiếm 0,34% (1/298 vụ án) và lực lượng liên ngành chiếm 0,34% (1/298 vụ án) - (Biểu đồ 38).



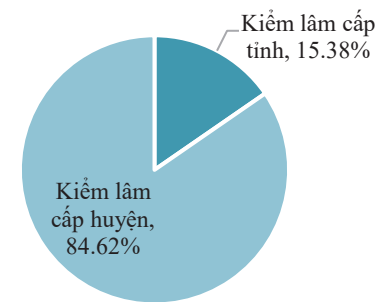
Biểu đồ 38. Tỷ lệ vụ án về ĐVHD do các cơ quan thực thi pháp luật bắt giữ

Đối với lực lượng Công an: Số vụ án do Công an cấp huyện là lực lượng chính bắt giữ chiếm tỷ lệ cao nhất với 71,84% (199/277 vụ án), do Công an cấp tỉnh chiếm tỷ lệ cao thứ hai với 23,83% (66/277 vụ án), do Công an cấp xã chiếm tỷ lệ cao thứ ba là 2,89% (8/277 vụ án), còn lại số vụ án do Công an cấp bộ (Bộ Công an) là lực lượng chính bắt giữ chỉ chiếm 1,44% (4/277 vụ án) - (Biểu đồ 39).



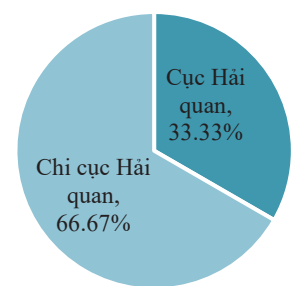
Biểu đồ 39. Tỷ lệ vụ án về ĐVHD do lực lượng Công an các cấp bắt giữ

Đối với lực lượng Kiểm lâm: Trong tổng số 13 vụ án do lực lượng Kiểm lâm bắt giữ thì Kiểm lâm cấp huyện (Hạt, Khu bảo tồn...) là lực lượng chính trong hoạt động bắt giữ các vụ án khởi tố hình sự liên quan đến ĐVHD, chiếm tỷ lệ 84,62% (11/13 vụ án), Kiểm lâm cấp tỉnh (Chi cục) có tỷ lệ bắt giữ là 15,38% (2/13 vụ án) - (Biểu đồ 40).



Biểu đồ 40. Tỷ lệ vụ án về ĐVHD do lực lượng Kiểm lâm các cấp bắt giữ

Đối với lực lượng Hải quan: Trong tổng số 6 vụ án do lực lượng Hải quan bắt giữ thì Hải quan cấp Chi cục là lực lượng bắt giữ phần lớn các vụ vi phạm liên quan đến ĐVHD, cụ thể chiếm 66,67% (4/6 vụ án), trong khi đó, số vụ vi phạm do cấp Cục bắt giữ chỉ chiếm tỷ lệ là 33,33% (2/6 vụ án) - (Biểu đồ 41).

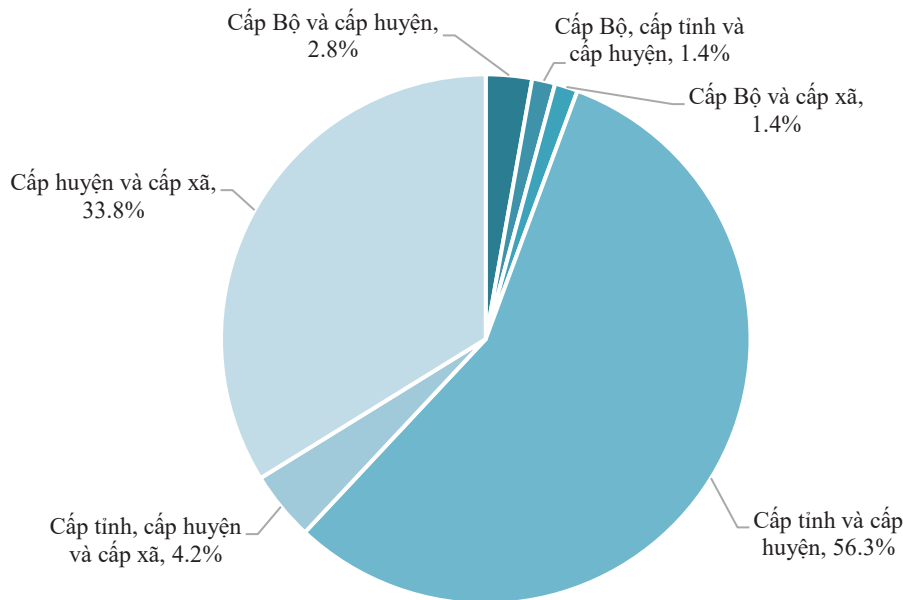


Biểu đồ 41. Tỷ lệ vụ án về ĐVHD do lực lượng Hải quan các cấp bắt giữ

2.2.4. Công tác phối hợp liên ngành trong bắt giữ tội phạm liên quan đến ĐVHD

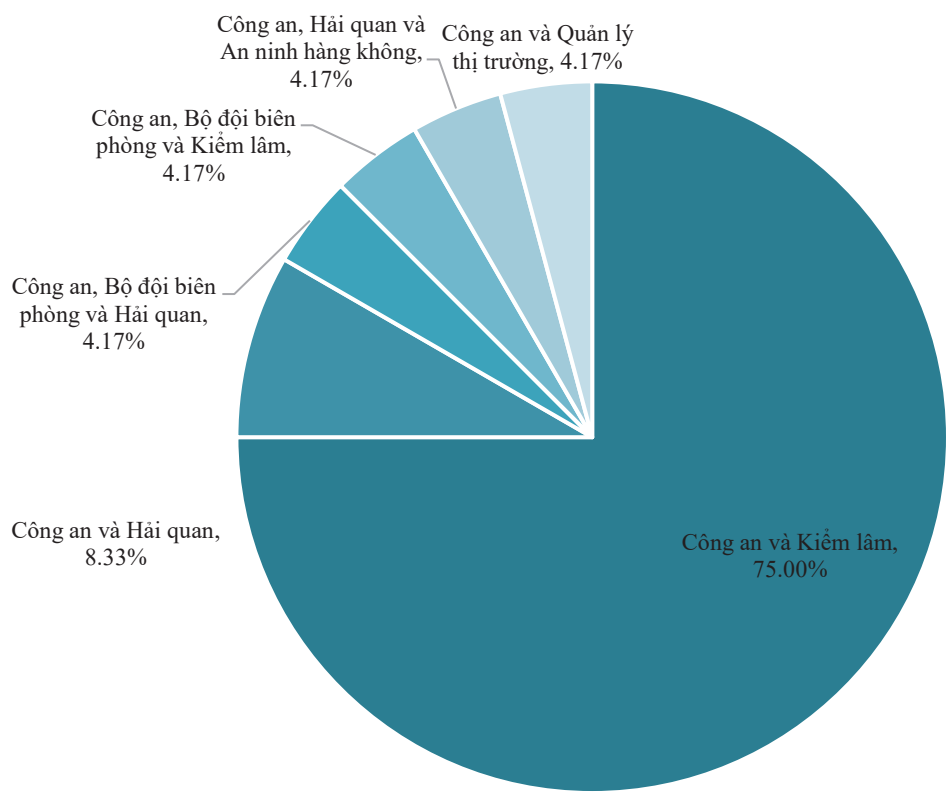
Theo dữ liệu thu thập được trong khuôn khổ báo cáo này, giai đoạn năm 2020-2021 ghi nhận 27,52% (82/298 vụ án) trong tổng số vụ án liên quan đến ĐVHD bị bắt giữ có sự phối hợp giữa các cấp với nhau (cấp Bộ với cấp tỉnh, cấp Bộ với cấp huyện, cấp Bộ với cấp xã, cấp tỉnh với cấp huyện, cấp huyện với cấp xã...) và sự phối hợp giữa các cơ quan với nhau (Công an với Kiểm lâm, Công an với Bộ đội biên phòng, Công an với Hải quan, Công an với Quản lý thị trường...), cụ thể:

- Phối hợp trong bắt giữ tội phạm liên quan đến ĐVHD giữa các cấp: Có 71 vụ án có sự phối hợp giữa các cấp với nhau chiếm 23,8% (71/298), trong đó sự phối hợp giữa cấp tỉnh với cấp huyện chiếm tỷ lệ cao nhất là 56,3% (40/71), tiếp theo là sự phối hợp giữa cấp huyện với cấp xã chiếm 33,8% (24/71), còn lại là sự phối hợp giữa cấp Bộ với cấp huyện, cấp Bộ với cấp xã, cấp Bộ với cấp tỉnh và cấp huyện; cấp tỉnh với cấp huyện và cấp xã chỉ chiếm 9,9% (7/71) - (Biểu đồ 42).



Biểu đồ 42. Tỷ lệ phối hợp trong bắt giữ tội phạm liên quan đến ĐVHD theo cấp

- Phối hợp trong bắt giữ tội phạm liên quan đến ĐVHD giữa các cơ quan: Xác định có 24 vụ án có sự phối hợp giữa các cơ quan với nhau, chiếm 8,1% (24/298 vụ án), trong đó sự phối hợp giữa cơ quan Công an với Kiểm lâm chiếm phần lớn là 75% (18/24 vụ án), tiếp theo lần lượt là sự phối hợp giữa cơ quan Công an với Hải quan 8.3% (2/24 vụ án), sự phối hợp giữa cơ quan Công an với Bộ đội biên phòng và Hải quan, giữa Công an với Bộ đội biên phòng và Kiểm lâm, giữa Công an với Hải quan và An ninh hàng không và giữa Công an và Quản lý thị trường là ít nhất và đều chiếm 4,2% (1/24 vụ án) - (Biểu đồ 43).



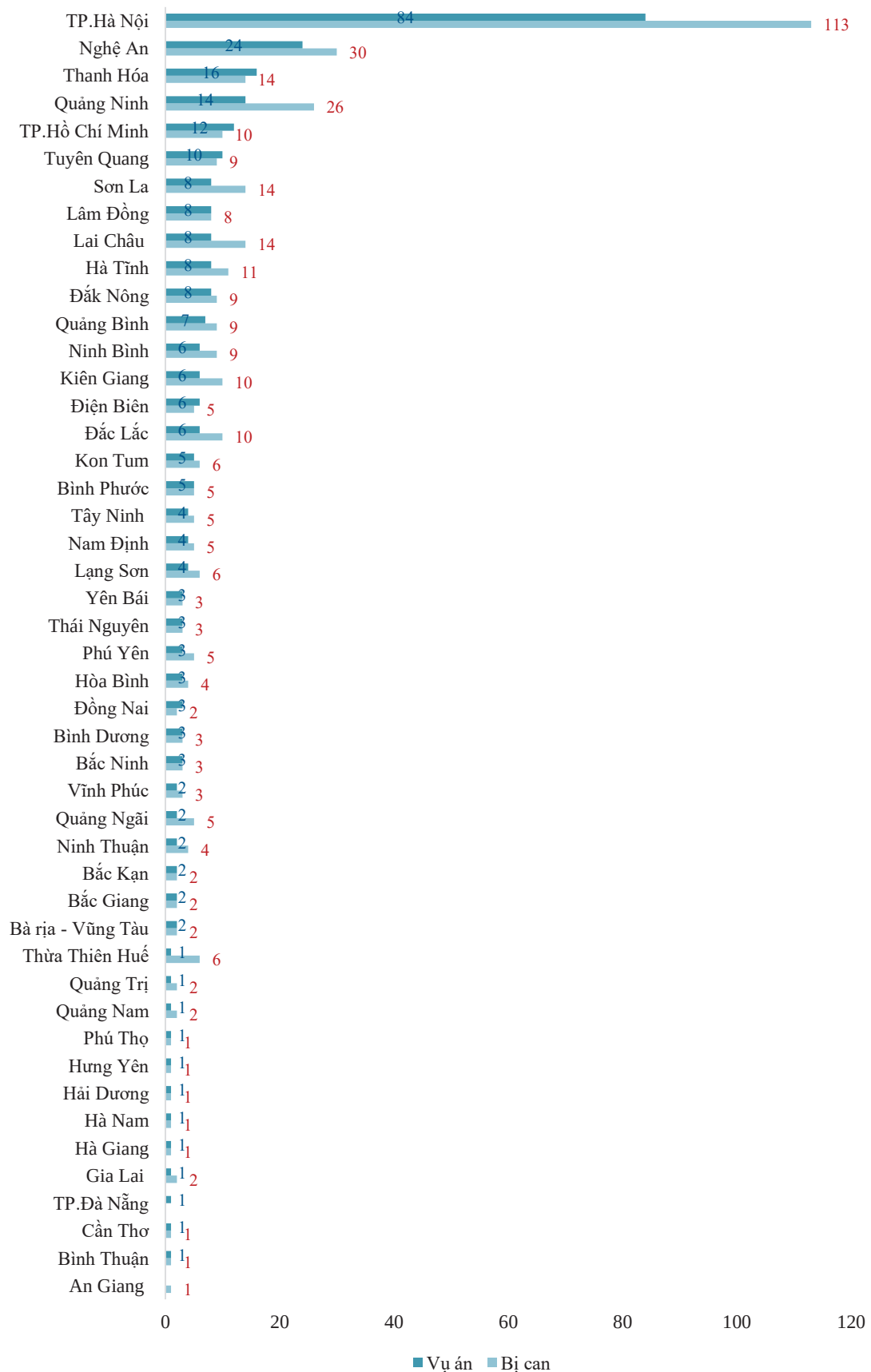
Biểu đồ 43. Tỷ lệ phối hợp trong bắt giữ tội phạm liên quan đến ĐVHD giữa các cơ quan

2.3. Công tác khởi tố tội phạm về ĐVHD theo địa phương

Trong hai năm (2020-2021), các cơ quan chức năng đã khởi tố hình sự 298 vụ án với 389 bị can do có các hành vi vi phạm liên quan đến các loài ĐVHD nói chung và động vật nguy cấp, quý, hiếm nói riêng (trong đó có 16 vụ án chưa xác định được đối tượng phạm tội, còn lại đã xác định được 389 bị can thực hiện tội phạm).

Số liệu thu thập được cho thấy, các địa phương có số lượng vụ án và bị can liên quan đến ĐVHD phần lớn là các tỉnh, thành phố lớn hoặc các địa phương có cửa khẩu biên giới tiếp giáp giữa Việt Nam - Lào, Việt Nam - Campuchia, Việt Nam - Trung Quốc, như: Hà Nội (84 vụ án, 113 bị can), Nghệ An (24 vụ án, 30 bị can), Thanh Hóa (16 vụ án, 14 bị can), Quảng Ninh (14 vụ án, 26 bị can), TP. Hồ Chí Minh (12 vụ án/10 bị can), Tuyên Quang (10 vụ án, 9 bị can), Sơn La (8 vụ án, 14 bị can), Lâm Đồng (8 vụ án, 8 bị can), Lai Châu (8 vụ án, 14 bị can), Hà Tĩnh (8 vụ án, 11 bị can), Đắk Nông (8 vụ án, 9 bị can), Quảng Bình (7 vụ án, 9 bị can), Ninh Bình (6 vụ án, 9 bị can), Kiên Giang (6 vụ án, 10 bị can), Điện Biên (6 vụ án, 5 bị can), Đắk Lắk (6 vụ án, 10 bị can)... **(Biểu đồ 44).**

Hà Nội và Nghệ An là hai địa phương có số vụ án và bị can bị khởi tố hình sự về các tội liên quan đến ĐVHD cao nhất cả nước, cụ thể số vụ án bị khởi tố lần lượt là 84 và 24 vụ án, tổng hai địa phương chiếm hơn 36,24% (108/298 vụ án) và số bị can bị khởi tố là 113 và 30 bị can, tổng hai địa phương chiếm hơn 36,76% (143/389 bị can). Trong đó Hà Nội là địa phương có số lượng khởi tố về hình sự chiếm tỷ lệ cao nhất cả nước trong giai đoạn 2020-2021, với 28,19% (84/298 vụ án) và 29,05% (113/389 bị can) - **(Biểu đồ 44).**



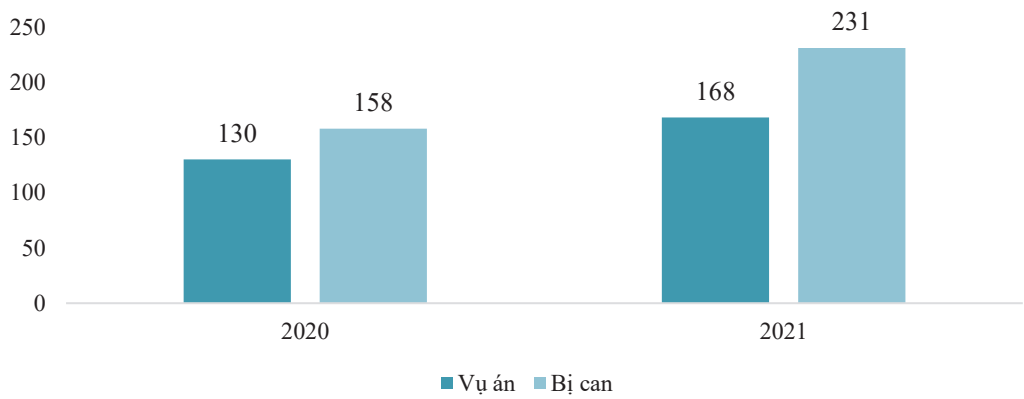
Biểu đồ 44. Số vụ án và bị can phạm tội liên quan đến ĐVHD bị khởi tố hình sự theo địa phương

2.4. Công tác điều tra, truy tố, xét xử tội phạm liên quan đến ĐVHD

2.4.1. Số lượng vụ án, bị can bị khởi tố hình sự về tội liên quan đến ĐVHD

Trong giai đoạn 2020-2021 các cơ quan chức năng của Việt Nam đã ban hành quyết định khởi tố hình sự đối với 298 vụ án và 389 bị can (ngoài ra có 16 vụ án chưa xác định được người thực hiện tội phạm), cụ thể theo năm (Biểu đồ 45) như sau:

- Năm 2020: khởi tố hình sự đối với 130 vụ án và 158 bị can.
- Năm 2021: khởi tố hình sự đối với 168 vụ án và 231 bị can.



Biểu đồ 45. Số lượng vụ án, bị can bị khởi tố hình sự về tội liên quan đến ĐVHD

• Kết quả điều tra của Cơ quan điều tra đối với tội phạm liên quan đến ĐVHD:

Số vụ án và số bị can do cơ quan có thẩm quyền các cấp đã kết thúc điều tra, đề nghị truy tố chiếm tỷ lệ lần lượt là 95,97% (286/298 vụ án) và 99,74% (388/389 bị can). Trong khi đó, số vụ án và số bị can tạm đình chỉ điều tra chiếm tỷ lệ lần lượt là 3,02% (9/298 vụ án) và 0,26% (1/389 bị can), còn lại là số vụ án và số bị can đình chỉ điều tra với tỷ lệ chiếm 1,01% (3/298 vụ án) và 0 bị can - (Bảng 2):

Năm	Khởi tố		Kết thúc điều tra đề nghị truy tố		Tạm đình chỉ điều tra		Đình chỉ điều tra	
	Số vụ án	Số bị can	Số vụ án	Số bị can	Số vụ án	Số bị can	Số vụ án	Số bị can
2020	130	158	127 97,69%	158 100%	2 1,54%	0 0%	1 0,77%	0 0%
2021	168	231	159 94,64%	230 99,57%	7 4,17%	1 0,6%	2 1,19%	0 0%
Tổng số và tỷ lệ	298	389	286 95,97%	388 99,74%	9 3,02%	1 0,26%	3 1,01%	0 0%

Bảng 2. Số lượng và tỷ lệ vụ án và bị can bị khởi tố, truy tố, tạm đình chỉ và đình chỉ điều tra theo năm

• **Về lý do tạm đình chỉ điều tra và đình chỉ điều tra:**

Có 88,89% (8/9 vụ án) bị tạm đình chỉ điều tra vụ án với lý do ghi nhận được là hết thời hạn điều tra mà chưa xác định được bị can thực hiện tội phạm (điểm a khoản 1 Điều 229 BLTTHS năm 2015);

11,11% (1/9 vụ án) bị tạm đình chỉ điều tra vụ án do hết thời hạn điều tra nhưng chưa có kết luận giám định (điểm c khoản 1 Điều 229 BLTTHS năm 2015);

100% (3/3 vụ án) bị đình chỉ điều tra với lý do ghi nhận được là đã hết thời hạn điều tra vụ án mà không chứng minh được bị can đã thực hiện tội phạm (điểm b khoản 1 Điều 230 BLTTHS năm 2015).

• **So sánh theo năm:**

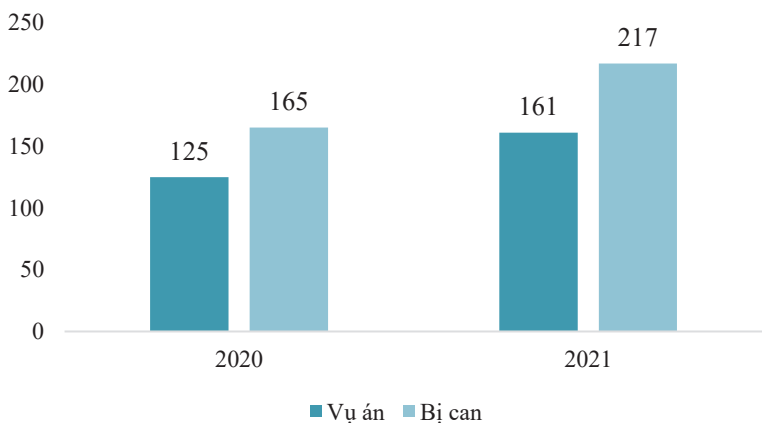
Tỷ lệ số vụ án và số bị can kết thúc điều tra đề nghị truy tố trong năm 2020 là 97,69% (127/130 vụ án) và 100% (158/158 bị can), tỷ lệ này cao hơn năm 2021 là 94,64% (159/168 vụ án) và 99,57% (230/231 bị can).

Ngược lại, tỷ lệ số vụ án và bị can tạm đình chỉ và đình chỉ điều tra trong năm 2020 thấp hơn năm 2021. Cụ thể, tỷ lệ số vụ án và bị can bị tạm đình chỉ điều tra năm 2020 là 1,54% (2/130 vụ án) và 0 bị can thấp hơn tỷ lệ năm 2021 là 4,17% (7/168 vụ án) và 0,6% (1/168 bị can). Tỷ lệ số vụ án bị đình chỉ điều tra năm 2020 là 0,77% (1/130 vụ án) thấp hơn tỷ lệ năm 2021 là 1,19% (2/168 vụ án).

2.4.2. Số lượng bị can bị VKSND các cấp truy tố về tội phạm liên quan đến ĐVHD

Trong giai đoạn 2020-2021, VKSND các cấp đã truy tố hình sự 286 vụ án và 382 bị can, trong đó số lượng vụ án, bị can bị truy tố năm 2020 và năm 2021 có sự chênh lệch đáng kể - năm sau cao hơn năm trước (**Biểu đồ 46**), cụ thể:

- Năm 2020: Truy tố hình sự 125 vụ án, 165 bị can;
- Năm 2021: Truy tố hình sự 161 vụ án (tăng 28,8%) và 217 bị can (tăng 31,51%).



Biểu đồ 46. Tổng số vụ án/bị can truy tố về tội liên quan đến ĐVHD

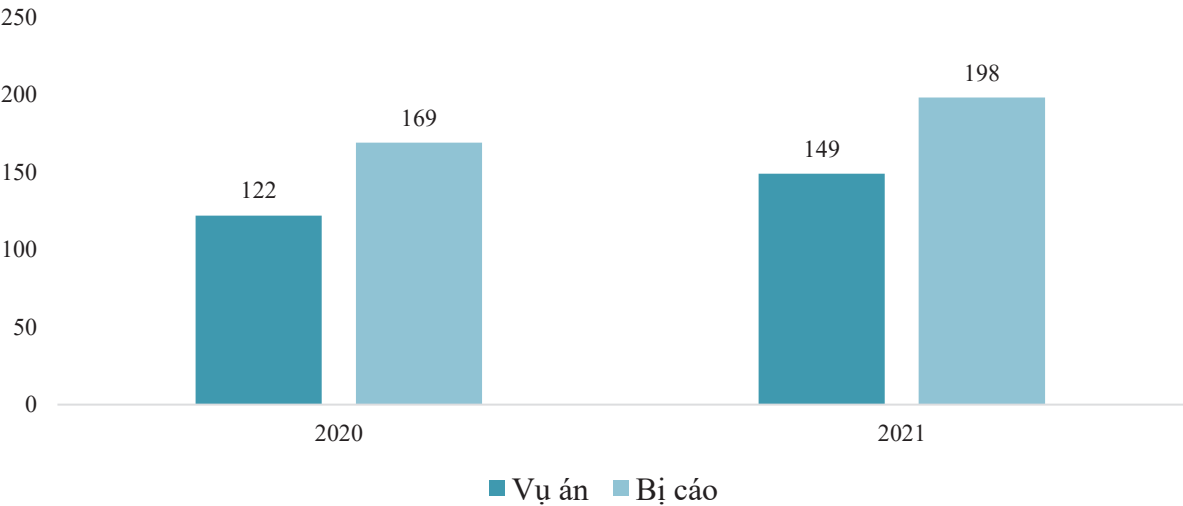
2.4.3. Số lượng bị cáo bị TAND cấp xét xử theo thủ tục sơ thẩm về tội liên quan đến ĐVHD

Trong giai đoạn 2020-2021, TAND các cấp đã xét xử sơ thẩm 271 vụ án với 367 bị cáo bị, cụ thể về số lượng bị cáo xét xử sơ thẩm như sau (**Bảng 3**):

Năm	Số lượng bị can bị khởi tố	Số lượng bị can bị truy tố	Số lượng bị cáo bị xét xử sơ thẩm
2020	158	165	169
2021	231	217	198
Tổng số	389	382	367

Bảng 3. Số lượng bị can, bị cáo bị khởi tố, truy tố và xét xử sơ thẩm về các tội liên quan đến ĐVHD

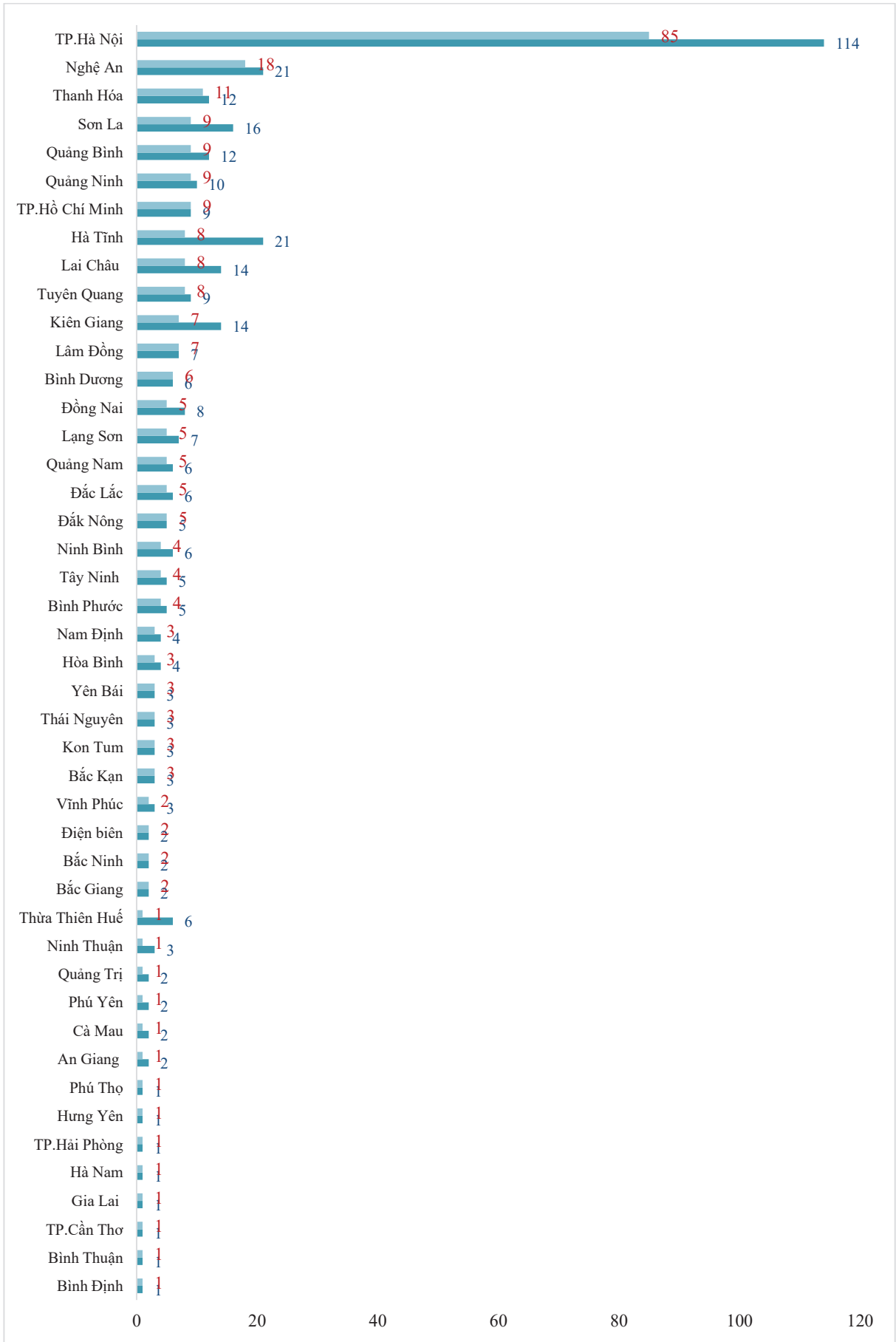
- Về số lượng vụ án: năm 2020, xét xử sơ thẩm 122 vụ án với 169 bị cáo; năm 2021, xét xử sơ thẩm 149 vụ án với 198 bị cáo.



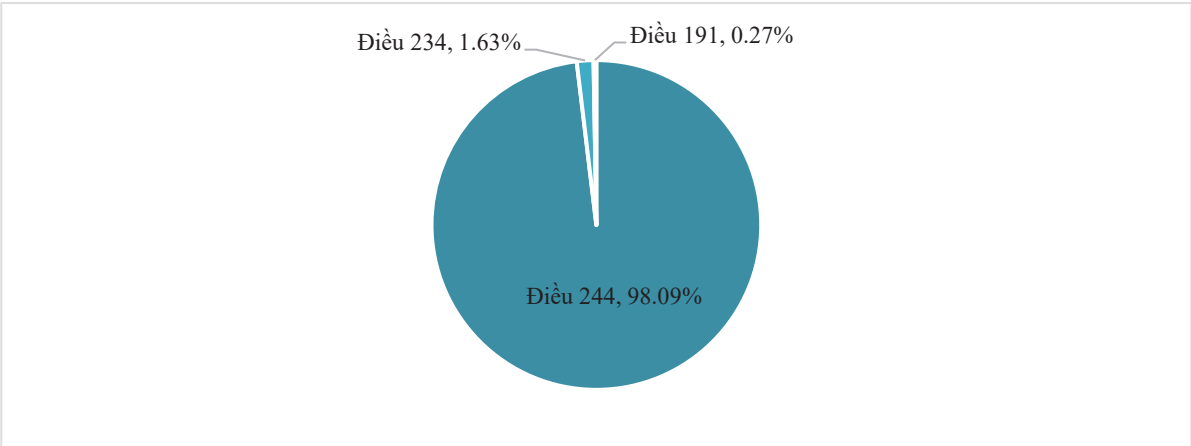
Biểu đồ 47. Tổng số vụ án/bị cáo xét xử sơ thẩm về các tội liên quan đến ĐVHD

- Về địa phương xét xử sơ thẩm: 03 địa phương có số lượng vụ án, bị cáo xét xử sơ thẩm lớn nhất trên cả nước là: Hà Nội (85 vụ, 114 bị cáo), Nghệ An (18 vụ, 21 bị cáo), Thanh Hóa (11 vụ, 12 bị cáo), tiếp theo là Sơn La (9 vụ, 16 bị cáo), Quảng Bình (9 vụ, 12 bị cáo), Quảng Ninh (9 vụ, 10 bị cáo), TP. Hồ Chí Minh (9 vụ, 9 bị cáo) ... **(Biểu đồ 48).**
- Tội danh được áp dụng trong xét xử sơ thẩm các bị cáo phạm tội liên quan đến ĐVHD

Trong tổng số 367 bị cáo bị Tòa án các cấp xét xử sơ thẩm thì các bị cáo bị xét xử về Tội vi phạm quy định về quản lý, bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm (Điều 244 BLHS năm 2015, *sửa đổi, bổ sung 2017*) chiếm phần lớn là 98,09% (360/367 bị cáo), bị cáo bị xét xử về Tội vi phạm quy định về quản lý, bảo vệ động vật hoang dã (Điều 234 BLHS năm 2015, *sửa đổi, bổ sung 2017*) chiếm 1,63% (6/367 bị cáo), bị cáo bị xét xử về Tội tàng trữ, vận chuyển hàng cấm (Điều 191 BLHS năm 2015, *sửa đổi, bổ sung 2017*) chỉ chiếm 0,27% (1/367 bị cáo) - **(Biểu đồ 49).**



Biểu đồ 48. Số vụ án, bị cáo bị xét xử sở thẩm về tội liên quan đến ĐVHD theo địa phương

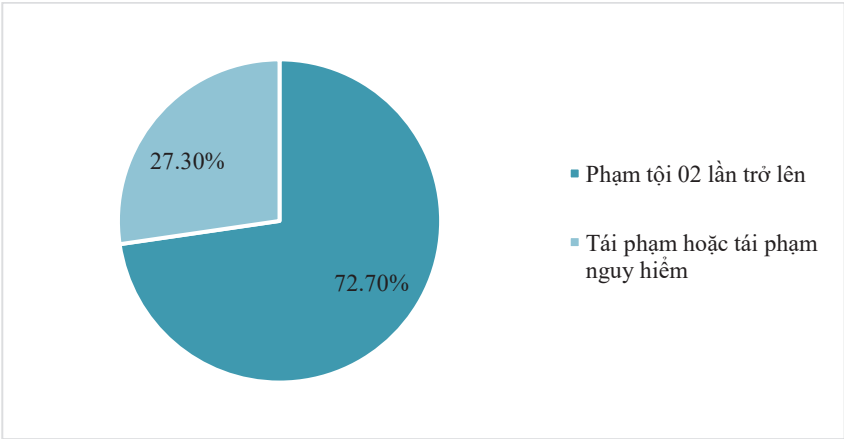


Biểu đồ 49. Tỷ lệ các bị cáo bị xét xử sơ thẩm về tội liên quan đến ĐVHD theo tội danh

- Áp dụng tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xét xử theo thủ tục sơ thẩm đối với các bị cáo phạm tội liên quan đến ĐVHD

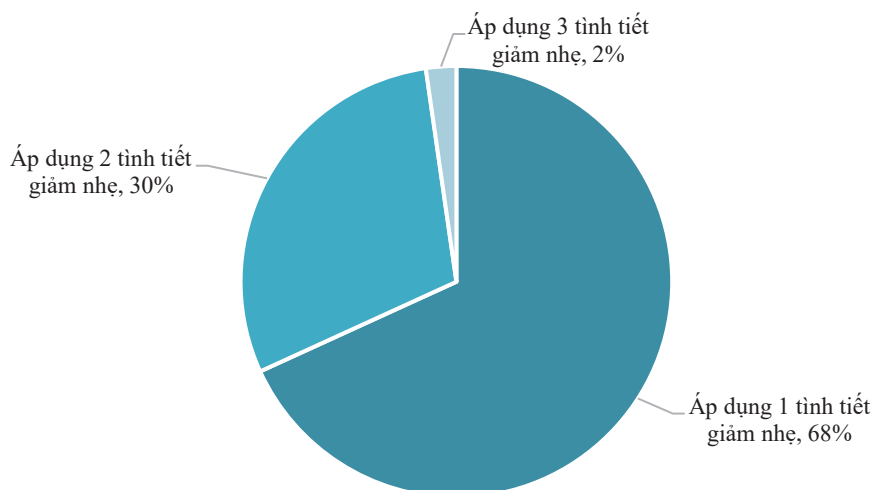
Trong tổng số số 367 bị cáo bị xét xử theo thủ tục sơ thẩm, TAND đã áp dụng các tình tiết tăng nặng, các tình tiết giảm nhẹ để quyết định loại hình phạt, mức hình phạt khi xét xử như sau:

Về áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự (Điều 52 BLHS 2015, sửa đổi, bổ sung 2017): Có 11 bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, chiếm 3% (11/367 bị cáo), trong đó có 8 bị cáo bị áp dụng tình tiết “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS chiếm 72,7% (8/11 bị cáo), có 3 bị cáo bị áp dụng tình tiết “Tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 chiếm 27,3% (3/11 bị cáo) - (Biểu đồ 50).



Biểu đồ 50. Tỷ lệ tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự áp dụng cho bị cáo phạm tội liên quan đến ĐVHD

Về áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (theo Điều 51 BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017): Có 308 bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, chiếm 83,92% (308/367 bị cáo). Trong đó có 68% (210/308 bị cáo) được áp dụng 1 tình tiết giảm nhẹ, 30% (91/108 bị cáo) được áp dụng 2 tình tiết giảm nhẹ, và 2% (7/308 bị cáo) được áp dụng 3 tình tiết giảm nhẹ. - (Biểu đồ 51).



Biểu đồ 51. Tỷ lệ bị cáo phạm tội liên quan đến ĐVHD được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ xét theo số lượng tình tiết

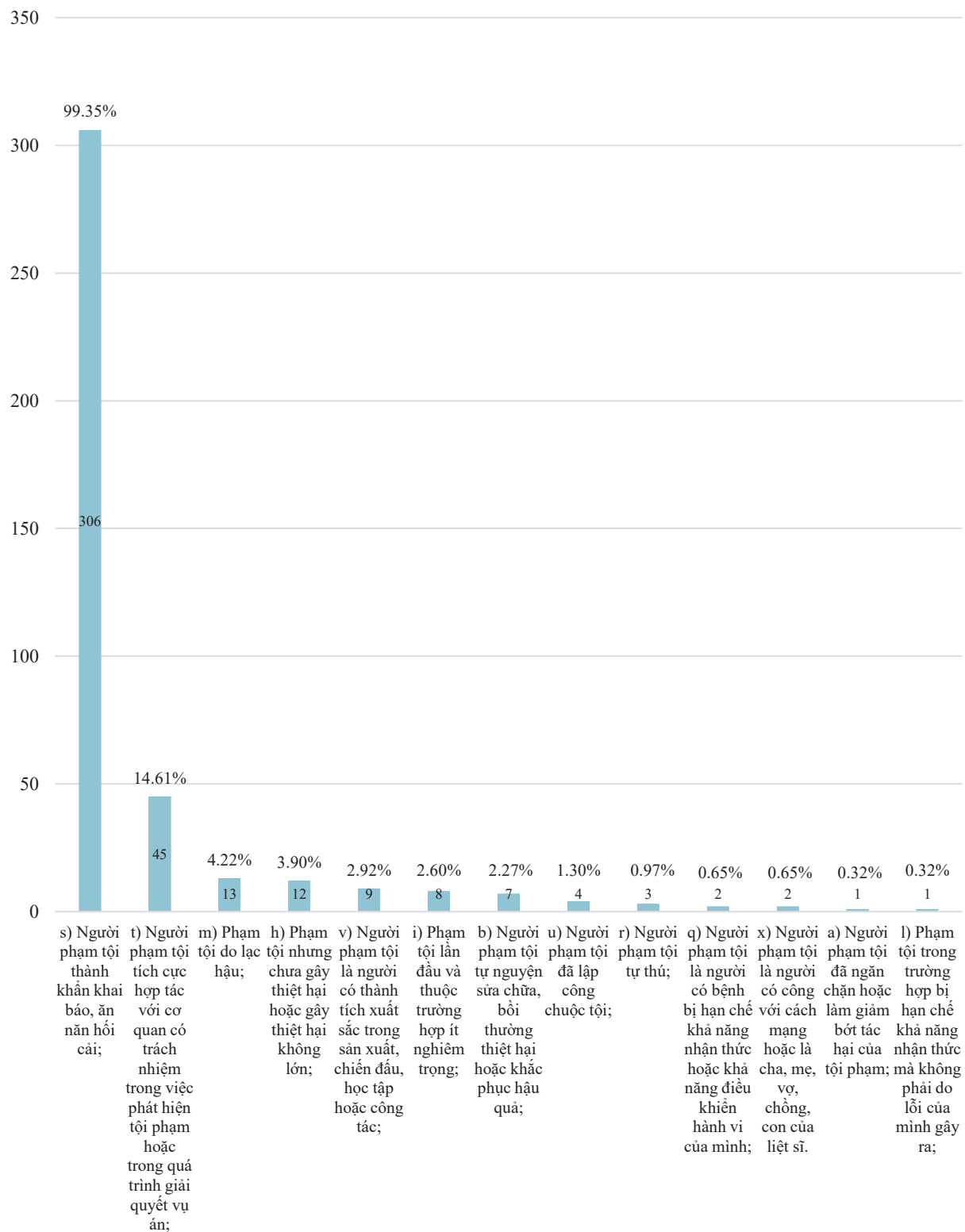
Trong các loại tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điều 51 BLHS năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*):

- Tình tiết “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” quy định tại điểm s khoản 1 được áp dụng nhiều nhất với 99,35% (306/308 bị cáo);
- Tình tiết “Người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án” quy định tại điểm t khoản 1 được áp dụng nhiều thứ hai với 14,61% (45/308 bị cáo);
- Tình tiết “Phạm tội do lạc hậu” quy định tại điểm m khoản 1 được áp dụng nhiều thứ ba với 4,22% (13/308 bị cáo);
- Các tình tiết “Người phạm tội đã ngăn chặn hoặc làm giảm bớt tác hại của tội phạm” và “Phạm tội trong trường hợp bị hạn chế khả năng nhận thức mà không phải do lỗi của mình gây ra” được áp dụng ít nhất (mỗi tình tiết 1/308 bị cáo) - **(Biểu đồ 52)**.

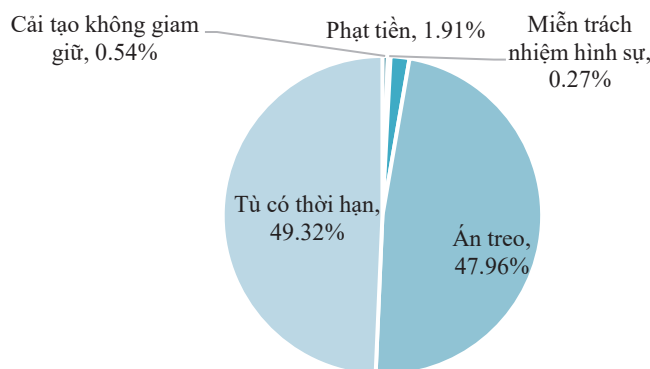
2.4.4. Hình phạt áp dụng đối với tội phạm liên quan đến ĐVHD

Trong tổng số 367 bị cáo bị TAND các cấp xét xử theo thủ tục sơ thẩm, hình phạt tù có thời hạn chiếm tỷ lệ cao nhất là 49,32% (181/367 bị cáo), hình phạt án treo chiếm tỷ lệ thứ hai là 47,96% (176/367 bị cáo); phạt tiền và cải tạo không giam giữ là các hình phạt chiếm tỷ lệ thấp, lần lượt là 1,91% (7/367 bị cáo) và 0,54% (2/367 bị cáo), ngoài ra có 0,27% (1/367 bị cáo) được miễn trách nhiệm hình sự - **(Biểu đồ 53)**.

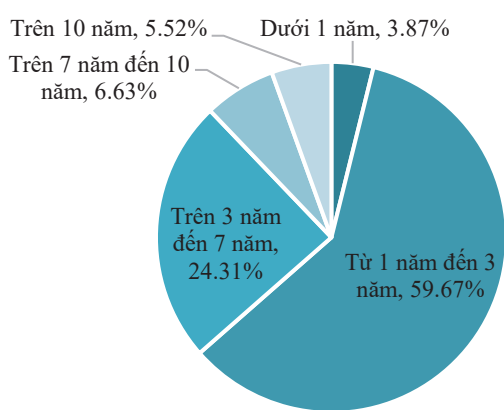
Trong tổng số 181 bị cáo bị tuyên phạt tù có thời hạn về tội liên quan đến ĐVHD, số bị cáo bị tuyên hình phạt tù có thời hạn từ 1 - 3 năm chiếm tỷ lệ cao nhất là 59,67% (108/181 bị cáo); số bị cáo bị tuyên hình phạt tù từ trên 3 - 7 năm chiếm tỷ lệ cao thứ hai là 24,31% (44/181 bị cáo); số bị cáo bị tuyên hình phạt tù có thời hạn từ trên 7 - 10 năm chiếm tỷ lệ cao thứ ba là 6,63% (12/181 bị cáo), số bị cáo bị tuyên hình phạt tù trên 10 năm tù chiếm 5,52% (10/181 bị cáo), thấp nhất là mức phạt dưới 1 năm tù chỉ chiếm 3,87 % (7/381 bị cáo) - **(Biểu đồ 54)**.



Biểu đồ 52. Tỷ lệ bị cáo phạm tội liên quan đến ĐVHD được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ xét theo các tình tiết cụ thể



Biểu đồ 53. Tỷ lệ hình phạt áp dụng đối với tội phạm liên quan đến ĐVHD



Biểu đồ 54. Tỷ lệ mức hình phạt tù có thời hạn áp dụng đối với tội phạm liên quan đến ĐVHD

Ngoài hình phạt chính, trong tổng số 367 bị cáo bị xét xử sơ thẩm có 22 bị cáo chiếm 6% (22/367 bị cáo) còn phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền với tổng số tiền là 1,165 tỷ đồng, trong đó mức phạt tiền bổ sung cao nhất là 100 triệu đồng và thấp nhất là 50 triệu đồng.

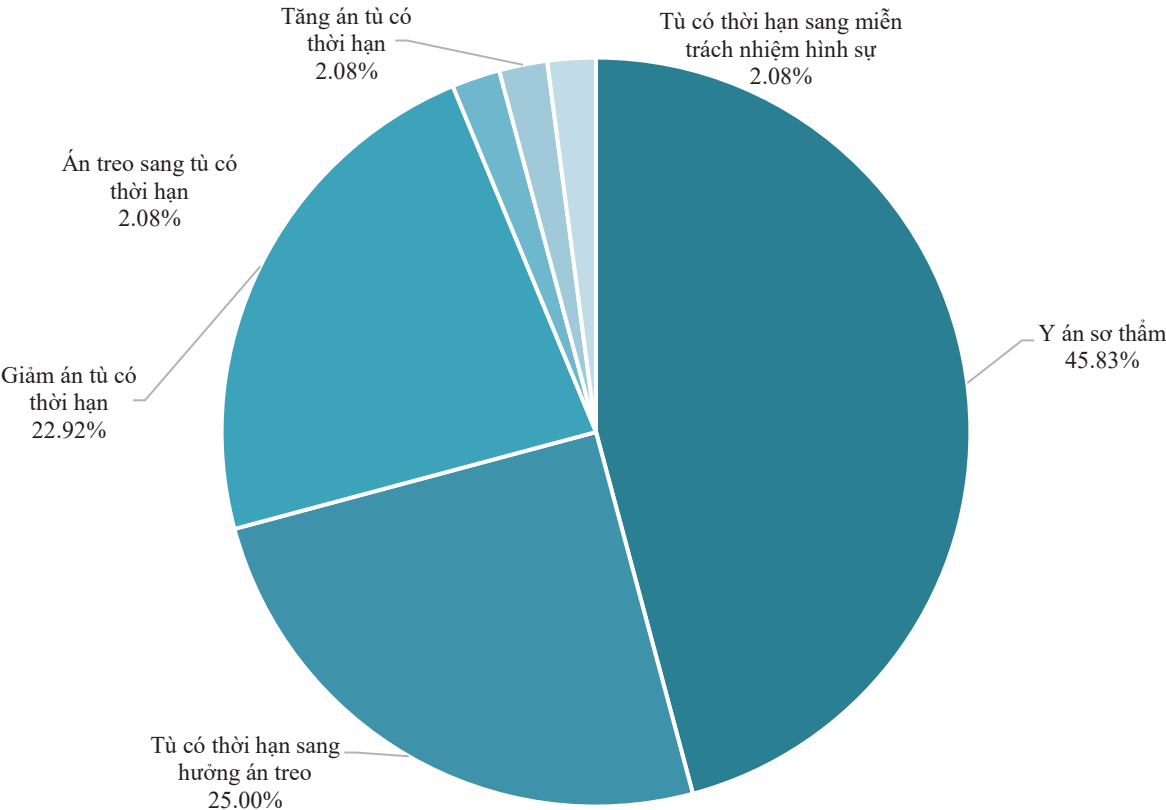
Bên cạnh đó, có 1/367 bị cáo chiếm 0,27% bị áp dụng hình phạt bổ sung là trục xuất là người nước ngoài phạm tội liên quan đến ĐVHD ở Việt Nam.

2.4.5 Số lượng bị cáo bị TAND các cấp xét xử theo thủ tục phúc thẩm về tội liên quan đến ĐVHD

Trong tổng số 398 bị cáo bị TAND các cấp xét xử trong giai đoạn 2020-2021 thì có 48 bị cáo bị xét xử theo thủ tục phúc thẩm (do có kháng cáo hoặc kháng nghị của VKSND) chiếm 12,1% (48/398 bị cáo), cụ thể như sau:

- Xét về số lượng bị cáo đã bị xét xử theo thủ tục phúc thẩm theo địa phương thì Hà Tĩnh là địa phương có số lượng lớn nhất chiếm 39,58% (19/48 bị cáo), tiếp theo lần lượt là Hà Nội chiếm 18,75% (9/48 bị cáo), Quảng Nam chiếm 8,33% (4/48 bị cáo), Đắk Lắk 6,25% (3/48 bị cáo); Đắk Nông, Thừa Thiên Huế, Kiên Giang và Quảng Bình mỗi địa phương là 4,17% (2/48 bị cáo) ...

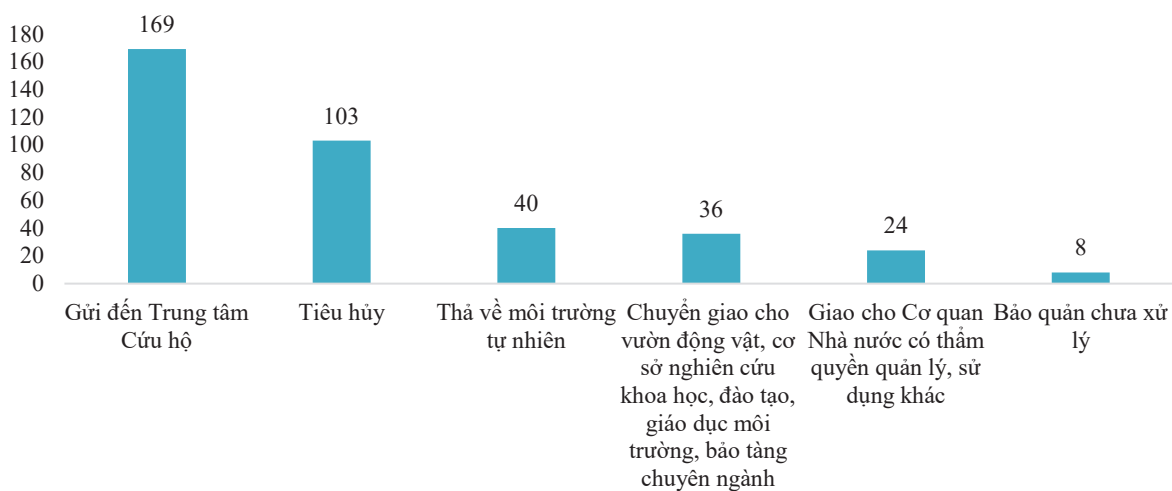
- Về kết quả xét xử phúc thẩm: Trong tổng số 48 bị cáo bị TAND các cấp xét xử theo thủ tục phúc thẩm thì số bị cáo y án sơ thẩm chiếm phần lớn là 45,83% (22/48 bị cáo); tiếp theo lần lượt là số bị cáo được chuyển từ hình phạt tù có thời hạn sang được hưởng án treo chiếm 25% (12/48 bị cáo); số bị cáo được giảm mức phạt tù có thời hạn chiếm 22,92% (11/48 bị cáo); còn lại số bị cáo được chuyển hình phạt tù có thời hạn sang miễn trách nhiệm hình sự, chuyển từ hưởng án treo sang hình phạt tù có thời hạn, và bị tăng án tù có thời hạn đều chiếm 2,08% (1/48 bị cáo). - (Biểu đồ 55).



Biểu đồ 55. Tỷ lệ kết quả xét xử phúc thẩm các bị cáo phạm tội liên quan đến ĐVHD

2.4.6 Hình thức xử lý tang vật/vật chứng là ĐVHD

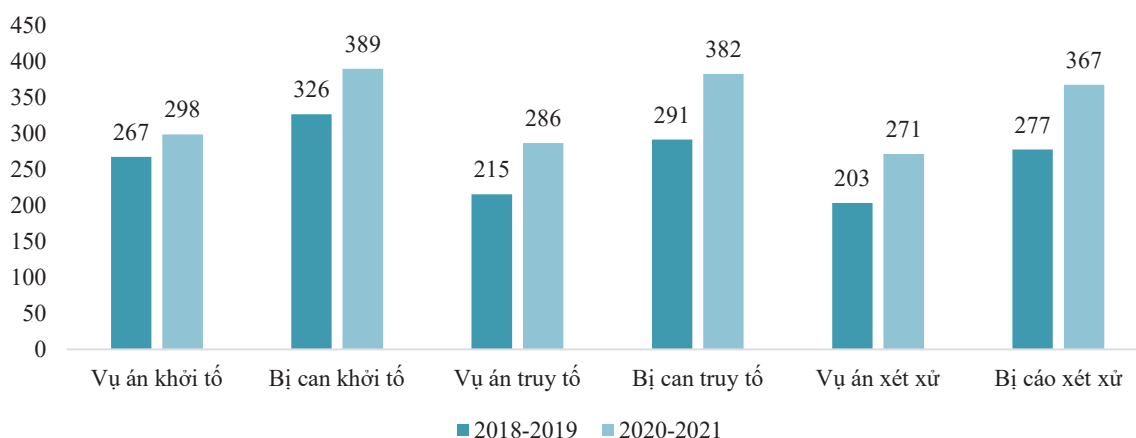
Trong tổng số 298 vụ án liên quan đến ĐVHD khởi tố hình sự trong giai đoạn 2020-2021 thì có 264 vụ - chiếm 88,6% có ghi nhận các hình thức xử lý tang vật/vật chứng là ĐVHD, còn lại 34 vụ - chiếm 11,4% không ghi nhận thông tin này. Trong đó, hình thức xử lý phổ biến nhất là gửi đến Trung tâm cứu hộ để đảm bảo sự sống cho ĐVHD (169/264 vụ án), tiếp theo lần lượt là biện pháp tiêu hủy (103/264 vụ án), thả về môi trường tự nhiên (40/264 vụ án), chuyển giao cho Vườn động vật, cơ sở nghiên cứu khoa học, đào tạo, giáo dục môi trường hoặc Bảo tàng chuyên ngành (36/264 vụ án), giao cho Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quản lý, sử dụng khác (24/264 vụ án) và bảo quản chưa xử lý (8/264 vụ án) - (Biểu đồ 56).



Biểu đồ 56. Hình thức xử lý tang vật/vật chứng là ĐVHD theo số vụ án

2.4.7 So sánh hiệu quả công tác phát hiện, điều tra, truy tố, xét xử tội phạm liên quan đến ĐVHD giai đoạn 2020-2021 và giai đoạn 2018-2019

- Về số lượng vụ án khởi tố, truy tố, xét xử (**Biểu đồ 57**):
 - Khởi tố: Các cơ quan thực thi pháp luật đã khởi tố hình sự 267 vụ án với 326 bị can trong giai đoạn 2018-2019 và 298 vụ án với 389 bị can trong giai đoạn 2020-2021. Như vậy, số vụ án và số bị can bị khởi tố hình sự tăng 31 vụ án (tương đương 11,61%) và 63 bị can (tương đương 19,33%).
 - Truy tố: VKSND các cấp đã truy tố 215 vụ án với 291 bị can trong giai đoạn 2018-2019 và 286 vụ án với 382 bị can trong giai đoạn 2020-2021. Như vậy, số vụ án và số bị can bị truy tố tăng 71 vụ án (tương đương 33,02%) và 91 bị can (tương đương 31,27%).
 - Xét xử sơ thẩm: TAND các cấp đã xét xử sơ thẩm 203 vụ án với 277 bị cáo trong giai đoạn 2018-2019 và 271 vụ án với 367 bị cáo trong giai đoạn 2020-2021. Như vậy, số vụ án và số bị cáo bị xét xử hình sự sơ thẩm tăng 68 vụ án (tương đương 33,50%) và 90 bị cáo (tương đương 32,49%).

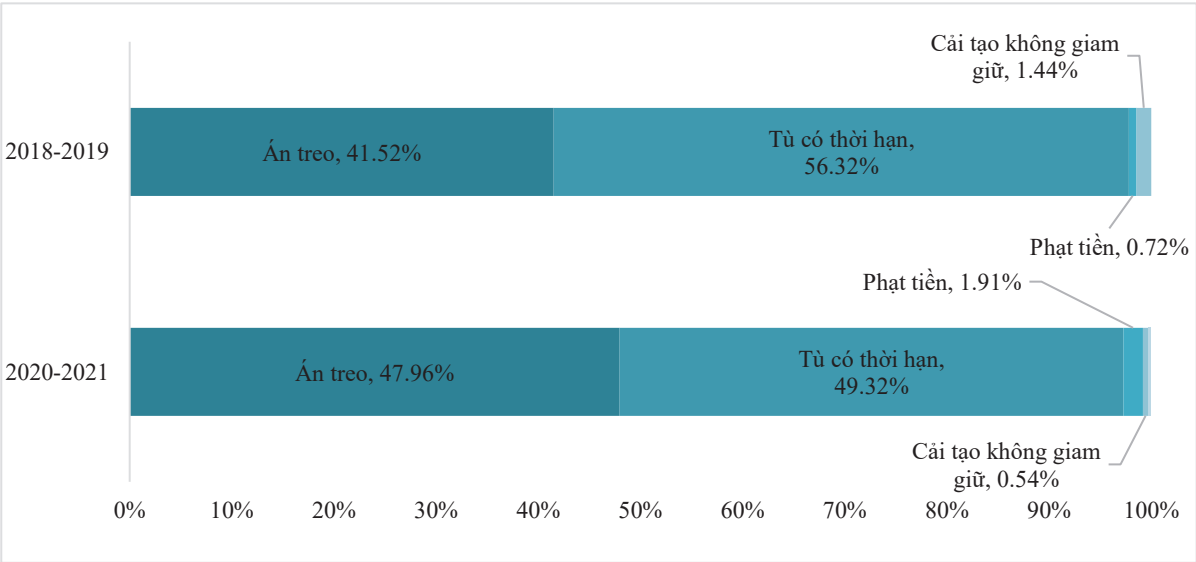


Biểu đồ 57. Số lượng vụ án và bị can, bị cáo bị khởi tố, truy tố, xét xử sơ thẩm trong giai đoạn 2018-2019 và giai đoạn 2020-2021

● Về loại hình phạt áp dụng (**Biểu đồ 58**):

Nếu so sánh loại hình phạt áp dụng đối với các bị cáo phạm tội liên quan đến ĐVHD của giai đoạn 2018-2019 và giai đoạn 2020-2021 thì xu hướng đều giống nhau về loại hình phạt áp dụng, cụ thể: hình phạt tù có thời hạn chiếm tỷ lệ cao nhất (giai đoạn 2018-2019 là 56,32% với 156/277 bị cáo, giai đoạn 2020-2021 là 49,32% với 181/367 bị cáo), tiếp đến là hình phạt án treo (giai đoạn 2018-2019 là 41,52% với 115/277 bị cáo, giai đoạn 2020-2021 là 47,96% với 176/367 bị cáo). Tuy nhiên, nếu xét theo số lượng bị cáo bị áp dụng hình phạt tù có thời hạn và án treo lại có sự chênh lệch lớn, cụ thể giai đoạn 2018-2019 chỉ có 156 bị cáo bị áp dụng hình phạt tù có thời hạn, nhưng sang giai đoạn 2020-2021 là 181 bị cáo (tăng 25 bị cáo); hình phạt án treo giai đoạn 2018-2019 chỉ có 115 bị cáo, nhưng sang giai đoạn 2020-2021 là 176 bị cáo (tăng 61 bị cáo).

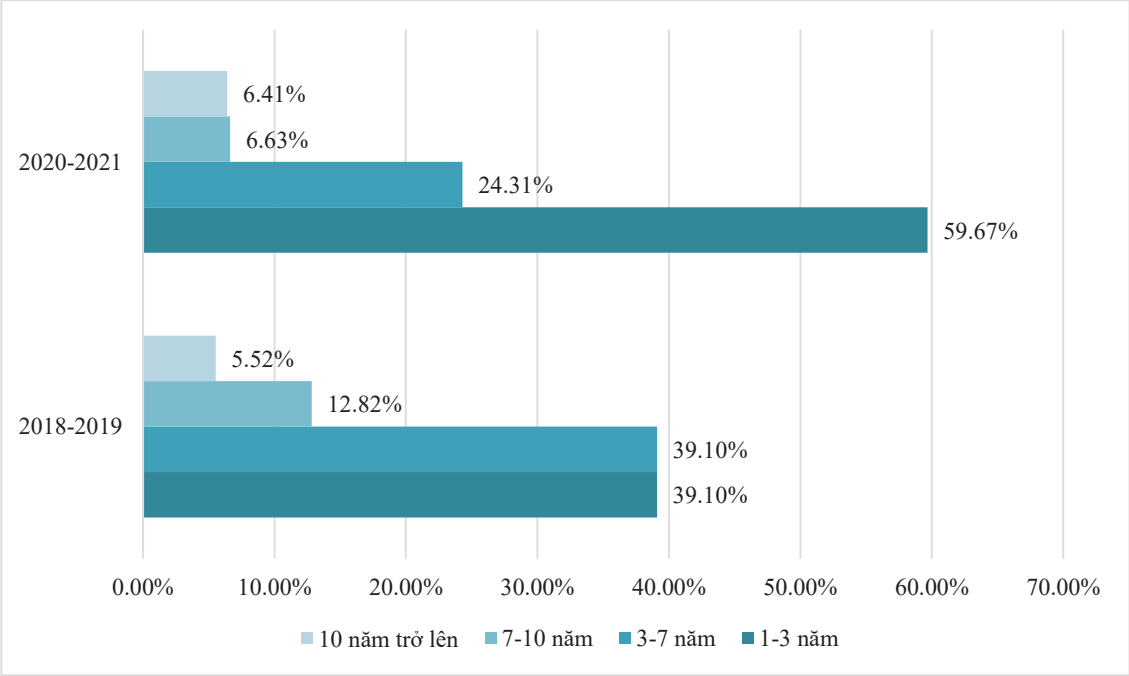
Còn các hình phạt khác như: Phạt tiền và cải tạo không giam giữ đều chiếm tỷ lệ thấp của cả 2 giai đoạn, cụ thể giai đoạn 2018-2019 hình phạt tiền chiếm 0,72% (2/277 bị cáo) và cải tạo không giam giữ chiếm 1,44% (4/277 bị cáo); còn giai đoạn 2020-2021 hình phạt tiền chiếm 1,91% (7/367 bị cáo) và hình phạt cải tạo không giam giữ chiếm 0,54% (2/367 bị cáo).



Biểu đồ 58. So sánh loại hình phạt áp dụng đối với tội phạm liên quan đến ĐVHD xét xử sơ thẩm, giai đoạn 2018 - 2019 và giai đoạn 2020-2021

- So sánh mức hình phạt tù có thời hạn áp dụng đối với các bị cáo của giai đoạn 2018-2019 và giai đoạn 2020-2021 có sự khác biệt lớn (**Biểu đồ 59**), cụ thể:
 - Số lượng bị cáo bị áp dụng mức hình phạt từ 1 năm đến 3 năm tù giai đoạn 2020-2021 chiếm 59,67% (108/181 bị cáo), còn giai đoạn 2018-2019 chỉ chiếm 39,1% (61/156 bị cáo);
 - Số lượng bị cáo bị áp dụng mức hình phạt từ 3 năm đến 7 năm tù giai đoạn 2018-2019 chiếm 39,1% (61/156 bị cáo), còn giai đoạn 2020-2021 chỉ chiếm 24,31% (44/181 bị cáo);
 - Số lượng bị cáo bị áp dụng mức hình phạt từ 7 năm tù đến 10 năm tù giai đoạn 2018-2019 chiếm 12,82% (20/156 bị cáo), còn giai đoạn 2020-2021 chỉ chiếm 6,63% (12/181 bị cáo);

- Số lượng bị cáo bị áp dụng mức hình phạt từ 10 năm tù trở lên giai đoạn 2020-2021 chiếm 6,41% (15/234 bị cáo), còn giai đoạn 2018-2019 chỉ chiếm 5,52% (10/181 bị cáo), trong đó giai đoạn năm 2018-2019 chỉ có 1 bị cáo bị tuyên mức hình phạt là 13 năm tù (vụ án ở tỉnh Quảng Ninh), còn giai đoạn 2020-2021 có 3 bị cáo bị tuyên mức hình phạt cao nhất là 13 năm tù.



Biểu đồ 59. So sánh mức hình phạt tù có thời hạn áp dụng đối với tội phạm liên quan đến ĐVHD xét xử sơ thẩm của giai đoạn 2018 - 2019 và giai đoạn 2020-2021

- **Đánh giá chung:** Số lượng vụ án, bị can bị khởi tố, truy tố, và xét xử theo thủ tục sơ thẩm của giai đoạn năm 2020-2021 luôn cao hơn so với giai đoạn năm 2018-2019. Nếu xét về mức hình phạt tù có thời hạn áp dụng đối với các bị cáo khi bị xét xử sơ thẩm cũng có xu hướng nghiêm khắc hơn, cụ thể khi xét về số lượng bị cáo bị áp dụng mức hình phạt từ 10 năm tù trở lên giai đoạn 2020-2021 chiếm tỷ lệ cao hơn (6,41%) so với giai đoạn 2018-2019 (5,52%).

Có nhiều nguyên nhân của xu hướng này, trong đó trước hết thể hiện sự nâng cao sự nhận thức của các cấp, ngành, lực lượng trong đấu tranh, phòng chống loại tội phạm này, đặc biệt là thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật mà cụ thể là quy định tại Điều 234, 244 của BLHS năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*) theo hướng tăng nặng và tội phạm hóa một số hành vi cụ thể như tàng trữ và bổ sung căn cứ tính theo số lượng cá thể ĐVHD bị vi phạm... Đây là các điều kiện cần và đủ nhằm tạo thuận lợi trong áp dụng, xử lý đối với các loại tội phạm nói chung và đối với loại tội phạm liên quan đến ĐVHD trong giai đoạn 2020-2021 nói riêng.

III. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC VÀ KHUYẾN NGHỊ

Ngoài việc gửi về các phiếu thống kê theo mẫu, các địa phương còn gửi về Cục 2, VKSND tối cao báo cáo về tình hình thực thi pháp luật về bảo vệ ĐVHD tại địa phương. Qua đó đã cho thấy trong thực tiễn đấu tranh, áp dụng các quy định của pháp luật để xử lý tội phạm liên quan đến ĐVHD, cụ thể là quy định tại Điều 234, 244 của BLHS năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*), vẫn còn bộc lộ một số tồn tại, hạn chế. Các vấn đề này cũng được xác định và tổng hợp thông qua quá trình phân tích thông tin các vụ án và trao đổi với các cơ quan chức năng trong những chuyến đi thực tế tại các địa phương.

Dưới đây là một số khó khăn, vướng mắc trong công tác thực thi pháp luật về bảo vệ ĐVHD và khuyến nghị đến các cơ quan có thẩm quyền liên quan nhằm tạo giá trị tham khảo cũng như góp phần tăng cường hiệu quả công tác phòng, chống tội phạm về ĐVHD tại Việt Nam, bao gồm công tác thống kê, phân tích dữ liệu về loại hình tội phạm này.

3.1. Khó khăn, vướng mắc

3.1.1. Về nhận thức của người dân nói chung và người phạm tội liên quan đến ĐVHD nói riêng

Nhận thức của người dân về ĐVHD và bảo tồn ĐVHD ở nước ta còn chưa cao, trong khi công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức của các cơ quan có thẩm quyền đối với người dân còn nhiều hạn chế, do vậy trên thực tế có nhiều vụ, việc người dân “công khai” tàng trữ, vận chuyển, buôn bán, nuôi nhốt... trái phép ĐVHD, chỉ đến khi các cơ quan thực thi pháp luật bắt giữ, xử lý thì mới biết là mình vi phạm pháp luật. Điều này đã gây ra khó khăn trong quá trình xử lý hình sự khi có hành vi vi phạm bị phát hiện, đặc biệt là việc chứng minh ý thức chủ quan của đối tượng.

3.1.2. Về hiệu quả xử lý đối với chủ thể tội phạm liên quan đến ĐVHD

Qua tổng hợp, phân tích số liệu thống kê bị can, bị cáo trong giai đoạn 2020-2021 cho thấy: Chủ yếu chỉ bắt được các đối tượng vận chuyển thuê mà không xác định được chủ hàng của ĐVHD. Do đó, việc xử lý chỉ dừng lại ở các đối tượng vận chuyển thuê mà chưa xử lý đối với đối tượng là chủ mưu, cầm đầu. Do vậy, tính răn đe, giáo dục chưa cao và triệt để.

3.1.3. Về quy định của BLHS, BLTTHS và thực tiễn áp dụng

BLHS năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*) đã có những thay đổi mới so với quy định tại của BLHS năm 1999 về tội vi phạm quy định về bảo vệ ĐVHD, động vật nguy cấp, quý, hiếm như đã cụ thể hoá các hành vi phạm tội đối với từng đối tượng bảo vệ cụ thể như hành vi săn bắt, giết, nuôi, nhốt, vận chuyển, buôn bán trái phép động vật thuộc danh mục loại nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ; tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép ngà voi, sừng tê giác; quy định định lượng hoặc số lượng cá thể làm căn cứ định tội, định khung hình phạt để khắc phục những vướng mắc về định giá tài sản là động vật nguy cấp, quý, hiếm.

Tuy nhiên quá trình áp dụng các quy định mới của BLHS hiện hành, nhiều địa phương còn gặp các vướng mắc như sau:

- Điều 244 quy định chỉ áp dụng trách nhiệm hình sự trong các trường hợp vi phạm liên quan đến bộ phận cơ thể của động vật nếu các bộ phận đó là “bộ phận không thể tách rời sự sống”, điều này là khó hiểu và có thể dẫn tới nhiều cách giải thích khác nhau, gây khó khăn cho các cơ quan tiến hành tố tụng.
- Điều 244 chỉ quy định hành vi săn bắt, giết, vận chuyển, nuôi nhốt, buôn bán loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ; tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép cá thể, bộ phận hoặc sản phẩm, bộ phận của loài này mới bị xử lý hình sự. Điều này dẫn đến vướng mắc nếu đối tượng vi phạm bị phát hiện khi đang “nấu cao” cá thể/bộ phận loài ĐVHD nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ thì có thể xử lý hình sự được hay không bởi chúng không được ghi nhận trong cấu thành tội phạm. Trong khi đó, hành vi “nấu cao”, “chế biến” ĐVHD cũng gây nguy hại lớn cho xã hội, tác động trực tiếp đến các loài ĐVHD tương tự như những hành vi khác.
- Tại khoản 1, 2, 3 Điều 244 hiện quy định số lượng “bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống” làm căn cứ xử lý tội phạm và định khung hình phạt. Tuy nhiên thực tế trong quá trình điều tra có vụ án, bị can có hành vi mua bán, vận chuyển nhiều bộ phận không thể tách rời sự sống, trong số đó có thể là có nguồn gốc từ 01 cá thể được chia nhỏ ra để dễ dàng vận chuyển hoặc có thể là từ nhiều cá thể khác nhau. Việc xác định tình tiết “nhiều bộ phận cơ thể” là có nguồn gốc từ 01 cá thể hay từ nhiều cá thể thì cơ quan giám định hầu như không kết luận được. Vì vậy dẫn đến khó khăn trong quá trình xử lý.
- Tại điểm b khoản 1 Điều 244 quy định: “...*buôn bán trái phép cá thể, bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống hoặc sản phẩm của loài động vật quy định tại điểm a khoản này*”, tức là trong số các đối tượng mà tội phạm hướng đến quy định trong khoản 1 có “sản phẩm” của động vật nguy cấp, quý, hiếm. Đối chiếu với quy định tại điểm a khoản 2 Điều 244, thì số lượng động vật đã định lượng tối thiểu để truy cứu trách nhiệm hình sự theo điểm a khoản 1 Điều 244. Tuy nhiên, đối với “sản phẩm” của động vật nguy cấp, quý, hiếm thì Điều 244 lại không quy định về số lượng, khối lượng hay giá trị của sản phẩm để định lượng làm cơ sở truy cứu trách nhiệm hình sự.
- Hiện nay chưa có văn bản của cơ quan có thẩm quyền xác định mùa sinh sản, mùa di cư của từng loài. Do đó, việc quy định tình tiết định khung này sẽ gây khó khăn cho việc áp dụng và thống nhất pháp luật, nên thực tiễn xử lý rất khó khăn.

Ngoài ra, liên quan đến BLTTHS năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2021*) trong quá thực tiễn áp dụng để xử lý hình sự các vụ án về ĐVHD cũng có bất cập như:

- Điều 223 có quy định các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt như ghi âm, ghi hình bí mật; nghe điện thoại bí mật; thu thập bí mật dữ liệu điện tử, tuy nhiên người có thẩm quyền tiến hành tố tụng chỉ được áp dụng sau khi khởi tố vụ án và đối với tội xâm phạm an ninh quốc gia, tội phạm về ma túy, tội phạm về tham nhũng, khủng bố, rửa tiền; tội phạm khác có tổ chức thuộc loại tội phạm đặc biệt nghiêm trọng. Như vậy, tội phạm về ĐVHD không được áp dụng các biện pháp điều tra trên. Đây là một trong những trở ngại trong quá trình điều tra, phá án đối với tội phạm về ĐVHD.

- Vương mắc trong xác định thể nào là các vụ việc, vụ án hình sự liên quan đến ĐVHD, động vật nguy cấp, quý, hiếm và sản phẩm của chúng có yếu tố nước ngoài dẫn đến khó khăn khi xác định cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

3.1.4. Vấn đề giám định loài ĐVHD

Việc xác định tên loài ĐVHD bị xâm hại của tội phạm là điều kiện tiên quyết để có thể truy cứu trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên ĐVHD là một đối tượng đặc thù và phải được giám định bởi cơ quan chuyên môn có thẩm quyền để có thể kết luận về tên, chủng loại. Các Cơ quan khoa học CITES là các cơ quan có thẩm quyền giám định mẫu vật CITES theo quy định. Đối với các loài ĐVHD, hiện nay có 7 cơ quan được chỉ định theo các Quyết định số 2249/QĐ-BNN-TCLN ngày 17/6/2020 và Quyết định số 4519/QĐ-BNN-TCLN ngày 22/11/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Các cơ quan này dù có phân bố ở ba miền Bắc – Trung – Nam song khi tiến hành giám định vẫn phải chờ kết quả lâu dẫn đến phải gia hạn thời hạn điều tra, ngoài ra chi phí vận chuyển, chi phí giám định (đặc biệt là giám định đối với các mẫu vật đã chết; bộ phận hoặc sản phẩm... của ĐVHD), bảo quản tang vật cũng tốn kém.

Tại các địa phương hầu như các tổ chức giám định theo vụ việc cũng chưa được thành lập (theo Luật Giám định tư pháp) hoặc các Giám định viên chuyên ngành chưa được bổ nhiệm, nên chất lượng, hiệu quả của công tác giám định chưa bảo đảm hoặc kéo dài, đã ảnh hưởng không nhỏ đến tiến độ, chất lượng giải quyết các vụ án liên quan đến ĐVHD trong thời gian vừa qua.

3.1.5. Vấn đề định giá ĐVHD

Theo quy định của BLHS hiện hành thì để xử lý hình sự về các hành vi vi phạm về quy định bảo vệ ĐVHD và động vật nguy cấp, quý, hiếm, rất nhiều vụ án hình sự phải thông qua thủ tục định giá tài sản. Do vậy, với những tang vật của vụ án là loại không mua bán trên thị trường thì chưa có căn cứ chính thức cho Hội đồng định giá; khi cơ quan tiến hành tố tụng yêu cầu định giá thì cơ quan định giá thường từ chối định giá hoặc cùng một đối tượng định giá nhưng mỗi địa phương lại định giá ở mức khác nhau.

Bất cập này khiến tình trạng cùng về một hành vi, việc áp dụng giá không thống nhất dẫn đến cùng một loài, một cá thể động vật nguy cấp, quý, hiếm thì ở địa phương này người vi phạm sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự còn ở địa phương khác thì có thể không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, hay nói cách khác là dẫn tới việc áp dụng pháp luật không công bằng.

Bên cạnh đó, trên thực tế thì Hội đồng định giá gồm đại diện các cơ quan chuyên môn cấp huyện thực hiện chủ yếu là hoạt động định giá đối với các tài sản phổ biến như công trình xây dựng, đất đai, phương tiện ... còn đối với vật chứng là ĐVHD thì việc định giá cũng còn nhiều lúng túng, hạn chế. Đặc biệt là việc định giá đối với vật chứng là ĐVHD đã bị mất một phần cơ thể, không còn nguyên vẹn; động vật đã bị tiêu huỷ một phần.

3.1.6. Vấn đề xử lý, bảo quản tang vật, vật chứng là ĐVHD

Hiện nay, vẫn chưa có quy định rõ ràng về cơ quan quản lý chuyên ngành chăm sóc ĐVHD trong quá trình xử lý các vụ vi phạm; trình tự, thủ tục, quy trình kỹ thuật cứu hộ... Do vậy, các hình thức xử lý tang vật/vật chứng là ĐVHD được ghi nhận và phân tích trong báo cáo này cũng cho thấy chưa được áp dụng một cách thống nhất. Bên cạnh đó, việc xử lý, bảo quản tang vật, vật chứng là ĐVHD là động vật sống và cá thể động vật chết hoặc sản phẩm ĐVHD trên thực tiễn xử lý các vụ án nói riêng và vi phạm pháp luật về ĐVHD nói chung còn gặp không ít khó khăn cả về cơ sở vật chất và nhân lực.

3.1.7. Về công tác thống kê tội phạm liên quan đến ĐVHD và sử dụng các kết quả thống kê

Qua kiểm sát hồ sơ thì nhiều địa phương phát hiện một số vụ vi phạm liên quan đến ĐVHD chưa đủ số lượng cá thể hoặc khối lượng để khởi tố, sau đó đã được các cơ quan chức năng xử lý về hành chính. Tuy nhiên, việc xử lý hành chính có lúc, có nơi chưa được quản lý chặt chẽ và lưu trữ vào một hệ thống thống nhất để các cấp, các ngành, lực lượng thực thi pháp luật cùng khai thác, sử dụng làm căn cứ xử lý về hình sự, nên có thể có sự bỏ lọt tội phạm liên quan đến bảo vệ ĐVHD.

3.2. Khuyến nghị

3.2.1. Khuyến nghị 1: Tích cực thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật đối với người dân

Các cơ quan về tuyên giáo, thông tin, truyền thông, báo chí... ở Trung ương và ở địa phương cần thực hiện tốt Hướng dẫn số 13-HD/BTGTW, ngày 19/7/2021 của Ban Tuyên giáo Trung ương về tăng cường tuyên truyền việc thực hiện không săn, bắt, mua, bán, vận chuyển, giết mổ, tiêu thụ, tàng trữ, quảng cáo, xâm hại động vật, thực vật hoang dã, nguy cấp, quý, hiếm; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, phổ biến pháp luật về bảo vệ môi trường, bảo vệ đa dạng sinh học và ĐVHD đối với người dân, nhất là đối với người dân ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, đồng bào dân tộc thiểu số vùng đệm xung quanh các Khu bảo tồn thiên nhiên, Rừng Quốc gia, vùng biên giới...; đổi mới, mở rộng các hình thức tuyên truyền giáo dục, phổ biến pháp luật (như tuyên truyền trực tiếp, phát tờ rơi, viết bài, phổ biến rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng, mạng xã hội, phim, ảnh, bản tin, tổ chức phiên tòa giả định...), chú trọng các hình thức tuyên truyền giáo dục, phổ biến pháp luật thông qua internet, mạng xã hội...; xử lý nghiêm các hoạt động tuyên truyền, quảng cáo không đúng về vai trò, tác dụng của những sản phẩm có nguồn gốc từ ĐVHD.

Nâng cao vai trò, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, Đảng viên, công chức, viên chức... (nhất là những người có chức năng, nhiệm vụ liên quan đến bảo vệ ĐVHD) trong công tác bảo vệ ĐVHD và tuyên truyền giáo dục, phổ biến pháp luật về bảo vệ môi trường, bảo vệ đa dạng sinh học và ĐVHD cho đồng chí, đồng nghiệp, gia đình, người thân, bạn bè, nhân dân nơi cư trú; có chế tài xử lý nghiêm nếu cán bộ, Đảng viên, công chức, viên chức... lơ là, thiếu trách nhiệm để gia đình, người thân thực hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc phạm tội về bảo vệ ĐVHD.

Cần nhắc phối hợp tốt với các tổ chức bảo tồn tại Việt Nam như: WWF, WCS, TRAFFIC... nhằm tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục người dân để nâng cao nhận thức về trách nhiệm bảo vệ động vật, thực vật hoang dã, quý, hiếm, bảo vệ môi trường sống;

không sử dụng các sản phẩm từ ĐVHD, không trực tiếp tham gia hoặc tiếp tay cho các hành vi mua bán, vận chuyển, tàng trữ, nuôi nhốt trái phép các loài ĐVHD.

3.2.2. *Khuyến nghị 2: Sửa đổi, bổ sung các quy định của pháp luật khi áp dụng xử lý hành vi vi phạm quy định pháp luật về bảo vệ ĐVHD*

Liên ngành tư pháp Trung ương (Bộ Công an, VKSND tối cao, TAND tối cao) và các bộ, ngành có liên quan (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Bộ Tài Nguyên và Môi trường; Tổng cục Hải quan...) cần tham mưu cho Quốc hội, Chính phủ sửa đổi, bổ sung các quy định về xử lý vi phạm liên quan đến ĐVHD. Cụ thể như:

- Hướng dẫn cụ thể về cách tính “số lượng” bộ phận không thể tách rời sự sống làm căn cứ tính tiết định khung hình phạt;
- Thời điểm cấm săn bắt động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm;
- Hành vi tiêu thụ ĐVHD;
- Cách thức xác định giá trị của ĐVHD, động vật nguy cấp, quý, hiếm của những loài cấm lưu thông trên thị trường;
- Tàng trữ, vận chuyển và buôn bán các sản phẩm của các loài hoang dã thuộc Nhóm IB hoặc Phụ lục I CITES;
- Cơ chế, kinh phí và trách nhiệm của các bên liên quan trong quá trình xử lý, bảo quản tang vật, vật chứng là ĐVHD trong các vụ vi phạm liên quan đến ĐVHD;
- Định giá động vật nguy cấp, quý, hiếm.

Trước mắt, trong khi chưa điều chỉnh các nội dung trong các văn bản pháp luật, việc phát triển một số án lệ liên quan đến ĐVHD được coi là giải pháp hữu hiệu nhằm tháo gỡ những vướng mắc của cơ quan thực thi pháp luật và đảm bảo tính thống nhất trong quá trình xử lý các vụ vi phạm quy định pháp luật về bảo vệ ĐVHD.

3.2.3. *Khuyến nghị 3: Tăng cường hiệu quả công tác phối hợp liên ngành*

Các cơ quan thực thi pháp luật trong nước cần thiết lập cơ chế phối hợp, mạng lưới thông tin, kết nối với nhiều kênh để kịp thời phát hiện vi phạm, tội phạm liên quan đến ĐVHD. Đặc biệt, Kiểm sát viên cần phối hợp chặt chẽ với Điều tra viên kể từ khi tiếp nhận, thụ lý, giải quyết nguồn tin về tội phạm để tiến hành các hoạt động tố tụng đúng quy định; kịp thời xử lý vật chứng nhằm đảm bảo mục đích bảo tồn sự sống của tang vật là ĐVHD.

Bên cạnh đó, cần tăng cường hoạt động hợp tác quốc tế giữa cơ quan thực thi pháp luật của Việt Nam với các nước có liên quan trong quá trình giải quyết các vụ án hình sự liên quan đến bảo vệ ĐVHD mang tính xuyên quốc gia.

3.2.4. *Khuyến nghị 4: Chú trọng đến công tác giám định loài ĐVHD nhằm đẩy nhanh tiến độ điều tra, truy tố, xét xử*

Cần sắp xếp, bố trí lại các tổ chức giám định chuyên ngành về ĐVHD theo vùng, miền trên toàn quốc cho phù hợp (miền Bắc, miền Trung, Tây Nguyên, miền Nam...) nhằm tạo thuận lợi và phục vụ có hiệu quả, kịp thời, cũng như đẩy nhanh tiến độ giải quyết các vụ án liên quan đến ĐVHD xảy ra trên thực tế.

Bổ sung đối tượng có tư cách pháp nhân giám định tư pháp đối với mẫu vật là ĐVHD gồm: tổ chức giám định tư pháp (của mỗi tỉnh), cá nhân (người giám định tư pháp theo vụ việc) có kinh nghiệm của Kiểm lâm, Công an, Quản lý thị trường, Biên phòng, Hải quan...

Mặt khác, về vấn đề xác định nhóm, loài về mặt trực quan, lý thuyết và kinh nghiệm cơ bản của người thực thi công vụ có thể nhận biết được nhưng về mặt pháp lý để xử lý vi phạm thì phải trung cầu giám định, việc này đòi hỏi phải quy định cụ thể, khả thi về thời gian, kinh phí và hiện đại hóa công cụ giám định.

Người giám định tư pháp theo vụ việc cần có trách nhiệm bồi thường thiệt hại và tùy theo tính chất, mức độ sai phạm gây ra từ kết quả giám định sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

3.2.5. *Khuyến nghị 5: Tổ chức thực hiện thống kê định kỳ, đầy đủ, thống nhất và khuyến khích việc tham khảo các kết quả phân tích, đánh giá tội phạm liên quan đến ĐVHD*

Cần tự động hóa mẫu biểu thống kê số liệu các vụ vi phạm pháp luật về bảo vệ ĐVHD, xem xét tích hợp vào các hệ thống thống kê hình sự liên ngành và tập huấn kỹ năng thu thập số liệu cho cán bộ địa phương.

Bên cạnh việc duy trì hoạt động thống kê, phân tích, đánh giá về thực tiễn thực thi pháp luật về bảo vệ ĐVHD, cần chỉ định cơ quan đầu mối và thiết lập hệ thống cơ sở dữ liệu chung về vi phạm liên quan đến ĐVHD, trong đó lưu ý đối với dữ liệu liên quan đến xử lý vi phạm hành chính đối với các đối tượng vi phạm, vì đây là tình tiết, là căn cứ định tội danh để xử lý hình sự theo BLHS hiện hành. Sau đó, dữ liệu vi phạm và tội phạm liên quan đến ĐVHD tổng hợp được nên được lưu trữ trên một hệ thống cơ sở dữ liệu chung của toàn quốc và có thể chia sẻ đến các cơ quan chức năng có liên quan để làm căn cứ xử lý vi phạm được chính xác, đầy đủ và kịp thời./.

PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Mẫu thu thập dữ liệu

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN

Mã phiếu:.....

.....

PHIẾU THỐNG KÊ

Xử lý vi phạm các quy định pháp luật về bảo vệ các loài động vật nguy cấp, quý, hiếm

1. Thông tin về bị can, bị cáo

1.1. Thông tin riêng

Bị can, bị cáo là cá nhân			Bị can, bị cáo là pháp nhân thương mại
Họ tên:	Giới tính: ☐ Nam ☐ Nữ	Quốc tịch:.....	Tên pháp nhân:.....
Ngày sinh:/...../.....	Nơi sinh..... ...	Nơi cư trú (thường trú/tạm trú):.....	Địa chỉ pháp nhân:.....
Số chứng minh thư, thẻ CCCD hoặc hộ chiếu*:.....		Số điện thoại *:..... Nghề nghiệp *:.....	Giấy phép kinh doanh số:.....
Trình độ học vấn: ☐ Sau đại học ☐ Đại học ☐ Cao đẳng ☐ Trung cấp ☐ Trung học phổ thông ☐ Trung học cơ sở ☐ Tiểu học ☐ Không biết chữ			Họ tên, địa chỉ người đại diện của pháp nhân:.....
Lệnh, quyết định tạm giam Số.....ngày :...../...../..... Từ ngày..... đến ngày:.....		Cơ quan ra lệnh, quyết định tạm giam:.....	

1.2. Thông tin chung (bao gồm cả cá nhân và pháp nhân thương mại)

Đã bị xử lý hành chính về hành vi vi phạm các quy định	Số lần bị xử lý:...	Thời điểm bị xử lý lần thứ:.... Ngày...../...../.....	Hình thức xử lý lần thứ:.....	Mức xử lý lần thứ:.....
--	---------------------	--	----------------------------------	----------------------------

về bảo vệ động vật hoang dã.		Thời điểm bị xử lý lần thứ:...	Hình thức xử lý lần	Mức xử lý lần
		Ngày...../...../.....	thứ:.....	thứ:.....
				
Đã bị xử lý hình sự về hành vi vi phạm các quy định về bảo vệ động vật hoang dã.	Bản án: Số...ngày:../.../...		Mức hình phạt:.....	
	Bản án: Số...ngày:../.../...		Mức hình phạt:.....	
Đã bị xử lý hình sự về hành vi vi phạm khác (Không phải vi phạm về pháp luật về bảo vệ động vật hoang dã).	Bản án*: Số...ngày:../.../... Điều luật áp dụng:			
Động cơ, mục đích phạm tội (có thể tích nhiều hơn 1 ô): ☐ kiếm lời/lợi nhuận ☐ làm thực phẩm ☐ làm thuốc chữa bệnh ☐ vận chuyển thuê ☐ làm đồ trang sức ☐ làm đồ trang trí ☐ tặng quà biếu ☐ khác				
Bị can, bị cáo là người (có thể tích nhiều hơn 1 ô): ☐ thợ săn ☐ bán buôn ☐ bán lẻ ☐ môi giới ☐ vận chuyển ☐ tiêu thụ ☐ khác				

2. Thông tin về tang vật

2.1. Tang vật là ĐVHD

Tên loài (ghi rõ tên từng loài)	Loại hình (ghi rõ còn sống, đông lạnh, thịt, sừng, ngà, xương, vảy, sản phẩm chế tác...)	Số lượng (ghi rõ số lượng từng loài)	Trọng lượng (kg) (ghi rõ trọng lượng từng loài)
1.....			
2.....			
3.....			

Ngày bắt giữ tang vật:../...../.....	Nơi bắt giữ tang vật:.....
Nguồn gốc ĐVHD:.....	

Địa điểm xuất phát:	Địa điểm trung chuyển: *	Địa điểm dự kiến đến: *
Xử lý tang vật: (ghi rõ hình thức đã áp dụng để xử lý tang vật.)		

2.2. Thông tin khác

- Phương tiện vận chuyển *: (ghi rõ loại phương tiện, biển kiểm soát, số hiệu chuyến bay...)
.....

.....
.....

- Phương tiện nuôi, nhốt *:
.....

- Vũ khí, công cụ hỗ trợ *:
.....

- Tang vật khác*:
.....

3. Thông tin về cơ quan phát hiện bắt giữ:

Cơ quan phát hiện, bắt giữ tang vật:.....

Cơ quan phối hợp bắt giữ tang vật:
.....

4. Xử lý hành vi vi phạm

Quyết định khởi tố vụ án: Số... ngày:/..../.....	Cơ quan khởi tố:
Quyết định khởi tố bị can: Số.... ngày:...../..../.....	Cơ quan khởi tố:
Hành vi bị khởi tố: ☐ săn bắt ☐ giết ☐ nuôi ☐ nhốt ☐ tàng trữ ☐ vận chuyển ☐ buôn bán Điều luật đã áp dụng để khởi tố (ghi rõ điều luật theo BLHS):.....	
Cáo trạng truy tố: Số.....ngày :...../..../.....	
Bản án hình sự sơ thẩm: Số..... ngày :...../..../.....	
Điều, khoản áp dụng đối với hành vi phạm tội về ĐVHD: khoản..... Điều.....	☐ Miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt
	Hình phạt áp dụng đối với bị cáo là cá nhân

Tình tiết giảm nhẹ TNHS (Chỉ ghi điểm đã áp dụng tại điều 51 BLHS) :..... Tình tăng nặng TNHS (Chỉ ghi điểm đã áp dụng tại điều 52 BLHS) :.....	Hình phạt chính: ☐ <i>phạt tiền</i> ☐ <i>cải tạo KGG</i> ☐ <i>án treo</i> ☐ <i>tù có thời hạn.</i> ☐ <i>trục xuất</i> Mức hình phạt chính:	Hình phạt bổ sung: ☐ <i>phạt tiền</i> ☐ <i>cấm đảm nhiệm chức vụ</i> ☐ <i>cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định</i> ☐ <i>trục xuất</i> Mức hình phạt bổ sung:
	Hình phạt áp dụng đối với bị cáo là pháp nhân TM	
	Hình phạt chính: ☐ <i>phạt tiền</i> ☐ <i>Đình chỉ hoạt động có thời hạn</i> ☐ <i>Đình chỉ hoạt động vĩnh viễn</i> ☐ <i>Cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực....</i> ☐ <i>Cấm huy động vốn</i> Mức hình phạt chính: Hình phạt bổ sung: ☐ <i>phạt tiền</i> ☐ <i>cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong 1 số lĩnh vực</i> ☐ <i>cấm huy động vốn</i> Mức hình phạt bổ sung:	Các biện pháp tư pháp: ☐ <i>Tịch thu vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm</i> ☐ <i>Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại; buộc công khai xin lỗi</i> ☐ <i>Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu</i> ☐ <i>Buộc thực hiện một số biện pháp nhằm khắc phục, ngăn chặn hậu quả tiếp tục xảy ra.</i> Mức Tòa án đã áp dụng:
- Hành vi phạm tội khác: Điều luật		

Bản án hình sự phúc thẩm: Số....ngày :.../.../.....		
Điều, khoản áp dụng đối với hành vi phạm tội về ĐVHD: Điều.....khoản.....	☐ Miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt	
	Hình phạt áp dụng đối với bị cáo là cá nhân	
	Hình phạt chính: ☐ phạt tiền ☐ cải tạo KGG ☐ án treo ☐ tù có thời hạn. Mức hình phạt chính:	Hình phạt bổ sung: ☐ phạt tiền ☐ cấm đảm nhiệm chức vụ ☐ cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định Mức hình phạt bổ sung:
	Hình phạt áp dụng đối với bị cáo là pháp nhân TM	
	Hình phạt chính: ☐ phạt tiền ☐ Đình chỉ hoạt động có thời hạn ☐ Đình chỉ hoạt động vĩnh viễn ☐ Cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực.... ☐ Cấm huy động vốn Mức hình phạt chính: Hình phạt bổ sung: ☐ phạt tiền ☐ cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong 1 số lĩnh vực ☐ cấm huy động vốn Mức hình phạt bổ sung:	Các biện pháp tư pháp: ☐ Tịch thu vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm ☐ Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại; buộc công khai xin lỗi ☐ Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu ☐ Buộc thực hiện một số biện pháp nhằm khắc phục, ngăn chặn hậu quả tiếp tục xảy ra.

		Mức Tòa án đã áp dụng:
Đình chỉ, tạm đình chỉ vụ án:		
Quyết định đình chỉ vụ án: Số...ngày: .../.../.....	Cơ quan đình chỉ:	
Quyết định đình chỉ bị can: Số...ngày: .../.../.....	Cơ quan đình chỉ:	
Lý do đình chỉ:.....		
Quyết định tạm đình chỉ vụ án: Số...ngày:..../.../.....	Cơ quan tạm đình chỉ:	
Quyết định tạm đình chỉ bị can: Số...ngày:..../.../...	Cơ quan tạm đình chỉ:	
Lý do tạm đình chỉ:.....		

5. Hoạt động tương trợ tư pháp hình sự với nước ngoài đã được áp dụng

- Nếu có (có thể chọn hơn 1 ô):
- 1 ☐ Trao đổi thông tin
 - 2 ☐ Tổng đạt giấy tờ, hồ sơ, tài liệu liên quan đến TTTPHS
 - 3 ☐ Triệu tập người làm chứng, người giám định
 - 4 ☐ Thu thập, cung cấp chứng cứ
 - 5 ☐ Truy cứu trách nhiệm hình sự
 - 6 ☐ Các yêu cầu tương trợ tư pháp khác về hình sự

....., ngày..... tháng..... năm.....
Người lập phiếu
(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

Lucas, B. 2022. Impact of COVID-19 on poaching and illegal wildlife trafficking trends in Southern Africa – Tác động của COVID-19 đến hoạt động săn bắn và buôn bán trái phép động vật hoang dã tại Nam Phi.

United for Wildlife, Tim Wittig. 2020. How will COVID-19 impact global wildlife trafficking? COVID-19 tác động như thế nào đến buôn bán trái phép động vật hoang dã toàn cầu?

UNODC. 2020. World Wildlife Crime Report 2020: Trafficking in Protected Species. Báo cáo Toàn cầu về buôn bán động vật hoang dã 2020.

Cyranoski D. 2020. Mystery deepens over animal source of coronavirus. Nature 579: 18-19.

Lu R, Zhao X, Li J, Niu P, Yang B, Wu H, Wang W, Song H, Huang B, Zhu N, et al. 2020. Genomic characterisation and epidemiology of 2019 novel coronavirus: implications for virus origins and receptor binding. The Lancet 395: 565-574.

Zhang J, Jia W, Zhu J, Li B, Xing J, Liao M, Qi W. 2020. Insights into the cross-species evolution of 2019 novel coronavirus. Journal of Infection.

Zhou P, Yang X-L, Wang X-G, Hu B, Zhang L, Zhang W, Si H-R, Zhu Y, Li B, Huang C-L, et al. 2020. A pneumonia outbreak associated with a new coronavirus of probable bat origin. Nature 579: 270-273.

Liên hệ
Tổ chức WCS, Chương trình Việt Nam



Địa chỉ: 106 nhà D, số 3 Thành Công, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (+84) 24 3514 9750

Website: <https://vietnam.wcs.org>

Email: wcsvietnam@wcs.org

Facebook: fb.com/wcs.vietnam